

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Hữu Đang (I)

Tiểu sử

Sinh ngày 15.8.1913 tại làng Trà Vy, tỉnh Thái Bình.

Tác phẩm

Hiến pháp Việt nam và Trung hoa bảo đảm tự do dân chủ thế nào



Mục Lục

Nguyễn Đang, ông là ai? – Thụy Khuê - 2

Con người Phùng Cung và... – 8

Ngon tre vật vã cuối đông – Phùng Quán – 19

Phim Tết...ngày xưa – 26

Nhân văn, "người và việc" - Hoàng Khởi Phong - 28

Phụ đính I:

Công Trời Cẩn Tỷ – Thời hậu chiến – Ba đào

Kỷ niệm về thầy Đang ở trường Phan Chu Trinh

Đêm Nghi Tâm đọc Đỗ Phủ cho vợ nghe

Nguyễn Hữu Đang và Lê Công Định

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Nguyễn Hữu Đang, ông là ai? Thụy Khuê

Những năm gần đây và nhất là sau khi ông mất, nhiều sự kiện về cuộc đời Nguyễn Hữu Đang đã sáng tỏ hơn, một số tư liệu về con người ông đã được phơi bày ra ánh sáng và do đó chúng ta đã có thể tạm dựng một tiểu sử đầy đủ hơn về nhà văn hoá cách mạng lão thành.

Nguyễn Hữu Đang sinh ngày 15/8/1913 tại làng Trà Vy, huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình. Mất ngày 8/2/2007 tại Hà Nội. - Hà Nội

Theo bản «*Tóm tắt quá trình hoạt động xã hội của Nguyễn Hữu Đang*» do chính ông viết tay (tài liệu của diendan.org), thì năm mười sáu tuổi (1929), Nguyễn Hữu Đang tham gia Học sinh Hội (tổ chức thuộc Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội rồi Đông dương Cộng sản đảng). Là tổ trưởng và đối tượng kết nạp vào đảng. Cuối năm 1930, bị bắt bị tra tấn và bị giam 2 tháng rưỡi tại nhà lao thị xã Thái Bình. Mùa hè năm 1931, bị đưa ra toà, nhưng vì tuổi vị thành niên (trên giấy tờ, khai rút tuổi: sinh năm 1916), cho nên chỉ bị quản thúc tại quê nhà.

Từ 1932 đến 1936 theo học trường sư phạm Hà Nội.

1937-1939: tham gia Mặt trận dân chủ Đông dương. Biên tập các báo của Mặt trận như *Thời báo* (cùng Trần Huy Liệu, Nguyễn Đức Kính), *Ngày mới* (cùng Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Đức Kính) và các báo của Đảng Cộng sản như *Tin tức* (cùng Trần Huy Liệu, Phan Bội), *Đời nay* (cùng Đặng Xuân Khu tức Trường Chinh, Trần Huy Liệu).

Từ 1938 đến 1945, hoạt động trong Hội truyền bá quốc ngữ, ở các vị trí: Ủy viên ban trị sự trung ương, huấn luyện viên trung ương, trưởng ban dạy học, trưởng ban cổ động, phó trưởng ban liên lạc các chi nhánh tỉnh.

1943: Gia nhập đảng Cộng sản Đông dương, bắt đầu liên lạc mật thiết với Tổng bí thư Trường Chinh và thành ủy Hà Nội, nhưng chưa được chính thức kết nạp.

1943-46: Tham gia sáng lập và lãnh đạo Hội Văn hóa cứu quốc, tiếp tục hoạt động chống nạn mù chữ. Mùa thu năm 1944 bị Pháp bắt ở Hà nội và bị giam một tháng tại Nam Định. Được ra, tiếp tục hoạt động cách mạng.

Tháng 8/1945 dự đại hội Tân Trào, được bầu vào Ủy ban giải phóng dân tộc. Tham gia Chính phủ lâm thời mở rộng, cấp bậc thứ trưởng (Bộ truyền truyền). Được cử làm trưởng ban tổ chức ngày lễ tuyên bố độc lập 2/9/1945.

Từ tháng 10/45 đến tháng 12/46 giữ các chức vụ: Thứ trưởng bộ thanh niên. Chủ tịch uỷ ban vận động mặt trận văn hóa. Tổ chức Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất tại Hà Nội.

Tháng 12/46 đến tháng 3/48: Làm trưởng ban tuyên truyền xung phong trung ương.

Năm 1947, được chính thức kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông dương.

4/48-4/49, phụ trách báo *Toàn dân kháng chiến*, cơ quan trung ương của Mặt trận Liên Việt.

Tháng 4/1958 Nguyễn Hữu Đang bị bắt. Ngày 21/1/1960, bị ra tòa cùng với Thụy An, Phan Tại, bị kết án 15 năm tù vì tội «*phá hoại chính trị*». Bị đưa lên giam ở Hà Giang. Năm 1973, được trả về theo diện «*Đại xá chính trị phạm trong hiệp định Paris*.» và bị quản chế ở Thái Bình. 1989, được «*phục hồi*» cùng với các bạn trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm. 1990, được trả lương hưu và từ 1993, được về sống ở Cầu Giấy, Nghĩa Đô, ngoại ô Hà Nội cho đến lúc mất.

Bài viết này gửi đến những bạn trẻ muốn đặt câu hỏi: *Nguyễn Hữu Đang, ông là ai?*

Để trả lời câu hỏi này, dĩ nhiên chúng ta không thể bằng lòng với những gì ông đã ghi trong tiểu sử viết tay mà chúng tôi vừa trình bày ở trên. Bởi những gì được ghi nhận một cách chính thức, trên thực tế, chưa hẳn là đã diễn ra như vậy.

Ví dụ: Quảng đời 6 năm, từ 1948 đến 1954, về mặt chính thức thì ông giữ chức Trưởng ban thanh tra Bình dân học vụ (từ 7/1949 đến 10/1954). Nhưng trong nhật ký Nguyễn Huy Tường, không có dòng nào về Nguyễn Hữu Đang trong suốt thời kỳ 1948-1954 này. Tại sao? Chúng ta thử tìm thấy lý do qua lời Nguyễn Huy Tường, lời Hoàng Cầm và qua bài buộc tội và mạ lỵ của Hồng Vân tựa đề «*Tên quân sự quạu mo: Nguyễn Hữu Đang*» đăng trên báo Văn Nghệ số 12 tháng 5/58, in lại trong cuốn *Bọn Nhân văn Giai phẩm trước toà án dư luận*, nxb Sự Thật, Hà Nội, 1959. Bài của Hồng Vân có nhiều chi tiết đặc biệt về Nguyễn Hữu Đang mà chỉ những người có quyền mới biết được. Một mặt khác, nhìn lại địa vị và uy tín của Nguyễn Hữu Đang trong chính trị cũng như văn nghệ, Hồng Vân (*máy hồng có gì gần gũi với sóng hồng chẳng?*) hẳn là ẩn danh của một người tầm cỡ như Trường Chinh, Xuân Thủy... mới có đủ «thẩm quyền» để viết bài «đánh» Nguyễn Hữu Đang, như người ta đã giao cho Nguyễn Công Hoan đánh Phan Khôi, Phạm Huy Thông đánh Trần Đức Thảo, Hoài Thanh đánh Trương Tửu, Xuân Diệu đánh Lê Đạt... vậy.

Nhà hoạt động văn hóa và cách mạng Nguyễn Hữu Đang là một trong những khuôn mặt trí thức dẫn thân tranh đấu cho tự do dân chủ can trường nhất trong thế kỷ XX. Là cột trụ của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, Nguyễn Hữu Đang đã bị bắt, bị cầm tù, bị quản thúc và mất quyền tự do phát biểu trong 50 năm (từ 1957 đến 2007, khi ông mất).

Cuộc đời ông nhiều điểm vẫn còn trong vùng tối, bởi sau khi chấm dứt thời kỳ quản thúc ở Thái Bình, tuy được về sống tại Cầu Giấy, ngoại ô Hà Nội, ông vẫn bị «chăm sóc» kỹ càng. Điện thoại của ông, cũng như của các thành viên cựu Nhân Văn đều bị kiểm soát, nhưng riêng ông, ông không được phục hồi quyền phát biểu, tức là không được quyền trả lời phỏng vấn công khai như những người khác.

Lần duy nhất chúng tôi tiếp xúc với ông qua điện thoại viễn liên Paris-Hà Nội, cuối tháng 8 năm 1995, là nhờ sự giúp đỡ của nhà thơ Lê Đạt, nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày Tuyên ngôn Độc Lập 2/9/1945, để phỏng vấn ông, qua điện thoại của Lê Đạt, về ngày lễ này do ông tổ chức, rồi nhân đó hỏi thêm ông về chuyện Nhân văn. Buổi thu thanh duy nhất đó được phát làm hai lần trên RFI trong tháng 9/1995 (có thể nghe lại trên <http://thuykhue.free.fr>). Phần ông trả lời về Nhân văn Giai phẩm, chúng tôi đã ghi lại và in trên Hợp Lưu 81, tháng 2-3/2005, số đặc biệt về phong trào Nhân văn Giai phẩm. Hợp Lưu số này in toàn bộ cả hai phần, để độc giả có một cái nhìn toàn diện hơn về con người văn hoá và chính trị Nguyễn Hữu Đang.

Kỷ luật áp dụng cho ông nghiêm ngặt hơn tất cả các bạn đồng hành. Lần cuối cùng tôi về Hà Nội vào mùa thu năm 1997, ông đến thăm 2 lần, nhưng lần nào cũng do ông V.T, người của bộ nội vụ, chở ông đi. Ông V.T nay cũng đã mất. Câu chuyện, vì có sự hiện diện người của bộ nội vụ, nên đã không nói được gì; những điều không thể hỏi ông qua điện thoại, đến khi gặp mặt cũng không hỏi được. Bao nhiêu chi tiết muốn ông soi tỏ về những hoạt động, những khúc mắc ngày xưa, về quãng đời tranh đấu truân truân, vẫn còn nguyên trong bóng tối. Nhưng lần ấy, ông dặn: «*Anh em mình sẽ cố gắng làm chung với nhau một số chương trình văn hóa văn nghệ. Chỉ văn nghệ thôi.*» Như để gián tiếp trấn an người thứ ba.

Khi trở về Paris, tôi đã cố gắng điện thoại cho ông nhiều lần để «thực hiện chương trình», nhưng chỉ sau vài câu thăm hỏi là điện thoại lại bị cắt, mặc dù đề tài nói chuyện, như đã dự định, chỉ chuyên về văn hóa. Có lần phần uất quá, ông đã quát lên trong điện thoại: «*Chúng ta chỉ nói với nhau những chuyện văn hóa văn nghệ, chứ có làm gì phản dân, hại nước đâu mà chúng nó cũng...*» Lời ông chưa dứt, tiếng điện thoại đã lại u... Câu nói dở dang ấy đã gây chấn động trong tôi trong nhiều năm tháng. Và suốt thời gian còn lại, tôi không bao giờ điện thoại cho ông nữa, một phần vì không muốn ông bị phiền phức thêm trong cuộc đời quá nhiều thử thách, đốn đau; nhưng còn một lý do nữa là sau này ông bị nặng tai, càng ngày càng nghe không rõ, những người đến thăm ông thường phải bút đàm.

Cùng trong Nhân Văn, nhưng về cách đối xử, ông được «biệt đãi» hơn các bạn, biệt đãi đến phút cuối. Bởi ông được coi là «đầu sỏ». Đám tang Văn Cao, rồi Phùng Quán, Trần Dần đều

đã được cử hành tương đối trọng thể (dù chỉ để che mắt thế gian). Hoàng Cầm, Lê Đạt còn được đọc điều văn khốc bạn trước linh cữu Trần Dần. Đến Nguyễn Hữu Đang mọi chuyện đã khác.

Tang lễ Nguyễn Hữu Đang cũng được nhà nước cử hành, nhưng mọi sự dường như đều đã toan tính sao cho vừa đủ lễ bộ, trong lặng lẽ, khiến người thân không biết để đến dự. Trước linh cữu ông, hành động Nhân văn vẫn còn bị chính thức tuyên bố là một «sai lầm». Chỉ vài giờ sau khi ông mất, chúng tôi đã được tin cho nên đã kịp thời liên lạc với hai nhà thơ Lê Đạt và Hoàng Cầm, để ghi âm những lời tiễn bạn của hai nhà thơ qua điện thoại viễn liên Paris-Hà Nội. Riêng Hoàng Cầm hôm ấy, mặc dù tuổi cao, và sau khi bị ngã, ông chỉ nằm không còn đi lại được nữa, nhưng ông đã muốn nói thật dài về con người Nguyễn Hữu Đang. Nhà thơ nói không ngừng, nhưng sau khi thu thanh được gần một tiếng, vì sợ ông mệt, chúng tôi đề nghị ông tạm ngừng để hôm sau thu tiếp. Nhưng cả ngày hôm sau và hôm sau nữa, không thể liên lạc được với ông vì đường giây điện thoại Hoàng Cầm-Paris đã bị chặn. Như vậy, tiếng nói của những thành viên Nhân Văn Giai Phẩm, cho đến hôm nay, vẫn còn bị kiểm soát chặt chẽ, đặc biệt trong những phát biểu về Nguyễn Hữu Đang và những gì liên quan đến phong trào Nhân văn Giai phẩm.

Bút hiệu

Nguyễn Hữu Đang có nhiều bút hiệu khác nhau và hiện nay chưa biết rõ ông đã dùng bao nhiêu bút hiệu trong cuộc đời tranh đấu cách mạng và trong thời kỳ Nhân văn Giai phẩm, vì vậy, việc tìm lại những bài viết của ông không dễ dàng. Một ví dụ: ngay bài «*Người thuyền trưởng*» ông viết về Nguyễn Văn Tố, cũng dưới hai bút hiệu khác nhau: phần đầu Phạm Đình Thái, phần sau Dương Quang Hiệt, sau mới thu thập lại làm một dưới tên Nguyễn Hữu Đang. (Bài *Người thuyền trưởng* viết nhân dịp kỷ niệm 50 năm Hội Truyền bá quốc ngữ (1938-1988), đăng trong tập kỷ yếu của Hội, do nhà xuất bản Bộ giáo dục ấn hành, sau này đăng lại trên Diễn Đàn số 78, tháng 10/1998, và diendan.org).

Trong thời kỳ làm báo Nhân văn, Nguyễn Hữu Đang, ngoài bài «*Hiến pháp Việt nam năm 1946 và hiến pháp Trung hoa bảo đảm tự do dân chủ thế nào?*» trên Nhân văn số 5, ký tên thật, và bài trên Nhân văn số 6 (không ra được), còn có những bài nào khác, ông ký những tên gì?

Mạnh Phú Tư trong bài đã kích Nguyễn Hữu Đang, viết: «*Hắn lẩn mình và rút lui vào bí mật. Suốt bốn số báo đầu, người ta không thấy một bài nào ký tên Nguyễn Hữu Đang*».

Ba người có thể cho biết rõ về việc này là hai nhà thơ Lê Đạt, Hoàng Cầm, và họa sĩ Trần Duy. Trần Duy là thư ký toà soạn báo Nhân văn, nhưng đã từ lâu ông im lặng.

Hoạt động Truyền bá quốc ngữ

Về phong cách hoạt động của Nguyễn Hữu Đang trong phong trào Truyền bá quốc ngữ, Nguyễn Huy Tưởng ghi trong nhật ký ngày 16/6/1942: «*Anh Nguyễn hữu Đang xuống làm việc cho Truyền bá quốc ngữ từ hơn hai tháng nay. Anh xin nghỉ ở sở Tài chính (Hà Nội) xuống đây làm việc nghĩa. Đức hy sinh của anh thực không thể nào tả được. Nhờ anh mà phong trào quốc ngữ ở Hải phòng chết đi nay sống lại. Anh như một ông tướng khuyến khích được cả một đạo quân chiến bại. Muốn làm một bài thơ tặng anh ấy*».

Trong bài *Người thuyền trưởng*, Nguyễn Hữu Đang viết: «*Mùa hè năm 1938, vào cuối tháng năm, một hôm đọc báo hàng ngày ở một trạm Bưu điện, cách Hà Nội hơn trăm cây số, tôi thấy bài tường thuật buổi cổ động đồng thời cũng là lễ ra mắt của Hội truyền bá quốc ngữ Bắc kỳ ở sân quần vợt Cầu lạc bộ thể thao An-Nam (CSA), mấy nghìn người tới dự, có cả đại diện Thống sứ Bắc kỳ, tổng đốc Hà Đông, đốc lý Hà Nội, chủ tịch Chi nhánh Hội nhân quyền Pháp, bí thư Chi nhánh đảng Xã hội Pháp (SFIO), nhiều nhân sĩ Pháp, Nam nổi tiếng, tôi chăm chú đọc*».

Như chúng ta đã biết *Hội truyền bá quốc ngữ* xuất thân từ Hội Trí Tri. Cụ Nguyễn Văn Tố, nhà nghiên cứu sử học và Hán học tại trường Viễn Đông Bác Cổ là Hội trưởng Hội Trí Tri, kiêm Hội trưởng Hội truyền bá quốc ngữ. Trong số những thành viên xây dựng Hội có các nhà trí thức như Hoàng Xuân Hãn, tác giả bài học thuộc lòng: *i tờ có móc cả hai...*

Lời chứng trên đây của Nguyễn Hữu Đang xác định lại một số vấn đề mà đến nay vẫn thường được người ta làm mập mờ đi:

- Lúc đầu, Hội được chính quyền thuộc địa chính thức công nhận.

- Nguyễn Hữu Đang không phải là một trong những người sáng lập hội như một vài tài liệu đã ghi. Trong bài này, ông cho biết lúc ấy ông đang dạy học ở nông thôn, hè về Hà Nội, tình cờ gặp Đào Duy Kỳ ở ngoài phố, Đào Duy Kỳ khuyên ông nên đến Hội Trí Tri, phố Hàng Quạt để nhận việc dạy học giúp Hội.

- Việt Minh, mặc dầu có những người tham dự Hội truyền bá quốc ngữ, nhưng không có vai trò lãnh đạo và khai sinh ra Hội Truyền bá quốc ngữ, như khẩu hiệu: *«Diệt giặc ngoại xâm ta có chiến dịch Điện Biên Phủ, diệt giặc dốt, ta có chiến dịch Truyền bá quốc ngữ»*. Trong những tài liệu chính thức của nhà nước, người ta không nhắc đến vai trò chủ chốt của Hoàng Xuân Hãn trong Hội Truyền bá quốc ngữ, vì ông không theo cộng sản.

Vấn theo bài viết của Nguyễn Hữu Đang, chúng ta được biết từ 1938 đến 1945, trong *«Bảy năm liền, thuyền trưởng Nguyễn Văn Tố, về căn bản, đã làm tròn nhiệm vụ»*. Sau khi Việt Minh lên nắm chính quyền (1945), chính phủ cách mạng lâm thời quyết định thành lập Nha Bình dân học vụ để thay thế Hội truyền bá quốc ngữ. Từ đó vai trò thuyền trưởng của Nguyễn Văn Tố mới chấm dứt.

Trước 1954

Về tài trí của Nguyễn Hữu Đang, ngày 30/7/1942, Nguyễn Huy Tưởng ghi trong nhật ký: *«Nghe Đang nói chuyện, tự thẹn. Anh đã biểu lộ ngay từ bé một tính cách đặc biệt, hùng hổ và ngang tàng. Không sợ, khinh quyền thế, biến báo giỏi, biết thân phận mình, tin ở tài mình, đó là những tính cách của một người giỏi»*.

1945 là năm Nguyễn Hữu Đang hoạt động mạnh, về mặt chính trị, ông được chủ tịch Hồ Chí Minh trao cho trọng trách tổ chức ngày lễ Độc Lập ở Ba Đình; về mặt văn hóa, ông chủ trương tạp chí Tiên Phong cùng Đặng Thai Mai viết bài *Định nghĩa hai chữ văn hóa* (in trên Tiên Phong số 1, ra ngày 10/11/1945). Tư thế chính trị và văn hóa của Nguyễn Hữu Đang từ 1945 đến 1947 đã lên tới tột điểm.

Vị trí này được Nguyễn Huy Tưởng xác định trong nhật ký ngày 15/11/1947: *«Chuyện Tham Ý. Phục các cán bộ Việt minh (...) Phục Đang. Hỏi thăm một người: Có phải là cánh tay phải của cụ Hồ không? Bản khoán không biết bây giờ Đang về khu này thì phải vào chức gì cho xứng? Theo ý anh tham biện ấy, thì ở đây không có một chức gì cao hơn để Đang làm cả, vì Đang trên cả uỷ ban kháng chiến»*.

Qua bài *Định nghĩa hai chữ văn hóa*, chúng ta biết được những nhận thức của Nguyễn Hữu Đang về văn hóa, biết được mối tương giao của ông với những nhà văn hóa đương thời như Nguyễn Đức Quỳnh (nhóm Hàn thuyên), Đào Duy Anh. Chính sự giao thiệp rộng của ông với các nhà trí thức trong nhóm Hàn Thuyên đã gây khó khăn cho ông.

Qua lời buộc tội của Hồng Vân trong bài *«Tên quân sư quạt mo: Nguyễn hữu Đang»*, chúng ta có thể hiểu rõ nguyên nhân tại sao ngay từ năm 1929, 16 tuổi, ông đã được coi là «đội tượng kết nạp» mà mãi đến năm 1947, Nguyễn Hữu Đang mới được kết nạp vào đảng, cũng như việc ông xa rời đảng khoảng một năm sau khi được kết nạp:

«Khi phân công Nguyễn Hữu Đang đi vận động nhóm Hàn thuyên, thì hắn trở về mang theo cái chủ trương «cần dựa vào Nhật của bè lũ tờ- rớt-kít.»

«Bất mãn với đoàn thể Văn Hóa Cứu quốc và nhân cơ hội Đảng chủ trương mở Đại hội văn hóa toàn quốc, Nguyễn Hữu Đang xin ra lập ban vận động Đại hội văn hóa toàn quốc.»

«Nguyễn Hữu Đang tự động làm mọi việc không thảo luận gì với anh em, không xin chỉ thị của Đảng. Nguyễn Hữu Đang liên hệ với người này người khác, không cần biết thái độ chính trị ra sao. Công việc đương tiến hành thì kháng chiến bùng nổ.»

«Đang tổ chức thanh niên xung phong rất quy mô và tiêu tốn rất nhiều tiền (...) không quỹ nào cung cấp cho đủ. Tổ chức thanh niên xung phong của Đảng phải giải tán. Nguyễn Hữu Đang lại được Đảng điều động về làm Thanh tra Bình dân học vụ.»

«Đang tham gia phong trào đã lâu, nhưng vì đầu óc vô chính phủ và tư tưởng cơ hội nặng nề như vậy cho nên đến năm 1947 mới được kết nạp vào Đảng. Nhưng rồi công không thành danh không toại, Đang sinh ra chán nản. Cơ quan Bình Dân học vụ dọn lên Việt Bắc. Đang ở lại Thanh Hóa làm «quân sự» cho nhà xuất bản Minh Đức (...) Từ ngày đó, Nguyễn Hữu Đang đã tự ý bỏ cơ quan và cũng từ ngày đó Đang đã xa rời hàng ngũ của Đảng. Khoảng năm 1951 thì Đảng cắt đứt sinh hoạt của Đang. Từ đó, khi Cầu Bó, khi Hậu Hiền, Đang luôn luôn chửi Đảng, chửi cách mạng.»

Năm 1947 ông được kết nạp vào đảng, và theo Nguyễn Huy Tưởng, thì năm 1947, ông vẫn còn được coi là nhân vật quan trọng nhất nhì bên cạnh chủ tịch Hồ Chí Minh.

Vậy Nguyễn Hữu Đang đã lặng lẽ bỏ đảng từ năm nào?

Theo Hồng Vân, Nguyễn Hữu Đang bỏ hoạt động từ khi cơ quan Bình dân học vụ dọn lên Việt Bắc. Như vậy, cần xem lại: Cơ quan Bình dân học vụ dọn lên Việt Bắc năm nào? Nhưng có lẽ đây chỉ là cái cớ mà Nguyễn Hữu Đang đưa ra để ngừng hoạt động.

Hoàng Cầm có một lý do sâu xa hơn: «Vào khoảng tháng 7 năm 48, có Đại hội văn hóa toàn quốc do ông Trường Chinh đề xướng và làm chủ tịch. Hội nghị văn hóa toàn quốc được tổ chức để động viên và hướng dẫn trí thức và văn nghệ sĩ chuẩn bị đi sâu vào cuộc kháng chiến (...) Tức là lúc bấy giờ hội nghị mới đề ra văn nghệ kháng chiến. (...) Sau hội nghị đó, không hiểu vì lý do gì anh Đang không làm công tác kháng chiến nữa, anh về Thanh Hóa, ở nhà người bạn là anh Trần Thiệu Bảo, giám đốc nhà xuất bản Minh Đức (...) Mãi sau này, hòa bình rồi, về Hà Nội tôi cũng chỉ nghe phong phanh anh em bàn tán thôi chứ hỏi anh Đang thì anh cũng không nói, là hình như trong hội nghị văn hóa toàn quốc, anh Đang có mâu thuẫn về đường lối văn nghệ, văn hóa với ông Trường Chinh. Do mâu thuẫn không giải quyết được, cho nên anh Đang không làm việc nữa, anh nghỉ. Anh về Thanh Hóa» (Xem bài phỏng vấn Hoàng Cầm trong phần Tưởng niệm Nguyễn Hữu Đang).

Nhưng theo bản tường trình của Xuân Diệu về Hội nghị văn nghệ toàn quốc, thì Nguyễn Hữu Đang không đi dự hội nghị này. Như vậy, mối bất đồng giữa Trường Chinh và Nguyễn Hữu Đang đã xảy ra trước hội nghị cho nên Nguyễn Hữu Đang mới không đi dự.

Vẫn theo lời Hoàng Cầm, sau khi hòa bình lập lại, Trường Chinh bàn với Tố Hữu rằng anh Đang đã lâu lắm anh ấy không làm gì, vậy nên mời anh ấy ra hoạt động lại. Điều này phù hợp với việc Nguyễn Huy Tưởng mời Nguyễn Hữu Đang về báo Văn Nghệ, như lời chứng của Lê Đạt và như Nguyễn Huy Tưởng ghi trong nhật ký.

Tóm lại thời kỳ 1948-1954, trái với những gì ghi trong tiểu sử chính thức: Trong 6 năm, Nguyễn Hữu Đang ngừng mọi hoạt động với chính quyền cách mạng.

Và khi trở lại, thì ông bắt đầu bằng việc tổ chức lớp học tập 18 ngày, trong đó ông đã đọc một bài tham luận nẩy lửa chỉ trích những sai lầm của đảng và của lãnh đạo văn nghệ. Theo Hoàng Cầm, tinh thần văn nghệ sĩ nêu những *thắc mắc*, cũng phát sinh từ lớp học này. Và cũng chính vì tinh thần chỉ trích của Nguyễn Hữu Đang đã khiến Nguyễn Huy Tưởng ghi trong nhật ký những hàng sau đây:

«Nguyễn Hữu Đang tiêu cực. Ở đâu cũng thấy không vừa ý. Người có caractère, ở đâu cũng có ảnh hưởng đến anh em. Anh em toà soạn khen là chí công vô tư, nhưng tư tưởng rất là nguy hiểm. Một điển hình của một chiến sĩ làm cách mạng bất mãn (nhật ký ngày 21/4/55)». «Đầu óc nặng vì bài Đang công kích thuế. Hữu khuynh (24/4/1955)». «Học tập tình hình và nhiệm vụ. Đang không học tập. Đúng hôm góp ý kiến cho Tiểu ban thì đến. Đặc biệt đã kích mình: (đã) in Gốc đa, Gặp Bác, v.v.. (23/6/1955)». «Nguyễn Hữu Đang nổi lên. Tiếc rằng kéo

anh ta về văn nghệ để làm rầy rà mình. Chính người chủ mình nhất là Nguyễn Hữu Đang (21/8/56)».

Những bức mình và dấn vật này của Nguyễn Huy Tường về tình hình chung và về Nguyễn Hữu Đang càng làm sáng tỏ tấm lòng và nhân cách của Nguyễn Huy Tường trong việc bênh vực Nhân văn sau này.

Hoạt động Nhân Văn

Theo lời buộc tội của Mạnh Phú Tư: «Người ta không thấy tên tuổi Nguyễn Hữu Đang trên những số đầu báo Nhân văn, nhưng chính hắn là linh hồn của tờ báo. Hắn tìm tiền, kiếm giấy, thu xếp việc ấn loát và viết bài, nhưng lại ký tên người khác, che lấp những nguồn tài chính, những người cung cấp phương tiện bằng hình thức nêu danh những người góp tiền in báo có một nhân lên gấp mười!». (xem bài Mạnh Phú Tư).

Trong bản tự kiểm thảo, Trần Dần cũng đã xác định: «Nếu không có Đang, không ai có thể tập hợp anh em được. Sẽ không có tham luận với những đề nghị: gặp Trung ương, ra báo... mà cũng sẽ không có tờ Nhân Văn».

Sau đây chúng tôi đúc kết những lời Lê Đạt nói về tờ Nhân văn và vai trò của Nguyễn Hữu Đang trong báo Nhân văn, trên HL số 81:

«Tháng 5 năm 1956, bắt đầu ở Trung Quốc có phong trào Trăm Hoa Đua Nở thi ở Việt Nam cũng bắt đầu có cuộc học tập văn nghệ về vấn đề dân chủ. Trong cuộc học tập này, anh em phê phán văn nghệ rất nhiều, trong đó nổi bật lên vai trò của anh Nguyễn Hữu Đang. Và tôi phải nói về anh Đang như thế này: Anh Đang là người hoạt động lâu năm ở trong Đảng, nhưng đã từ lâu - hình như có cái gì không bằng lòng mà trong danh từ của chúng tôi người ta thường gọi là «bất mãn» - anh không hoạt động nữa. Lúc bấy giờ Nguyễn Huy Tường có đón anh ấy ra để làm báo Văn Nghệ, cùng với tôi. Trong buổi học tập Văn Nghệ đó, anh Đang có đọc một bài tham luận rất hùng hồn về những sai lầm của lãnh đạo văn nghệ. Lúc đó Đang có nói một câu với Nguyễn Đình Thi - Nguyễn Đình Thi lúc ấy là một trong những người chịu trách nhiệm tờ Văn Nghệ - Đang nói rằng: «Thế nào tao cũng ra một tờ báo, tờ báo chưa biết tên là gì, tao thì không làm được nhưng để cho bọn Giai Phẩm Mùa Xuân nó làm». Đó là lời nói của Đang như thế. Trong tất cả các anh em Giai Phẩm Mùa Xuân chỉ có tôi là biết Đang thôi, nhưng do việc họp văn nghệ như thế thì Đang cũng dần dần biết anh em chúng tôi nhiều hơn, tiếp xúc với nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân nhiều hơn, nhưng Đang cũng chỉ thân với tôi thôi. Thế còn Trần Dần, Văn Cao, và các anh em... cũng không thân gì với Đang lắm.

Đang nói với tôi: «Thế nào cũng phải ra báo và ra báo thì chắc là tụi mày phải làm thôi.» Vì tình hình Trung Quốc họ làm như thế, cho nên ở Việt Nam cũng có cởi mở hơn về vấn đề dân chủ, tháng 9 năm 1956, cho tái bản Giai Phẩm Mùa Xuân. Như thế bước đầu, có thể gọi là một thắng lợi. Và trong tình hình sôi sục như thế Đang có đề nghị ra một tờ báo, tờ báo này chính là tờ Nhân Văn.

Đến lúc ra báo Nhân Văn, cũng lại có nhiều khó khăn lắm. Anh Dần muốn trực tiếp lo chuyện gia đình vì anh ấy gặp nhiều khó khăn quá: bị bắt rồi lại phải lo cho con cái. Còn tôi lúc đó, tôi cũng muốn nghỉ (...) Chúng tôi mới quyết định thế này: Anh Cẩm đang rỗi rãi, bèn giao Nhân Văn cho anh Cẩm. Tách anh Cẩm ra làm việc chung với anh Đang (...) Việc quản trị tờ Nhân Văn là do anh Đang lo. Anh Đang trước đã hoạt động trong giới văn hóa nội thành, cho nên anh ấy quen rất nhiều những người làm văn hóa và những cơ sở in ấn ở nội thành.

Về số 1 Nhân Văn, nguồn gốc cái tên Nhân Văn, bây giờ kể lại, có hơi phức tạp, vì tôi không hiểu là ai nói đúng. Tôi nghĩ rằng các anh ấy cũng chẳng nói dối đâu, nhưng chắc là trí nhớ của các anh không phục vụ các anh một cách trung thành: Anh Cẩm thì nói rằng tên Nhân Văn là do anh ấy nghĩ ra. Còn anh Đang cũng nói Nhân Văn do anh ấy nghĩ ra, thực tình tôi cũng không hiểu như thế nào. Còn mọi việc cứ để các anh tỉnh trí nghĩ lại (...) Sáng kiến này là của Đang - Đang bảo: «Hay là mời cụ Phan Khôi? Mà cụ Phan Khôi cũng lại không thân gì

với Đặng lắm. Thế là anh Hoàng Cầm được cử đến mời cụ Phan Khôi. Phan Khôi khẳng khái nhận lời ngay».

Tất cả những trích dẫn trên đây đã cho ta thấy rõ hơn chân dung của Nguyễn Hữu Đang. Một mặt khác, qua những bài viết của ông, mà chúng tôi tạm thời thu thập được, độc giả sẽ thấy nhiều khía cạnh khác nhau trong con người ông: một nhà văn hóa qua bài *Định nghĩa hai chữ Văn hóa* (viết chung với Đặng Thai Mai). Tinh thần tranh luận khoa học và lịch lãm trong bài *Văn Hóa tức là*. Óc phân tích phê bình trong bài *Con người Phùng Cung và những bài thơ hay trong tập Xem Đêm*. Tinh thần đấu tranh cho tự do dân chủ trong bài *Hiến pháp Việt Nam năm 1946 và Hiến pháp Trung Hoa bảo đảm tự do dân chủ thế nào?* Tài tổ chức, sự thẳng thắn, khúc chiết, tài hùng biện, trong bài trả lời phỏng vấn.

Về con người và uy tín của Nguyễn Hữu Đang, chúng ta sẽ tìm thấy trong các mảnh chân dung mà hai nhà thơ Lê Đạt, Hoàng Cầm nói về ông, đặc biệt những dòng trong nhật ký Nguyễn Huy Tưởng, một người bạn thân đối lập về chính trị. Tố Hữu, Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Đình Thi là ba nhân vật có chức quyền trong ban lãnh đạo văn nghệ thời đó. Nhưng thái độ của Nguyễn Huy Tưởng đối với Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt và Nhân văn Giai phẩm khác hẳn thái độ của Tố Hữu và Nguyễn Đình Thi. Nhà văn Nguyễn Huy Thắng (con trai Nguyễn Huy Tưởng) đã thu thập những điều Nguyễn Huy Tưởng viết về Nguyễn Hữu Đang trong nhật ký, và qua bài sưu tập này, chúng ta lại càng thấy rõ những gì ông lưu lại trong nhật ký, vừa vẽ nên chân dung Nguyễn Hữu Đang, vừa vẽ chân dung Nguyễn Huy Tưởng như một nhà văn hiếm hoi, nếu không muốn nói là duy nhất, trong ban lãnh đạo văn nghệ, không những đã giữ được nhân cách của mình, mà còn viết thư phản đối Trường Chinh, bảo vệ Nhân văn Giai phẩm, trong một thời mà con người, dù tài năng đến đâu, cũng khó tránh khỏi việc bán rẻ lương tâm, sống mất mình trong phong trào bôi bét. Một số bài mạt ly Nguyễn Hữu Đang cũng được đăng lại ở đây, để một mặt chúng ta thấy rõ mối lo sợ của nhà cầm quyền trước sức mạnh của phong trào, và một mặt khác, cái không khí bôi bét thấp hèn mà những người trong Nhân văn Giai phẩm đã phải chịu đựng trong nhiều thập kỷ.

Con người Phùng Cung và những bài thơ hay trong tập *Xem đêm*



Tranh Văn Cao

Cách đây ba năm, khi tôi còn ở quê (Thái Bình) và Phùng Quán còn sống bên Hồ Tây, ông khoe với tôi tập thơ hầy còn là bản thảo của Phùng Cung mà ông khen hết lời. Tôi nửa tin nửa ngờ: văn xuôi thì qua truyện ngắn *Con ngựa già của Chúa Trịnh* nổi tiếng, Phùng Cung đã tỏ ra có nghệ thuật vững, còn Phùng Cung làm thơ thì chưa chắc đã hay. Nhưng khi được đọc bản thảo, dù khó tính, tôi cũng thích thú. Nhiều bài hay, có những bài đáng coi là tuyệt tác. Và tôi cùng ông Quán cố gắng tạo điều kiện cho tác phẩm ra đời.

Nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin đã sốt sắng nhận làm bà mẹ đỡ đẻ cho đứa con tinh thần này của Phùng Cung. Khi đón nhận nó với cái tên ngộ nghĩnh *Xem Đêm*, tôi nghĩ ngay đến một câu của thi hào cổ đại Horace như đã «ưng» vào trường hợp này: «*Tôi sẽ không chết tất cả*» (ngụ ý sau khi thi sĩ qua đời, tác phẩm của ông là một phần con người ông sẽ còn sống mãi), Phùng Cung cũng hoàn toàn tin tưởng lạc quan ở sức sống lâu dài của thơ ông như Horace nghĩ về thơ mình. Và cố nhiên bấy lâu ông hằng mong thơ ông chóng thoát ly bản thảo để sức sống kia được thử thách và cống hiến.

Thơ Phùng Cung tích lũy trong thâm lặng khắc kỷ đã phải nằm chờ hơn hai mươi năm dưới lớp bụi thờ ơ, như Hằng Nga ngủ trong rừng, chưa có Hoàng tử Đẹp trai đến đánh thức, nay một phần được in là tín hiệu việc quản lý văn nghệ có khả năng mở ra một thời kỳ đổi mới - một thời kỳ mà Ehrenbourg gọi là «đợt tan băng giá»- chí ít cũng hứa hẹn sẽ phóng khoáng hơn trước. Hứa hẹn chung với mọi người thì chưa chắc đã thực hiện được, nhưng riêng với Phùng Cung thì rõ ràng ông là một cây bút vốn bị hoàn cảnh không bình thường kìm hãm, đang giành lại chỗ đứng dưới mặt trời. Nếu không, sẽ chẳng bao giờ chúng ta biết đến một tập thơ đáng trân trọng.

Tập *Xem đêm* đem lại cho chúng ta những vẻ đẹp bất ngờ trong môi trường nông thôn cũ (chưa cơ khí hóa, điện khí hóa, tập thể hóa), nơi có hai nét đặc trưng cổ truyền là *quang cảnh thanh bình và tinh thần thuần phác* mà văn học thường phản ánh như sự đềm bù cho tình trạng nghèo khổ, lạc hậu, hai nét đặc trưng mà những đồng bào đi sinh sống ở nước ngoài thường nhớ tới như diện mạo quê hương. Nói cho đúng, đó là hình ảnh tổng hợp những nét chung của nông thôn miền châu thổ sông Hồng trong một quãng dài lịch sử ngàn năm, một hình ảnh mà tác giả tha thiết giữ trong ký ức vì ông đã quynh luyện nó từ «thời mũi rãi». Cái nỗi yêu quý ngày xưa đã trở thành nguồn cảm hứng phong phú ngày nay cho một tâm hồn bén nhạy.

Hiện thực ở đây đã được chất lọc qua rung động thẩm mỹ nên thơ mộng, nhưng cũng rất thật. Thân quen biết mấy, những cánh đồng bát ngát, ruộng lúa, bãi ngô, vườn dâu, nương vừng, xóm trại, khúc sông, bến đò, quán chợ, giếng đình, giàn trầu, giàn bí, lũy tre, ao bèo, củ khoai, nải chuối, quả ổi, trái ớt, hoa bưởi, hoa cau ... và cả một thế giới động vật nhộn nhịp những trâu, bò, gà, chó, chim, cò, giun, dế, chuồn chuồn, đom đóm... xung quanh những con người lam lũ, hiền lành, có cô con gái «ý tứ soi gương đáy nón», có truyện cũ chàng trai si tình «đề thơ vật áo», có người mẹ trẻ «sữa con so ướm yếm», có người vợ dầm về chợ tối «bước sắp ngựa» ... Bấy nhiêu hình ảnh tràn ngập không gian vang vọng tiếng gọi đò, tiếng sáo diều, tiếng tù và, tiếng chó sủa, tiếng ru con ... Tất cả chung đúc lại thành bức tranh quê quen thuộc mà một Anh Thơ hay một Đoàn Văn Cừ đã có lần ghi chép thật thà, mộc mạc, hoặc kết thành một khúc nông ca (bucolique) mà Virgile đã để lại mẫu mực.

Nhưng tập *Xem đêm* không chỉ có thế. Do tự nhiên thuận lợi hay sáng suốt lựa chọn, Phùng Cung đã tìm được cho thói quen tản tiện lời nói của mình một địa hạt đặc dụng là địa hạt thơ, nó đòi hỏi phong cách diễn đạt hàm súc. Thơ hai-kai của Nhật Bản mà thế giới đánh giá cao đã chứng tỏ khả năng truyền cảm, gợi ý tối đa của lời văn tối thiểu.

Tuy vậy Phùng Cung cũng chưa yên tâm mà vẫn đầu tư biết bao công sức để tìm những lời thơ «xuất thần», tìm không mệt mỏi như dân hải đảo mò ngọc trai. Ôi công sức của Phùng Cung, có lẽ bậc thầy Đỗ Phủ cũng phải bằng lòng vì đã mặc nhiên thực hiện câu thề nguyện của nhà đại thi hào đối với thơ: «*Lời không làm cho người ta kinh hãi thì chết cũng chưa thối*» (Ngữ bất kinh nhân, tử bất hưu).

Bằng một thứ ngôn ngữ cô đọng như tinh chất, tế nhị như hương thơm, ông mời bạn đọc làm quen với một Nàng Thơ đẹp kín đáo duyên lặn vào trong và khó tính, để tìm hiểu đến trở thành tri kỷ. Tôi tin rằng với nhiệt tình yêu thơ, vào cuộc họ sẽ nhận ra tác giả gắn bó với *tình người* và sự *thanh cao*. Có điều là vào cuộc ở đây cần đến cảm quan trực giác nhiều hơn là trí tuệ thông minh.

Mặt khác, ngoài hai tính cô đọng và tế nhị phù hợp với thơ nói chung, ngôn ngữ *Xem đêm* còn đậm đà tính dân gian phù hợp với đề tài thôn dã, được vận dụng điêu luyện trong những vần thơ êm nhẹ như cánh cò bay mà làm rộn lên trong tâm trí chúng ta lời ăn tiếng nói của bao thế hệ ông, cha.

Chúng ta hiểu vì sao nhà thơ Quang Huy, trong bài giới thiệu in ở đầu sách, đã khẳng định hoàn toàn khách quan, công bằng: «Phùng Cung xứng đáng là bậc thầy về nghệ thuật ngôn từ».

Chính nghệ thuật ngôn từ đã là một trong những yếu tố quan trọng làm cho thơ Phùng Cung độc đáo. Độc đáo là một tiêu chuẩn văn học khó đạt được mà Guy de Maupassant đề cao đánh thếp như thách đố: Nhà văn xứng đáng với tên gọi ấy phải biết nhìn như chưa từng có ai nhìn như thế, biết nói như chưa từng có ai nói như thế.

Nhờ chiều sâu vốn sống và biết nhìn, biết nói như tính độc đáo yêu cầu, Phùng Cung đã tìm ra cái mới, cái lạ. Nhưng cái mới, cái lạ thường làm cho độc giả bối ngỡ, có khi không hiểu. Tôi muốn nói đến những điểm tối nghĩa trong *Xem đêm*, những điểm dễ bị người ta chê trách, hoặc là ẩn ý mà người ta không nghĩ tới, hoặc là bỏ lửng mà người ta không đoán ra, hoặc là ước lệ riêng về cách viết mà người ta không chấp nhận. Có thể đó là những sáng tạo chưa hoàn chỉnh, nhuần nhuyễn nhưng tác giả có quyền mạnh bạo đem thí nghiệm. Cũng có thể, như trong âm nhạc cổ điển, hội họa hiện đại, đó là những sản phẩm đặc biệt mà người muốn thưởng thức phải có «vốn» để thưởng thức. Nếu không ... nếu không thì người «ngoại đạo» bao giờ cũng thiệt vì «ngoại đạo», người «vô minh» bao giờ cũng bị thiệt vì «vô minh», chính kẻ viết bài này cũng đã «ngoại đạo», «vô minh» đối với một số điểm tối trong *Xem đêm*. Còn về phía người làm thơ, dù không đi vào quỹ đạo những trường phái thơ kín mít, người làm thơ tự tín, tự trọng cũng tán thành lời nhấn nhủ của nhà phê bình trứ danh Pháp Sainte Beuve (1804-1869): Thi sĩ không nên vì tham vọng chiều ý được hết thầy mọi người mà «pha loãng nước hoa của mình».

Không phải vô lý nếu đã trên một trăm năm rồi, người ta nêu trách nhiệm tìm hiểu của người đọc là phải «đọc tích cực», phải «tự tìm ra chìa khóa», phải «đi gặp tác giả ở giữa đường». Về những điểm tối trong *Xem đêm*, tôi có ấn tượng tác giả tin tưởng và chờ đợi chúng ta sẽ thông cảm bổ sung, vì cái kho ngôn từ của ông dù đã phong phú cũng không đủ để ông bộc lộ được hết ý mình. Nhìn dưới góc độ tiến hóa chung, quần chúng hưởng ứng những sáng tạo của nhân tài như thế là phần năng động, phát huy trong sự phân công lao động xã hội.

*

Sau khi nhận biết thế mạnh và những đòi hỏi của tác giả để thực hiện độc đáo, chúng ta tìm hiểu tác phẩm tận gốc của nó là nguồn cảm hứng. Trên kia nói nguồn cảm hứng thứ nhất (về thẩm mỹ) của *Xem đêm* là những vẻ đẹp nông thôn đã hấp dẫn tác giả từ thuở nhỏ. Một nguồn cảm hứng nữa (về tư tưởng) đã đưa đến việc sáng tác hàng loạt những bài thơ chiếm gần nửa nội dung tác phẩm là *tình thương cao cả* của con người Phùng Cung.

Không phải ông chỉ thương số phận bất hạnh con người, mà thương cả số phận bất hạnh loài vật và cỏ cây là những sinh vật chung sống với người như hàng xóm, như bạn bè.

Ở đây hiện tượng xa lạ với hành động của một nhân vật lãng mạn, sướt mướt tượng tượng bông hoa chết như người, rồi thương hoa, khóc hoa, chôn hoa. Cũng không phải trường hợp nhà văn dùng thủ thuật nhân cách hóa trong bút pháp hoặc mượn loài vật làm ẩn dụ để nói người. Ở đây hiện tượng là con người Phùng Cung trong đời thường, với tư cách là một sinh vật, có ý thức đồng loại với những sinh vật khác và lấy đạo đức bác ái đối xử với đồng loại, cụ thể là thật sự có tình cảm với loài vật, cỏ cây.

Tôi biết Phùng Cung không chịu ảnh hưởng của thuyết luân hồi - kiếp nghiệp trong đạo Phật mà tình thương của ông cũng chan hòa rộng khắp đến mức trở thành ý kiến *hiếu sinh đại đồng*.

Cố nhiên tình thương ấy theo trật tự lô-gích ắt phải bắt đầu từ nhân loại và giành ưu tiên cho những người thân nhất. Trước hết, đi vào quá khứ, ông thương bà thân sinh quanh năm khó nhọc tảo tần miêng cơm, manh áo, nuôi con đến bước trưởng thành:

Mồ hôi mẹ
Tháng ngày dăm dăm
nhỏ giọt
Con níu giọt mồ hôi
Đứng dậy làm người
(Mẹ, trang 8)
Rồi thương người vợ hiền đã cùng mình chia sẻ cuộc đời đều đứng:
Em vất vả
Tối ngày tất tả
Lưng áo em
Ngoang vôi trắng xóa
Cái trắng này vất tận trong xương
(Mồ hôi xương, trang 33)

Đến thương một nhà thơ:

...
Nửa thế kỷ
Bị lưu đày
Trong cõi tung hô.
(Tội nghiệp, trang 37)

Thương một gia đình cùng kiệt xác xơ:
Rỏ không hờ hững quang treo
Nắng thả chào mào nghiêng ghé
Chó vẽ bóng gầy sân bếp
Gió kêu tả vĩa mùa may
(Gia cảnh, trang 19)
Thương những người xiêu bạt kiếm ăn:
Cửa liếp nổi xa xăm
Người đi từ dạo đói
Chiều ghé sân hoang.
(Nắng hàn vi, trang 45)

Thương xóm nghèo:
Trang trại trưa hè khát bữa
Lẻ tấm
Búng đèn
Đũa mắt
Đỉnh đoảng mùi cháo - canh
Gịuc cả xóm cời trần.
(Cháo - canh, trang 23)

Thương người cán bộ phụ nữ luống tuổi, phải về hưu non, sống khó khăn trong nghề bán rượu lậu, ba-lô nặng trĩu:

Nửa đời
Nước thải
Hưu non
Vã mồ hôi son
Tảo tần chiều sớm

*«Cuộc lũ» lưng voi
Ngẫm câu tục ngữ
Mắt trước mắt sau
Kính hoàng di lụy
Tóc bạc vào mùa
Răng hơi bị đuối
Trệu trạo trái sung
Ruột tím cơ hàn.
(Tím cơ hàn, trang 102)*

Thương người con gái chết đuối:

*Chớm tuổi yếm son
Em hay xấu hổ*

...

*Chiều mưa ấy
Dốc ao trơn
Em sẩy chân
Bất ngờ - ân hận*

...

*Xóm khóc - ngâm ngùi
Từ đáy ao hoang
(Ao hoang, trang 49)*

Thương những người nằm dưới đất:

*Lạnh nhịp sương rơi
Chiều - gạo đổ
Đế gào chân mộ
Trăng lên.
(Nghĩa trang, trang 25)*

Nhìn sang thế giới bên kia, ông thương những cô hồn lang thang:

*Gió nã từng cơn
Bùa trấn trạch
Nấp trong giấy bản
Bến đò, quán chợ, ngã ba
Vật vờ mùi cháo thí đêm hè.
(Cháo thí, trang 32)*

Đã nghĩ đến những nghịch cảnh chung ở thế giới bên kia, hẳn Phùng Cung không quên những nghịch cảnh chung ở thế giới bên này. Ông thương đồng bào chịu gian khổ trong vùng lũ lụt:

*Đê tiền triều gãy khúc
Đồng ngập trắng
Con lênh đênh cũng vắng bơi sông
Thương em đứng giữa mùa nước mắt.
(Mùa nước mắt, trang 47)*

Thương những người già trong kháng chiến bòn sức lao động sản xuất, đói vẫn hoàn đói:

*Giặc quấy
Làng queo quắt
Tụi trẻ đi - đi hết
Dờ dật sức già gãi đất
...
Cái đói tròn
Lăn kín bốn mùa
(Gãi đất, trang 65)*

Thương những người chết trận, nạn nhân của chiến tranh khốc liệt và chủ nghĩa anh hùng đã man thời phong kiến:

*Mỗi chiến thắng
Một làn gương tắm rượu
Ruôi vẫn qua lòng máu
sa trường
(Gương báu, trang 68)*

Thương giai cấp nông dân sống cơ cực không lối thoát trong nền sản xuất lạc hậu:

*Mặt trịn nắng
Ngả màu chum, vại
Hi hụi lối mòn tử đạo
Lung com chan đấm phong trần.
(Phong trần, trang 71)*

Thương một dân tộc tàn lụi sau một thời cường thịnh huy hoàng:
Chiều Phan Rang xanh đau

*ngọc nát
Nắng Chiêm Thành quanh quất
tháp hoang
(Tháp Chàm, trang 84)*

Thương nhân dân nước nào đó sống lầm than dưới cường quyền:

*...
Phải đâu nhật thực triền miên
Ngày tối hơn đêm
...
Quy gối chống tay vẫn còn sợ ngã
Mặt đất quá cheo leo.
(Đêm vó ngựa, trang 20)*

Đến đây tôi muốn giới thiệu một Phùng Cung lãng mạn «như ai», thương tiếc những mối tình không trọn, cố nén lòng giữ giọt lệ khi gặp lại hai người yêu cũ, một đã thành sư bác mà vẫn chưa quên những ngày đan dứ:

*...
Nhìn trước nhìn sau
Em khẽ khóc*

...

*Ngại đường tu dang dở
Em vội lau nước mắt*

...

*Trót nhớ mãi
Một chiều nghiêng lụy.
(Nghiêng lụy, trang 100)*

Người thứ hai dáng dấp gian truân, tiều tụy, không còn đủ can đảm nhìn người cũ:

...

*Lâu lắm gặp em
Em chỉ khóc quay đi
Bước héo
Áo gầy
Giò va nón cũ
Tôi hiểu em
Tôi chẳng nói được gì.
(Gặp em, trang 29)*

Với lòng trắc ẩn ân cần đến có thể cứng chiều, ông mỉm lòng về những tâm hồn trong sáng nhưng yếu đuối, không chịu nổi một sự buồn phiền nhỏ, như người phụ nữ thảo hiền đa cảm, khóc vì lo người thân phải chờ mong, tủi thân vì thiên nhiên cản trở:

*Bước sấp ngửa
Em về chợ tối
Gió bãi khoai quán quít
Làm em mau nước mắt
Đèn con xóm trại đang chờ.
(Về chợ tối, trang 101)*

Người được thương không có điều gì bi thảm, chỉ vì đức hạnh mà xúc động ngây thơ nên ông vì quý mến mà vỗ về, an ủi. Một tình thương dịu dịu như ánh trăng thu!
Cũng với lòng trắc ẩn ân cần ấy, ông hận cho những cánh bèo trôi nổi không cùng:

*Lênh đênh muôn dặm
nước non
Dạt vào ao cạn
Vẫn còn lênh đênh
(Bèo, trang 7)*

Ông không thể cảm lòng trước cảnh những quả chuối mới trở, bầy bót như trẻ sơ sinh mà phải chịu rét mướt mùa đông, thân trần trụi:

*Gió bắc về
Chuối vừa mới trở
Dần vật lỗi mùa
Bần khoản chung chiếc khố
Lấy gì che chắn gió xung quanh.
(Chùm gió bắc, trang 96)*

Nếu trong thơ Đường, hoa đào vô tình bên cái chết bi thảm của người con gái ốm tương tư, vẫn thản nhiên «cười với gió Đông» thì, trong thơ Việt Nam, Phùng Cung

*Thương cây đào ốm
Xuân về chẳng nụ hoa
Lá gầy run gió lạnh.*
(Cây đào, trang 21)

Vì ốm, cây đào thiếu vẻ đẹp trong mùa xuân đã là đau khổ nhưng sự sống chưa mất hẳn, còn cây cà:

...
*Cối bần thiêu
Cổ xanh, cổ tím.*

...
mà bị sâu róm ăn hết lá, nhất định cây cà sẽ chết:

Cành suông chết đięng tím, xanh.
(Chết đięng, trang 25)

Đối với cây, dù ông quan tâm như vậy, tình thương của ông cũng không nhiều bằng đối với loài vật có tri giác như người. Điều đó ngẫu nhiên phù hợp với một luồng tư tưởng tiên phong hiện nay trên thế giới đòi cho loài vật được đối xử như người, muốn mở rộng *dân chủ* và *đạo lý* đến loài vật là đối tượng mà nhà văn kiêm nhà sử học Pháp Michelet (1789-1874) gọi thân thiết là «những anh em hạ đẳng của chúng ta». Phùng Cung không chú ý đến luồng tư tưởng ấy và những phong trào hưởng ứng, song đối với ông, thương loài vật như thể thương người là một đạo đức đi đôi với đạo đức «thương người như thể thương thân». Tình thương của Phùng Cung đối với loài vật cũng như đối với người và cây, bắt nguồn từ ước mơ sẽ không còn thảm cảnh trên trái đất này, một ước mơ quá đẹp đã là một trong những động cơ của các tôn giáo lớn, các chủ nghĩa xã hội cũ và mới. Đâu phải chuyện hão! Từ thời tiền sử, sau khi con người *homo sapiens* (con người trí tuệ, tinh khôn) xuất hiện, ước mơ và hy vọng không bao giờ hết đã chiếm nửa cuộc sống loài người. Nặng lòng ước mơ, Phùng Cung buồn rầu nhìn cái chết của con dê bé bủn và vô tội, biết «gào chân mộ», biết «tìm lại tiếng mình đêm trước», bỗng

...
*Chiều mưa dội
Nước dềnh sân
Một xác dê bông bêng.*
(Dũi, trang 61)

Ông càng bùi ngùi về cái chết của con chào mào

*Dây bẫy cần
Cánh xõa gió bung biêng..*
(Gốc vườn, trang 62)

Lại còn lũ gà con «nhú đôi cánh sữa» gặp rét thấu xương:

*Gió bắc về
Gà con lên cơn sốt
Nhong nhóc đi, đứng
Chen nhau tìm chỗ ấm*

Cảng gầy lội gió.

(Chùm gió bắc, trang 96)

Đều là thảm cảnh. Trong chuỗi thảm cảnh của loài vật được ông phản ánh trong *Xem đêm* có lẽ số phận con trâu mà bài *É ẩm* hé mở cho thấy, làm ông đau xót hơn cả, đau xót và công phần. Kiếp trâu bạc bẽo, bạn hiền của người mà bị đối xử dã man đến cực độ, lúc khỏe kéo cây là «đầu cơ nghiệp», khi kiệt lực bị giết để người ta ăn thịt lại còn lột da bưng trống. Bên cạnh thảm cảnh của con trâu là thảm cảnh của con cua, con vạc; cả hai đều hèn mọn:

Cua đồng

(trang 34)

Phận lấm

Tối ngày đào khoáy

Lưng nắng vễ

Hoa văn tiền sử

Chài chài đồng chiêm

Mấy kiếp rồi.

Vạc

(trang 28)

Nắng tấp cánh đồng

xơ xác

Bước liêu xiêu

Cái vạc ăn ngày.

Hai bài thơ trên cùng với những bài *Gia cảnh*, *Nắng hàn vi*, *Cháo - canh*, *Mùa nước mắt*, *Gãi đất*, *Nắng cũ*, *Ra Tết*, *Bánh trôi*, *Bữa đẹp*, *Nhỏ to*, *Nắng thừa*, *Dập gầy*, ... và hàng chục bài nữa, làm nổi lên cái hiện thực nghèo khổ của nông dân Việt Nam đến nay vẫn chưa hết. Con cua, con vạc khốn khổ gợi cho người ta nghĩ đến hàng bao nhiêu triệu gia đình nông dân đói kém đang mong đến lượt mình được «xóa đói giảm nghèo».

Bình luận tập *Xem đêm*, một tờ báo xuất bản ở Đức nhận xét:

«Một đặc điểm của *Xem đêm* là không có bài nào động chạm trực tiếp đến các biến cố lịch sử trong đời sống dân tộc mấy chục năm qua», thay vào đó là «Những mảnh cắt từ một nông thôn Việt Nam nghèo khổ» và «Phùng Cung, ở mặt này của hiện thực, đã đạt tới độ sâu sắc chưa từng thấy trong thơ ca Việt Nam mấy chục năm đổ lại đây».

Một tháng sau bài báo nói trên, đài phát thanh Úc cũng lên tiếng khen ngợi tập *Xem đêm*, so sánh thơ Phùng Cung với thơ Octavio Paz (Mê-hi-cô) và Seamus Heaney (Ai-len) là hai người được tặng giải văn học Nobel, để rút ra nét gần gũi, tương đồng giữa ba cây bút. Còn trong nước, báo *Tiền Phong (Chủ nhật)* ra ngày 18-8-1996 viết: «Sự trở về» của Phùng Cung gây ấn tượng cho làng thơ không phải chỉ vì sự đột ngột của nó mà còn vì sự tinh luyện của hồn thơ, của câu, chữ.»

Báo *Tuổi trẻ (Chủ nhật)* ra quãng từ 6 đến 12 tháng 10-1996 viết: «Thời gian xuýt phủ rêu lên tên ông nhưng lưỡi dao thơ ông kịp cạo rơi màu quên lãng ấy».

Chẳng có «ban bệ» nào nâng đỡ, thơ Phùng Cung tự lực gặt hái đã tỏ ra là một thành tựu được dư luận rộng rãi chú ý, hoan nghênh. Và tất nhiên có nhiều người muốn biết thi pháp nào đưa đến thành công ấy. Nhưng Phùng Cung là người làm thơ không theo một lý thuyết vay mượn nào, kể cả những lý thuyết đã có uy thế một thời; ông cũng không tự đặt ra lý thuyết để áp dụng. Giá có ai thân mật hỏi «Thế nào là thơ hay?», «Phải làm những gì để thơ hay?», chắc ông sẽ chẳng có một «khoa học làm thơ» trong túi để đưa ra giới thiệu, mà sẽ khiêm tốn trả lời né tránh như là mình chỉ biết vâng theo tình cảm, xúc động, ngẫu hứng và ngôn ngữ quen dùng.

Nói khái quát, thơ Phùng Cung đã hình thành trong thực tiễn ghi nhận tinh tế và sâu sắc những phản ứng tự nhiên của tâm hồn và nhân cách trước hiện thực: hiện thực nhiều vẻ đẹp làm ông say mê thì nội dung thơ ông thâm mỹ; hiện thực nhiều thảm cảnh khiến ông xót thương thì nội dung thơ ông hướng thiện. Phải nói ngay là ông *coi trọng hướng thiện hơn thâm mỹ*. Ở điểm này thái độ Phùng Cung giống thái độ Romain Rolland (1866-1944), nhà văn Pháp nổi tiếng (được tặng giải văn học Nobel năm 1915), người đã từng tuyên bố: «Tôi sẵn sàng đặt lòng từ thiện lên bậc giá trị cao hơn nghệ thuật trăm lần».

Chính vì thơ Phùng Cung xuất phát từ sự phản ứng tự nhiên của tâm hồn và nhân cách trước hiện thực nên trong khi thơ Lê Đạt muốn «vượt vũ môn» để tìm sức sống nơi *bóng chữ* thì thơ Phùng Cung -cũng như thơ Trần Dần đã được Hội nhà văn tặng giải thưởng năm ngoài- vẫn chân chỉ, trung thành với *bóng người*. Cái bóng của Phùng Cung là bóng một con người nhân hậu, khoan hòa, có lý tưởng công bằng, bác ái, yêu đời, yêu nước và làm thơ chưa đầy sức. Chưa đầy sức vì hoàn cảnh chưa thuận lợi cũng có, vì bản thân thơ chưa trưởng thành cũng có. Nếu tôi được ủy quyền chọn lại những bài thơ trong tập *Xem đêm*, tôi sẽ loại đi ít nhất một phần tư với lòng tin tưởng tác giả sẽ không dừng lại chỗ ấy.

*

Tôi vừa cố gắng tiếp cận với tiềm năng thơ Phùng Cung mới triển khai đầy hứa hẹn, trước hết với thế giới thơ của tập *Xem đêm* có những vẻ đẹp đồng quê thể hiện qua ngôn ngữ dân gian, có những cảnh nghèo khổ nông thôn được nhấn nạt chịu đựng, có một tình thương rộng lớn ân cần, đến với những số phận bất hạnh. Nhưng tôi không tin là sự phân tích của tôi có thể vẽ lại không sai sót chân dung một dạng thơ chưa quen thuộc về cả nội dung và hình thức. Để minh họa thêm rõ, tôi xin dẫn ra đây một số nhỏ trong những bài thơ mà tôi cho là tiêu biểu, cũng là những bài mà tôi thích nhất.

Văn Miếu

(trang 84)

*Xum xuê hoa trái Đại Xuân
Nao nao gió thổi gác Khuê Văn
Gỗ, đá rêu phong
Văn Miếu hiện dấu tay
bác phó
Nhúng mồ hôi điểm chỉ
gửi tương lai.*

Đêm Nguyên tiêu

(trang 74)

*Cổng Phật chuông lay hoa rụng
Mỡ dẫn kinh ruỗi nhịp
luân hồi
Vương lụy hương bay đứt, nói
Cành sương trắng níu
Giọt nguyên tiêu.*

Say

(trang 18)

*Ai chúc rượu
Cánh buồm say lão đảo
Quanh quần quăng sông chiều*

Quên nẻo ra khơi.

Đổ vỡ

(trang 70)

*Bình minh níu giọt tranh khoảnh khắc
Đổ vỡ trong lặng im
Hoa ngóng gió
Gửi hương tị nạn*

Buồng thơm

(trang 114)

*Đêm vắng
Buồng thơm
Em soi gương trộm
Ngọn đèn mượn gió ghé nghiêng.*

Dâu, biển

(trang 8)

*Chiều xâm xẩm
Vườn dâu đời xanh biển
Con chim chích bông cành
bay liệng
Vẽ vòng sóng vỗ xa xưa.*

Tìm em

(trang 55)

*«Tìm em như thể tìm chim
Chim ăn bẻ Bắc đi tìm bẻ Đông
(Ca dao)*

*Tìm về gặp em
Em đã đi
Vách, giường thơm lạnh
Mùi khăn áo cũ
Đêm nghiêng gió - chập chờn
mưa gõ lá
Không có sông
Sao có tiếng gọi đò.*

Ê ẩm

(trang 27)

*Chợt nghe động trống
Trâu bò nhón nhác
Dùi quật liên hồi
Ê ẩm tẩm da khô.*

Tôi nêu bài *Ế ẩm* sau cùng để tiện nói thêm ngay vài cảm nghĩ nóng hổi về một bài thơ đan thanh kiệt tác, hay nhất trong hai trăm bài của tập *Xem đêm*.

Con trâu chết đi do sự tàn ác của chủ, để lại nỗi oan khiên ần nấu trong mặt trống. Đánh trống mà mặt trống thấy đau, tiếng trống vang lên mang theo oán hờn, tác động đến tinh thần những trâu, bò xung quanh, gây sợ hãi, kinh hoàng... Đem trí tưởng tượng nâng tri giác loài vật lên tới ý thức, lên tận cõi tâm linh kỳ diệu, tác giả đã biến bài thơ thành huyền thoại. Trong văn học Việt Nam trước đây, những bài thơ có đôi cánh tiên bay bổng đến thế (của Hàn Mặc Tử, Huy Cận hay Vũ Hoàng Chương) ta có thể đếm trên đầu ngón tay.

*

Tiềm năng thơ Phùng Cung là vốn quý chẳng những của riêng cá nhân ông mà còn là của chung xã hội. Với ý thức phát triển văn hóa, những cơ quan quản lý xã hội không thể thờ ơ với nó khi nó còn gặp khó khăn trong một hoàn cảnh chưa được bình thường hóa dứt điểm. Ở tuổi thiếu niên, truyện cổ tích thần thoại đã in vào trí nhớ ngây thơ của chúng ta hình ảnh những tiên nữ trên Thiên đình đánh rơi chén ngọc, bị đày xuống hạ giới, chịu khổ cực mãi rồi cũng có ngày trở về trời. Trải qua nhiều năm hoạn nạn, bắt đày dĩ phải nghỉ ngơi, bây giờ được phục hồi sức lực và nhiệt tình, Phùng Cung đĩnh đạc bước ra khỏi vòng u uất. Tuy hơi muộn, ông cũng đến với làng thơ, dẫn đò góp hai trăm bài nho nhỏ -những bài tưởng như đã nộp cho thần thánh để thanh minh, khiêu nại về một sự hiểu nhầm tai hại. Chúng ta mừng cho sự nghiệp văn chương của ông sau cái rủi có cái may, như kiếp tài hoa của Thúy Kiều gian nan hết mức suốt mười lăm năm, cuối cùng đến sông Tiền Đường xuýt chết đuối còn được Đạm Tiên đem trả lại thơ. Trả lại thơ với ý nghĩa «*sổ đoạn trường rút tên ra*» là bước đầu sửa sai của định mệnh vô tri, mù tối.

Tâm tư Phùng Cung, tôi hiểu được. Tiếp tục làm thơ hướng thiện bằng mồ hôi, nước mắt và chút sở trường là lẽ sống của ông

Còn phận bạc của ông trong hiện thực có sẽ kết thúc như phận bạc của Thúy Kiều trên trang sách hay không là việc của xã hội. (Trên trang sách, Thanh Tâm Tài Nhân đã tạo điều kiện cho Thúy Kiều làm lại cuộc đời có tình yêu đôi thành tình bạn của chàng Kim, có đại gia đình yên vui, đầm ấm, có đời sống vật chất đầy đủ, có am thờ Phật để tu tại gia, thực hiện «*chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài*»). Gần đây định hướng xã hội chủ nghĩa và khẩu hiệu xã hội công bằng, văn minh được đề cao, phải chăng đã đến lúc Phùng Cung, ngoài lòng tự tín, tự hào vốn có và niềm vui tìm thấy trong sáng tạo nghệ thuật, còn được «công bằng», «văn minh» đến khuyến khích Nàng Thơ và nâng cao đời sống?

Bước tới ngưỡng cửa của thế kỷ hai mươi mốt, văn nghệ Việt Nam một lần nữa chuyển mình, đang thu hoạch một mùa thơ có vẻ «trăm hoa đua nở» với hàng ngàn tác phẩm đủ các cỡ và một đội ngũ người làm thơ đông đúc như ngày hội. Nếu yêu cầu giá trị thật trong những bản in hoa mỹ thì phương pháp vẫn phải là đãi cát tìm vàng. Trong cái bể bộn vàng thau lẫn lộn, rất có thể là khủng hoảng trưởng thành, thật đáng phấn khởi khi được đọc tập *Xem đêm*, một tập thơ đích thực của một con người đích đáng. Thơ và người đều mang đậm bản sắc riêng mà không cách biệt với lý tưởng chung của dân tộc là sống yên lành, phúc đức -phúc đức hiểu theo Nho học gồm «nghĩa» và «nhân», nói theo Tây học là «công bằng» và «bác ái».

Công bằng và bác ái tương đối và thể hiện qua một tình thương rộng lớn không giới hạn trong chủ nghĩa nhân đạo, đó là tư tưởng cao đẹp của tập *Xem đêm*, của thơ hướng thiện. Đó là thông điệp của Phùng Cung

Hà Nội ngày 25 tháng 10 năm 1996

Ngọn tre vật vã cuối trời đông
Phùng Quán

Anh Nguyễn Hữu Đang thì tôi được biết mặt từ mấy chục năm trước, nhưng rất ít khi được truyện trò với anh. Mỗi lần tôi được anh hỏi chuyện, tôi bối rối, sượng mề người, đầu không khiến mà chân cứ rút về thành tư thế đứng nghiêm, như ngày còn làm lính trinh sát mỗi khi được chính uỷ sư đoàn hỏi chuyện.

Tôi nghĩ bụng: Tôi là cái thá gì mà được một người như Nguyễn Hữu Đang hỏi chuyện? Nguyễn Hữu Đang, người đã tham gia cách mạng từ khi tôi còn chưa đẻ, nhà hoạt động công khai của Đảng cùng thời với Trường Chinh, Trần Huy Liệu, một trong những người lãnh đạo và chủ chốt của Hội truyền bá quốc ngữ cùng thời với Phan Thanh, cụ Nguyễn Văn Tố. Một trong những người sáng lập và tổ chức Hội Văn Hoá Cứu Quốc cùng với Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi, người được cử đi dự đại hội Tân Trào và đứng tên trong danh sách Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời. Và cuối cùng là trưởng ban tổ chức ngày Đại Lễ của đất nước: 2-9-1945.

Cách đây khoảng 15 năm, anh từ cao nguyên Hà Giang trở về, tá túc tại quê nhà. Hàng năm vào dịp giáp tết lại thấy anh đảo lên Hà nội trên chiếc xe đạp thiếu nhi Liên xô. Anh mang đến cho mấy bạn cũ mỗi người một cân gạo nếp. Một lần tôi cũng được anh cho một cân. Tôi cảm động ngạc nhiên hỏi anh:

- Anh kiếm đâu ra gạo nếp cho chúng em thế?

Anh cười:

- Anh sống ở nông thôn cũng phong lưu ra phết. Không những có gạo nếp biếu bạn lại có cả thóc và rơm cho nông dân vay.

- Hiện nay anh đang làm gì ở đó?

- Anh nghiên cứu Lão Trang và dịch lại cuốn lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô qua bản tiếng Pháp. Đối chiếu, thấy bản dịch in sai nhiều quá.

Hai năm trở lại đây không thấy anh lên Hà nội nữa. Mấy anh em quen cũ chúng tôi hỏi nhau: “Không biết anh Đang có gặp chuyện gì trắc trở dưới đó?”. Nỗi lo lắng này thường xuyên ám ảnh tôi. Nhân thể muốn tìm hiểu về công trình Lễ Đài Độc Lập, năm đó tôi nhất quyết phải về quê thăm anh, mặc dầu đã gần giáp Tết.

Vừa đi tàu, vừa ô-tô xe đạp.

Sáng 26 tết tôi có mặt ở thị xã Thái Bình. Để đỡ bớt thì giờ tìm kiếm, tôi hỏi đường đến Sở Văn Hoá và Hội Văn Nghệ Tỉnh, hỏi địa chỉ của anh.

Tôi thực sự ngạc nhiên thấy nhiều anh chị em cán bộ ở hai cơ quan này không biết Nguyễn Hữu Đang là ai. Có vài người biết nhưng lại rất lơ mơ.

“Hình như ông ta ở Quỳnh Phụ, Kiến Xương hay Tiền Hải gì đó...”

May tôi gặp được một nhà thơ trẻ. Khi biết rõ ý định của tôi, anh hăng hái nói: “Cháu sẽ đưa chú ra cái quán thịt chó nổi tiếng, ở đó thường có mấy anh cán bộ về hưu trạc tuổi chú lui tới hỏi thể nào cũng có người biết.” Tôi theo anh bạn thơ trẻ ra quán thịt chó, và phải cẩn rắng lại vì số tiền còm cõi trong túi, gọi một đĩa thịt luộc và hai chén rượu cho phải phép. Đợi chừng nửa tiếng, có một người đã đứng tuổi để chiếc xe “cúp”, trước cửa, đi vào quán. Nhà thơ trẻ đứng bật dậy, nói với tôi:

- Ông này ở cơ quan an ninh tỉnh, hỏi chắc ông biết.

Tôi vội níu tay anh lại, dặn nhỏ:

- Cậu nhớ đừng giới thiệu mình là ai, sẽ rách việc!

- Biết rồi, biết rồi, chú không phải dặn.

Anh bạn trẻ đi đến gặp ông ta, nói cái gì đó và chỉ tay về phía tôi. Anh cán bộ an ninh tươi cười bắt tay tôi, ngồi đối diện và tươi cười hỏi:

- Xin lỗi cụ, năm nay cụ hưởng thọ được bao nhiêu tuổi ạ?

Tôi đoán chắc anh ta thấy tôi ăn bận nhếch nhác: quần áo bà ba nâu, chân dép lốp, râu tóc bạc trắng, nên hỏi vậy. Tôi liền nói phứa lên:

- Cám ơn đồng chí - tôi cười - Cũng thất thập cổ lai hy rồi đồng chí ạ!

- Trước cụ có làm công tác ở đâu không ạ?

- Tôi làm thường trực cho một cơ quan thương nghiệp trên Hà nội... về hưu đã gần được chục năm rồi.

- Cụ là thế nào với ông Nguyễn Hữu Đang ạ?

- Tôi có quen biết gì với ông ta đâu. Thậm chí cũng chưa biết mặt. Chẳng là ở tổ hưu của tôi có một cụ nghe đâu hồi bí mật cùng hoạt động với ông ta. Biết tin tôi về thăm đứa cháu họ, công tác giáo viên ở Quỳnh Côi, ông cụ gần tôi đưa tôi mười ngàn bạc gửi biếu ông ấy mà giao hẹn phải đưa tận tay, tôi tưởng ông ấy ở thị xã, hỏi loanh quanh mãi không ai biết...

Anh cán bộ cười:

- Ông ấy đâu có ở thị xã. Hiện ông ấy đang ở thôn Trà Vy, xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, cách đây gần hai chục cây số. Ngược gió này mà cụ đạp xe về tới đó cũng vất vả đấy...

Thấy tôi chăm chú lắng nghe, anh cán bộ trở nên cởi mở:

- Nói để cụ biết, trước kia cái ông Đang ấy cũng là người hoạt động cách mạng có tên tuổi... Nhưng rồi ông ta giữ chức, làm báo làm văn chống đối Đảng và Nhà nước, bị xử phạt mười lăm năm tù ngồi, đưa lên giam trên trại tù ở Hà Giang. Mãn hạn tù, ông ta xin về cư trú tại quê quán. Tuy vậy ông ta vẫn thuộc diện đối tượng... Cách đây mấy năm, ông ta lên sang Nam Định không có giấy đi đường đến nhà một đối tượng mà công an đang theo dõi. Công an hai tỉnh liền phối hợp, hỏi giấy đi đường rồi bắt giam bốn tháng ở nhà lao hai tỉnh để cảnh cáo, và tổ chức khám nhà. Sau đó thả cho về...

Tôi tỏ ý sợ hãi, gãi đầu gãi tai:

- Chà... Biết rắc rối thế này thì tôi chẳng gặp ông ấy nữa... Dem tiền về trả lại thôi...

Anh cán bộ xuề xoà:

- Không sao đâu, cụ ạ, chính sách của ta bây giờ là đổi mới tư duy. Nghe đâu bây giờ ở trên cũng đang sửa soạn cho ông ấy được hưởng lương hưu. Nếu cụ muốn về thăm ông ấy, cứ việc về. Tôi chỉ đường cho cụ.

Anh cán bộ chấm ngón tay vào ly rượu, vẽ lên mặt bàn, chỉ vẽ cho tôi rất cận kề con đường từ thị xã về chỗ anh Đang tá túc. Tôi đứng lên rồi rít cảm ơn anh...

Con đường đá mười mấy cây số chi chít ổ gà. Gió cuối đông buốt như kim châm tấp thẳng vào mặt. Nhưng vừa đạp xe tôi vừa nghĩ ngợi miên man về sự thăng trầm của những kiếp người tình nguyện dấn thân vì nghĩa lớn, nên con đường như cũng bớt xa... Đến chỗ ngã ba rẽ vào trường phổ thông cấp 1, 2 xã Vũ Công - nơi anh Đang tá túc - tôi vào cái quán bên đường, uống ly rượu cho ấm bụng. Ông cụ chủ quán khi biết tôi từ Hà nội về tìm thăm anh Đang, rót rượu mời tôi và nói:

- Ông ấy thỉnh thoảng vẫn ngang qua đây, tôi đều mời vào uống nước. Ông ấy tàn tiện khét tiếng cái xã Vũ công này. Mới cách đây mấy hôm, ông ấy đèo sau xe cái giỏ tre ràng buộc rất kỹ. Ông ấy kể với tôi, tối qua bắt được con rắn gì dữ lắm, phun phì phì, bò vào nhà. Định làm thịt ăn nhưng tiếc, chở lên huyện bán cho một tay buôn rắn độc, kiếm lấy mấy nghìn mua mấy lạng mỡ lá.

Tôi phì cười:

- Ông ấy bây giờ lại thêm cái tài bắt rắn độc, mà mắt công đạp xe mi-ni những mười mấy cây số để đòi lấy mấy lạng mỡ lá... Vui thật!

Tôi có người bạn làm thơ tên là Tuấn Nguyễn, chết lâu rồi, làm câu thơ mới nghe thật vô nghĩa, nhưng cứ bất chợt lại hiện ra trong trí nhớ tôi: "Cuộc đời vui quá không... buồn được!". Ông chủ quán rót thêm ly rượu nữa, giọng hào hiệp:

- Ly này tôi đãi cụ! Mà khổ, ông ấy có bán được đâu. Chiều tối ông ấy đạp xe về, phàn nàn: nó không chịu mua, nó bảo loại rắn này không nằm trong bộ Tam Xà!

Tôi cười ngất.

Anh Đang ở gian đầu hồi nhà bếp của khu tập thể giáo viên, trước mặt là ao cá Bác Hồ của xã. Đứng bên kia bờ ao, một cô giáo chỉ cho tôi:

- Bác ấy đang ngồi ở bậc cầu ao kia kìa! Đang cọ rửa cái gì mà chăm chú thế không biết... Tôi dắt xe đạp qua sân trường, vòng ra gần sát sau lưng anh. Anh đang dùng nắm rơm cọ rửa những viên gạch vỡ đôi, xếp thành chõng cao cạnh chỗ ngồi. Tôi đứng lặng nhìn anh. Đầu anh đội cái mũ cối méo mó, khoác cái ruột áo bông thùng be bét, quần áo lao động màu cháo lòng, hai ống chân ôm vòng hai dây cao su đen nom như hai vòng cùm sắt, chắc chắn để nhét hai ống quần vào đó chống rét, lưng anh khòng xuồng hình chữ C viết nghiêng... Tôi chợt nhớ cách đây không lâu, tôi được nghe những người cùng thời với anh kể: Hồi mặt trận Bình dân, Nguyễn Hữu Đang là cán bộ được Đảng cử ra hoạt động công khai, ăn vận sang trọng như một công tử loại một của Hà Thành, thất cà-vạt đỏ chói, đi khắp Trung Nam Bắc diễn thuyết, oai phong, hùng biện, tuyên truyền cách mạng... Mỗi lần cách mạng cần tiền để hoạt động, Nguyễn Hữu Đang có thể đến bất cứ một nhà tư sản Hà nội nào giàu có vay vàng, tiền. Mà những người này trao vàng, tiền cho anh đều không đòi hỏi một thứ giấy tờ gì, vì họ tin sâu sắc rằng trao vàng, tiền cho anh, là trao tận tay cho Cách mạng... Và bây giờ, anh ngồi đó, gần tám chục tuổi, không vợ không con, không còn không nhà, lưng khòng chữ C viết nghiêng, tỉ mỉ cọ rửa những viên gạch vỡ - Chẳng hiểu để làm gì - Như người bố già trong chuyện Hương Cuội của Nguyễn Tuân cọ rửa những viên cuội trắng để tắm kẹo mạch nha vào dịp tết niên... Miên man nghĩ vậy và tôi bật phì cười.

- Anh Đang!

Tôi ghen ngào gọi. Anh quay lại, chớp chớp mắt nhìn tôi rất lâu. Gương mặt già nua với mái tóc bạc húi cao, cằm mép lóm đóm những chân râu hạt vừng, vụt rạn rở hẳn lên. Anh cười để lộ hai hàm răng vàng xỉn, cùn mòn gần nửa vì năm tháng...

- Phùng Quán? Chú về đây từ lúc nào thế!

Hai anh em chúng tôi ôm chặt nhau giữa bậc cầu ao. Cả hai gương mặt già nua phút chốc đăm lẹ... Cái chái bếp căn hộ độc thân của anh rộng khoảng năm mét vuông, chất kín những tư trang, đồ đạc. Mấy cây sào ngọn tre gác dọc ngang sát mái, trên vắt cả chục cái khăn mặt rách xơ như giẻ lau bát, áo may ô thùng nát, quần lao động vá vúi, cặp quần đeo lưng lẳng một chùm lục lạc vỏ hộp dầu cao su Sao vàng xuyên thủng, buộc dây thép, bên trong có hòn sỏi nhỏ. Đụng vào, chùm lục lạc kêu lên reng reng nghe rất vui tai.

Sau đó, tôi được anh giải thích tác dụng của chùm lục lạc. Đi lại trong đường làng những đêm tối trời, anh thường bị cánh thanh niên đi xe đạp, xe máy phóng ẩu đâm xam vào, làm anh ngã tẹo tay, sầy gối. Học tập sáng kiến của đồng bào các dân tộc Việt Bắc, treo mõ vào cổ trâu - "Trâu gõ mõ, chó leo thang" - Anh Đang chế chùm lục lạc đeo vào cặp quần, báo hiệu có người để họ tránh xa. Tác dụng thứ hai quan trọng không kém... Mỗi lần đạp xe trên đường vắng, nghe tiếng lục lạc loong cong ngang thất lưng, tự nhiên cảm thấy đỡ đơn độc... Chính giữa gian trái kê chiếc tủ gỗ tạp nhỏ, hai cánh một ruỗng không khép kín được, khoá một chiếc khoá lớn như chiếc khoá của nhà kho. Trên nóc tủ xếp một chõng mũ cối, mũ vải, mũ lá mà ở Hà nội người ta thường quẳng vào đồng rác. Cạnh tủ là một cái giường cá nhân, bốn chân giường được củng cố thêm bốn chõng gạch. Trên giường một đồng chăn bông trần rách thủng. Và một xấp quần áo cũ làm gối... Sát chân giường kê chiếc bàn xiêu vẹo chỉ có hai chân, hai chân kia được thay bằng hai sợi dây thép buộc treo vào tường. Mặt bàn lát bằng nan tre. Anh nói giọng Lão Trang:

- Một cái bàn bốn chân là một con vật. Khi nó chỉ còn lại hai chân nó là một con người.

Trên mặt bàn xếp kín những chai lọ, vỏ đồ hộp, hai cái đèn dầu làm bằng lọ mực Cửu Long, vài con dao làm bằng mẩu lưới liềm gãy, và ba bốn cái bát hương, nắp đây là những viên gạch vỡ. Anh chỉ nắp đây, giới thiệu với giọng trang trọng của thuyết trình viên giới thiệu hiện vật trong các bảo tàng nghệ thuật:

- Nó là loại gạch nung rất già, gần đạt tới tiêu chuẩn của các sành sứ cổ. Sức nặng và độ bền của nó làm cho tất cả các loại chuột, mối, gián phải kính nể.

Bây giờ thì tôi đã hiểu anh cọ rửa những viên gạch vỡ để làm gì.

Dưới bàn là mấy chục đôi dép cao su hư nát, đứt quai, được bó thành từng bó, hai cái vại muối dưa rạn nứt, sứt miệng, một đồng bản lề cửa, sắt vụn, đinh cong queo, mẫu giấy thép han rỉ... Tất cả những đồ lè đó, phủ lên một lượt bụi tro...

Lúc tôi bước vào, gian buồng mờ mịt khói. anh giải thích:

- Giờ này các cô giáo nấu ăn. Bếp tập thể ở sát bên kia tường. Tôi đã trộn rơm với bùn trát những khe hở sát mái, nhưng khói vẫn cứ lọt sang - Anh cười - Chịu khó một chút nhưng cũng có cái lợi. Thỉnh thoảng lại được ngửi mùi xào nấu với khói, cái mũi được bồi dưỡng... Trong việc dở nào cũng có việc hay và ngược lại.

- Để em đạp xe ra chợ mua cái gì về ăn...

- Thôi khỏi cần, chú về chơi hôm nay là rất gặp may. Sáng nay tôi vừa chế biến được một mẻ thức ăn, ngon vô địch. Chú nếm rồi sẽ biết. Cơm cũng có sẵn rồi. Tôi nấu lúc sáng, ủ vào lồng ủ rơm, còn nóng nguyên. À, tôi lại có cả rượu cho chú, rượu cam xuất khẩu hẳn hoi, quà của Hội nhà văn gửi biếu vào dịp tết năm ngoái... Tôi chỉ mới mời mấy thầy giáo mấy chén, còn đủ cho chú say sưa suốt mấy ngày ở chơi.

Anh xăng xái lấy chùm chìa khoá buộc chung với chùm lục lạc, mở khoá tủ tìm chai rượu. Tôi liếc mắt nhìn vào mấy ngăn tủ. Những xấp quần áo cũ nát để lẫn với những chồng báo, giấy má, sách vở ố vàng. Ngăn dưới cùng để rất nhiều chai lọ, vỏ đồ hộp, vỏ bia lon, và nhiều chồng các loại vỏ bao thuốc lá.

Anh cúi húi lục tìm một lúc khá lâu mới lôi được chai rượu cam còn già nửa.

- Đây rồi! Bây giờ già hoá lắm lắm. Để chỗ này lại tìm sang chỗ kia.

Tôi cười, nói:

- Nhìn anh, em cứ tưởng là một nhà quý tộc Nga thời Sa Hoàng, tự tay tìm chọn loại rượu quý cất giữ một trăm năm trong hầm rượu, để đãi khách quý.

Tôi chỉ những chồng vỏ bao thuốc lá, hỏi:

- Anh chơi sưu tập vỏ bao thuốc lá à? Thế mà em không biết. Trên nhà em, các bạn đến chơi, hút các loại thuốc lá ngoại hảo hạng, vỏ bao vát lung tung, vợ em ngày nào cũng phàn nàn vì phải dọn nhặt đem đốt.

Anh kêu lên:

- Thế có tiếc không. Lần này chú về trên đó nhớ dặn cô ấy, có vỏ bao thuốc lá ngoại cứ cất giữ cho anh Đàng, càng nhiều càng tốt. Nó là hàng đối lưu của tôi đấy...

- Hàng đối lưu? Tôi ngạc nhiên hỏi.

- Để tôi dọn cơm ăn rồi tôi giảng cho chú nghe thế nào là hàng đối lưu. Tôi xem ra chú mù tịt về môn kinh tế chính trị học.

Tôi ngấm nhìn bao quát căn nhà độc thân của anh, hỏi:

- Hơn mười lăm năm qua anh đã sống ở gian buồng này à?

- Ngày tôi mới về xã, tôi sống ở trại lợn của Hợp tác xã. Chẳng là cán bộ xã cũng thông cảm hoàn cảnh khó khăn của tôi, nên đề nghị ra đó trông coi giúp như nhân viên của trại. Ở đó có một gian nhà kho cũng thoáng mát, tôi có thể ăn ở, đọc sách, viết lách kết hợp với việc trông coi trại. Mỗi mùa hợp tác xã trả công điểm mấy chục cân thóc, mấy chục cân rơm làm chất đốt. Số thóc, rơm này tôi không phải dùng đến, trong mấy năm tiết kiệm được hai tạ ba thóc, hai trăm sáu chục cân rơm cho bà con vay. Ngoài ra, vào dịp tết Hợp tác xã bồi dưỡng thêm ít thóc nếp, đem lên Hà nội biếu các chú. Khi tôi bắt tay vào dịch cuốn lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô, tiếng lợn kêu ầm ĩ quá làm tôi mất tập trung tư tưởng, nên phải xin thôi công việc trông coi trại, chuyển về đây để được yên tĩnh hơn.

Anh cúi dưới gầm giường ra một cái xô tôn thùng đáy đặt lên miệng xô miếng gỗ dán:

- Đây là bàn ăn - Anh giới thiệu, và vằn tiếp ra hai cái vại muối dưa sứt miệng - còn đây là ghế ngồi. Bà con nông dân nghèo mà phí phạm thế đấy. Hai cái vại còn tốt thế này mà đem quẳng bụi tre... tôi nhặt về cọ rửa sạch sẽ lật đít lên, làm thành cái ghế ngồi vừa vững chãi lại vừa mát. Chú ngồi thử mà xem, có khác gì ngồi trên đôn sứ đời nhà Minh.

Anh dọn ra hai cái đĩa, rồi chọn trong hai cái bát hương đầy viên gạch vỡ gắp ra năm, sáu

viên gì đó tròn tròn, đen xỉn, nom rất khả nghi. Anh chỉ vào mỗi đĩa, giới thiệu thực đơn đãi khách:

- Đây là chả thịt cóc băm viên. Đây là chả thịt nhái... Có cả mì chính, hạt tiêu nhái! Mùoi mấy năm nay nhờ bồi dưỡng thường xuyên hai thứ đặc sản này mà tôi rất khỏe, còn khỏe hơn cả chú.

Anh nhắc trong cái rổ phủ đầy rơm để ở góc nhà, xoong cơm đã ăn một góc mà anh giới thiệu vẫn nóng nguyên. Nói đúng hơn là một thứ cháo rất đặc, có thể xắn thành từng miếng như bánh đúc:

- Ba năm trở lại đây tôi phải ăn cơm nhão, nếu ăn cơm khô thì bị nghẹn. Tôi nấu cơm với nước vo gạo nên rất bở. Chẳng là các cô giáo thường đổ phí nước vo gạo. Tôi đưa cho các cô cái chậu, dẫn đổ nước vo gạo vào đây cho tôi, để tôi chắt ra nấu lẫn với cơm. Tinh túy của gạo nằm trong nước vo, bỏ đi thật phí phạm.

- Nhưng cóc nhái đâu ra mà anh bồi dưỡng được thường xuyên thế?- Tôi hỏi.

- Ấy, chỗ này mới là bí quyết. Phải huy động lực lượng quần chúng, tức là các cháu thiếu nhi. Biết các cháu ở đây thích chơi võ bao thuốc lá, nhất là các loại võ bao đẹp, mỗi lần lên thị xã hoặc sang Nam Định chơi, tôi nhật nhạnh về, đổi cho các cháu lấy cóc nhái. Cũng có khi đổi một võ bao lấy ba con cóc hoặc năm con nhái, các loại khác hai cóc, ba nhái, bởi vậy tôi mới gọi là hàng đổi lưu, chú hiểu chưa... Mỗi tháng tôi chỉ cần ba bốn chục cái võ bao thuốc lá là thừa chất đạm, mà là loại đạm cao cấp... Hôm nào chú về tôi gửi biếu cô, chú Cung, mỗi nhà mấy viên ném thử. Cô chú ăn thịt cóc của tôi rồi sẽ thấy các thứ thịt khác đều nhạt hoét!

Anh rót rượu, chọn gắp viên chả cóc, nhái bỏ vào bát cho tôi, ân cần, âu yếm, trang trọng, làm tôi ứa nước mắt, anh hỏi:

- Chú đi đâu mà lại lặn lội về tận đây vào lúc tết nhất sắp đến nơi?

- Em về đây chỉ một mục đích là thăm anh. Hơn hai năm nay không thấy anh lên Hà nội, chúng em rất lo, không biết anh đau ốm gì, liệu anh có còn sống không? Về đây thấy anh vẫn khoẻ mạnh, em rất mừng... Anh là nhân chứng của một quá khứ hào hùng của đất nước. Nếu anh chết đi, tàn lụi như cỏ cây, không nhắn gửi lại gì cho thế hệ sinh sau, theo em là một tổn thất không gì bù đắp được...

Tôi lấy anh xem một số tư liệu liên quan đến ngày Đại Lễ 2-9-1945, vừa sao chụp được:

- Từ lâu, em vẫn mơ ước viết một cái gì đó, một thiên trường ca chẳng hạn, về công trình Lễ Đài Độc Lập thật tráng lệ, thật hào hùng... Anh là trưởng ban tổ chức Ngày Độc Lập như trong tư liệu hiện còn lưu giữ được. Em muốn được tận tai nghe anh kể lại những kỷ niệm, những hồi ức mà anh cho là sâu sắc nhất... Mà nếu anh không dùng đến thì cho em xin... Anh im lặng rất lâu, dùng đũa tếm lại những mảnh vụn thịt cóc, nhái trong đĩa, gắp bỏ vào bát mình những mảnh khác rút xuống mâm ván. Anh chăm chú nhìn vào cái đĩa đã tóm gọn, như đang gắng đọc những hồi ức in lại trong lớp men sành... Anh chợt nói, mắt vẫn không rời cái đĩa:

- Thấp thoáng thế mà đã bốn mươi bảy năm trôi qua... - Anh chợt nói - Tôi còn nhớ như in hôm đó là ngày 28 tháng 8... Tại sao tôi nhớ, vì đó là thời khắc lịch sử phải được tính từng phút một... Năm đó, tôi bước vào cái tuổi băm ba. Chính phủ cách mạng lâm thời họp phiên cuối cùng tại Bắc Bộ Phủ để quyết định ngày lễ ra mắt quốc dân đồng bào... Tôi tính rất nhanh trong đầu: Tháng 8 có 31 ngày, như vậy chỉ còn có 4 ngày nữa thôi... Tôi suy nghĩ cân nhắc trong một phút, hình dung ra tất cả những khó khăn như núi mà tôi phải vượt qua để tổ chức được một ngày Đại Lễ như vậy, trong khi đó mình chỉ có hai bàn tay trắng...

- Ông Đang ơi! Ông Đang!... Tiếng con nít gọi nheo nheo ngoài cửa, ngắt ngang câu chuyện của anh.

Tôi nhìn ra thấy hai chú bé trạc 9, 10 tuổi, mỗi chú cầm một cành tre, đầu cành tre thông thượt một con rắn nước, mình nhỏ bằng chuôi dao, đầu bị đập dập còn nhỏ máu tươi.

- Ông có đổi rắn nước không ạ?

Anh Đang bỏ bát đũa ra cửa, xem xét cẩn thận hai con rắn nước. Rồi hỏi:

- Các cháu định đổi như thế nào?
- Ông cho cháu mỗi con hai cái vỏ bao ba số.
- Các chú đừng có giỡn thói bắt chẹt! - Giọng nói và thái độ của anh đã chuyển hẳn sang giọng của dịch vụ đổi chác - Mỗi con rắn này chỉ trị giá bằng hai con cóc. Nhưng thôi thì ông đành chịu thiệt vậy, mỗi con bằng một vỏ bao ba số, các chú có chịu đổi thì đổi, không đổi thì thôi!

Hai chú bé ngần ngừ một lúc, rồi nói:

- Chúng cháu đổi ạ!

Anh quay vào mở khoá tủ, chọn lấy ra hai cái vỏ bao ba số, đưa cho mỗi chú một chiếc, và cầm lấy hai con rắn. Hai chú bé cũng xem xét hai cái vỏ bao cẩn thận không kém ông Đàng xem xét hai con rắn. Một chú nói:

- Ông đổi cho cháu cái vỏ bao khác, cái này bên trong không có tờ giấy vàng.

Anh cầm cái vỏ bao xem lại, cười:

- Được, ông sẽ đổi cho cái vỏ bao khác. Sau này chú mà làm cán bộ thu mua thì nhà nước không phải chịu thua thiệt.

Anh cầm hai con rắn bỏ vào cái rổ con ở góc nhà. Mặt tươi hẳn lên, như người buôn bán vừa vỡ được món hời:

- Thịt rắn còn bổ hơn thịt cóc. Tối nay tôi sẽ đãi chú món rắn om riềng mẻ, ăn vào chú sẽ thấy tăng lực gấp đôi, có thể đạp xe một mạch lên đến bến phà Tân Đệ.

Tôi ở lại chơi với anh Đàng ba ngày, thuê một anh phò nháy ở xã trên xuống chụm chơi mấy "pô" làm kỷ niệm. Bữa cơm tiễn tôi, anh có vẻ buồn. Vừa dùng đĩa tém tém mấy khúc rắn om mặn chát nổi muối trong đĩa, anh vừa nói:

- Hiện tôi đang cố gắng hoàn thành thiên hồi ký, thuật lại tất cả những gì có liên quan đến thế sự, kể từ khi tôi bước chân vào con đường hoạt động cách mạng cho đến những năm tháng gần đây... Trong hồi ký, tôi sẽ đề cập đến những việc mà từ trước đến nay tôi chưa hề tiết lộ với ai. Ví dụ như bản thảo tuyên ngôn của ông Hồ viết... Còn hay mất, nếu còn thì bây giờ ở đâu. Hoặc ông định sửa hai câu trong bản tuyên ngôn, nhưng không kịp vì bản chính đã đưa đi in mất rồi. Là trường ban tổ chức ngày lễ, tôi phải phụ trách in ấn những tài liệu có liên quan đến vận mệnh của đất nước này... Như chú biết đấy, hiện nay trong bảo tàng Hồ Chí Minh cũng như bảo tàng Lịch sử, không có bản Tuyên ngôn Độc lập... Tôi sợ sẽ làm không kịp mất, gần tám chục tuổi đầu rồi còn gì, mà lại không có điều kiện làm việc, ban đêm coi như chịu chết, đèn đóm tù mù, đúng là đóm thật...

Anh im lặng một lúc lâu rồi ngẩng lên nhìn tôi, nói tiếp:

- Chú có biết điều lo lắng nhất của tôi hiện nay là gì không? - Không đợi tôi đoán, anh nói luôn - Tôi lo nhất là không biết chết ở đâu. Lúc sống thì tôi ở nhờ nhà ai mà chẳng được ở đây cũng như ở trên Hà nội... Những lúc chết thì người thân mấy cũng làm phiền người ta. Có ai muốn một người không phải ruột rà máu mủ chết ở nhà mình? Ngay cả cái chái bếp này cũng vậy, tôi nằm chết sẽ làm phiền nhà trường, các thầy cô giáo, các cháu học sinh. Bởi vậy mà hai năm nay tôi không muốn lên Hà nội. Ở đây, tại quê hương bản quán, tôi đã chọn sẵn chỗ để nằm chết... Chú ra đây tôi chỉ cho, đứng ở đây cũng nhìn thấy...

Tôi theo anh ra đứng lên cái trụ xi măng cầu ao cá. Gió mùa Đông Bắc lạnh thấu xương thổi thốc vào mặt hai anh em. Anh chỉ tay về phía một bụi tre gần cuối xóm, đơn độc giữa cánh đồng, ngọn tre đang vật vờ trong gió buốt:

- Đây, dưới chân bụi tre ấy có một chỗ trũng nhưng bằng phẳng, phủ đầy lá tre rụng, rất vừa người tôi... Tôi sẽ nằm ở đó chết để khỏi phải phiền ai... Tôi đã chọn con đường ngắn nhất để có thể bò kịp đến đó trước khi nhắm mắt xuôi tay...

Trở vào nhà, cả người tôi nổi gai, ớn lạnh, chắc là vì bị cảm lạnh. Tôi dốc hết rượu ra bát uống ực một hơi chống lạnh. Rượu vào lời ra, tôi cất giọng ngâm to mấy câu thơ của Phùng Cung mang về tặng anh:

Mắt già rộng chó

*Rắc mãi phong lưu
Góp nhặt đem về thúng cũ
Quỳ dưới chân què
Trăm sự cúi đầu
Xin què rộng lượng
Chút tỏ phần
bò xéo
cuối thôn...!*

Phim Tết... ngày xưa

Trong bài "Một bài thơ không thành" viết về ông Nguyễn Hữu Đang có chi tiết nhắc đến sự vui mừng của ông khi được in hai bài viết đầu tiên ký tên thật sau khi ra tù. Để bạn đọc có thêm tư liệu về thời kỳ cuối đời của nhân vật lịch sử này, chúng tôi xin giới thiệu hai bài viết nói trên.

Talawas

Là người ham mê xem chiếu bóng, tôi nhớ mãi đợt chiếu phim ngày Tết năm 1934 (hay 1935, tôi không nắm vững nữa) ở Hà Nội, còn để lại đến tận bây giờ những ấn tượng sâu sắc về cả ba mặt *thẩm mỹ, tổ chức và kinh doanh*.

Trước Cách mạng tháng Tám, trong những ngày Tết Nguyên đán, nếu không nói đi mừng tuổi và ăn uống mà nói vui chơi thì xem chiếu bóng được coi là cái thú thanh lịch mới mẻ. Công chúng đông đảo nhất, bén nhạy nhất, nhiệt thành nhất và năng động nhất của màn bạc thời ấy – mà có lẽ cả bây giờ – là tầng lớp thanh niên. Đối với họ, được đón xuân bằng một buổi chiếu phim đặc sắc là nhu cầu thiết yếu, quan trọng, vừa là sinh hoạt văn hóa vừa là phương tiện xã giao ở thời điểm tâm hồn người ta hừng khởi, cởi mở và thân thiện. Nói không ngoa, họ chờ đợi nó như các tín đồ chờ ngày hội thánh. Họ là con công đệ tử của bà chúa *xi-nê*.

Từ lâu, nhu cầu ấy vẫn được đáp ứng. Hãng chiếu bóng Ciné-Théâtre rất thức thời đã đặt thành lệ hàng năm dành cho dịp Tết Nguyên đán cuốn phim mới nhập hay nhất trong chương trình cả năm, chiếu ở thủ đô trước tiên, tại rạp Majestic (bây giờ là rạp Tháng Tám). Cuốn phim ấy chẳng may mà xoàng thì cái Tết của thanh niên Hà Nội trở thành tẻ nhạt. Một lỗ trống không cái gì bù lấp được. Phim phải hay đã đành, tổ chức chiếu cũng phải cầu kỳ, công phu, chu đáo hơn ngày thường trăm lần. Nào cổ động rầm rộ. Nào trang hoàng sang trọng. Nào đón tiếp lịch sự, ân cần. Tốn của và tốn công. Ấy thế mà giá vé không tăng. Hãng Indochine Film bắt buộc phải cố gắng đua theo, nhưng vẫn cứ chịu thua một bậc. Rõ ràng là ông chủ Ciné-Théâtre còn quan tâm hơn cả người xem. Nhất định phải có cái gì cao hơn đồng tiền cùng tác động với đồng tiền.

Hồi ấy tôi là một học sinh lưu trú một trường trung học. Ngày chủ nhật, được ra phố chơi, bao giờ tôi cũng để ý ngay đến những áp phích quảng cáo chiếu bóng, vì việc chính trong ngày bao giờ cũng là xem chiếu bóng. Một lần, ngoài những áp phích thường lệ, tôi còn thấy nhan nhản khắp nơi một loại pla-két, có vẽ bí mật, chỉ ghi một từ "Tarzan" (Tác-dăng) kiểu chữ viết ngoáy, phóng tay vội vàng. Quái! "Tarzan" nghĩa là gì nhỉ? Thách đố hay hứa hẹn cái gì? Ở đâu? Lúc nào?

Chủ nhật sau, bên cạnh tờ pla-két úp úp mở mở kia đã xuất hiện một áp-phích mới, lớn bằng nửa chiếc chiếu trải giường đôi, phía trên đề “nay mai” (prochainement), rồi lừng lững từ *Tarzan* chữ to, nét đậm; dưới có dòng chữ nhỏ hơn nhưng không kém nổi bật: “Một cuốn phim đồ sộ về một cuộc phiêu lưu kỳ giữa núi rừng bí hiểm châu Phi”, dưới nữa là tên nhà đạo diễn Van Dyke và tên hai ngôi sao diễn viên Johnny Weissmuller và Maureen O’Sullivan.

Ngày 27 tháng Chạp âm lịch, học sinh bắt đầu nghỉ Tết. Tôi đến ngay rạp Majestic để biết tình hình tổ chức chiếu phim Tết có gì mới không. Trên đường phố tấp nập, người và xe cộ qua lại như mắc cửi, hai chiếc ô tô của hãng Ciné-Théâtre vẫn tiếp tục lượn và phát những âm thanh kỳ dị của rừng thẳm châu Phi, tuyệt đối không nói một lời. Bước vào rạp, tôi giật mình sửng sốt: gian ngoài của rạp đã biến thành một góc rừng với những cây cổ thụ chật ngất bết, những dây leo chằng chịt, những mô đá nhấp nhô và vô số dã thú giả, giống như thật, từ Mỹ đưa sang. Tôi xúc động đến ngỡ ngàng rồi bước nhanh vào giữa khu “hoang dại” mà một bàn tay nghệ sĩ đã tạo nên giữa nơi đô hội, dạo đi dạo lại, tưởng tượng một ngày kia mình có thể đến được hồ Chad và thung lũng sông Congo.

Ba giờ chiều mừng hai Tết, tôi mặc bộ quần áo chỉnh nhất của mình, cùng hai người bạn đi xem *Tarzan*, vé đã mua được từ ba hôm trước. Chúng tôi hồi hộp như đi nghe xướng danh kết quả một kỳ thi đã dự. Theo ảnh, một anh bạn đố tôi đoán được tại sao tóc Tarzan lại ngắn thế và con dao găm anh ta có được bằng cách nào, làm cho chúng tôi tranh cãi nhau suốt dọc đường. Mới đến đầu phố Hàng Bài đã thấy không khí hội hè. Người đi xem phim ùn ùn kéo đến, một số tiến về phía Tràng Tiền để xem buổi chiếu của rạp Palace (bây giờ là rạp Công Nhân), một số đông hơn tiến về phía Majestic. Khoảng ba trăm mét chạy dọc trước cửa Majestic người đông quá đến tắc nghẽn đường, xe cộ không qua lại được. Mà sao họ diện đẹp đến thế! Tôi nghĩ: ở Paris, cái cảnh tung bưng, nhộn nhịp và sang trọng của buổi diễn đầu một vở kịch nổi tiếng thế giới trên sân khấu rạp Opéra cao quý cũng đến thế này là cùng! Tất cả Hà Nội vui vẻ trẻ trung, hào hoa phong nhã đã đổ đến đây, tập trung trong quang cảnh ngày hội. Đúng là ngày hội chiếu bóng.

Có chen chúc nhưng không gay gắt vì đa số vé đã bán trước. Đáng chú ý là không hề có tệ nạn đầu cơ vé, tuy không khỏi có những trường hợp vé phải đi đường vòng, nhưng không thể nói đến vé chợ đen. Xe máy hầu như không có. Xe ô tô để đằng xa. Người ta đến đầu phố bằng xe tay. Phần lớn người ta đi bộ, đi thong thả. Đi chơi ai lại vội vàng, hấp tấp? Đặc biệt là không ai đi xe đạp, vì đi xe đạp là không chừng chạc, sang trọng, lại hại những quần áo quý. Cái làm đẹp lòng người đi xem nhất là trật tự. Đông là thế mà không lộn xộn, ồn ào. Càng không có những lời văng tục, gây gỗ, những cử chỉ thô bạo, hung hãn. Bọn côn đồ trộm cắp do áp lực quần chúng và thái độ cảnh sát, không dám bén mảng. Công chúng hoan nghênh ông chủ hãng linh lợi, luôn luôn có mặt để theo dõi tình hình, giám sát nhân viên phục vụ và can thiệp mau lẹ để bảo vệ chẳng những sự nghiêm chỉnh, chu đáo của rạp mà cả cái phong cách văn minh của khán giả.

Trong rạp, không có ai đội mũ, nói to hay gác chân lên ghế, không có ai phì phèo thuốc lá, thả khói chung quanh. Thoang thoang mùi nước “ét sảng” chanh thơm nhẹ. Bên cạnh màn trắng, một tấm bảng trên phủ lụa đỏ đề: “Chúc mừng năm mới”. Bên kia, một cảnh bích đào sai hoa cắm trong lọ độc bình.

Chuông réo mười phút liền, báo buổi chiều bắt đầu. Mọi người ổn định chỗ ngồi, im lặng. Một sự im lặng sâu như kính cần. Đèn tắt. Không gian thu hẹp trong mấy mét vuông trước mặt. Thời gian dừng lại. Qua hình tượng, cuốn phim thu hút người xem đắm đuối, không thể có ý niệm những cảnh đang diễn ra dưới mắt mình lại đã được dựng lên ngay ở Hollywood.

Tarzan là ai? Nhà bình luận thấy nhân vật Tarzan hơi giống nhân vật Mowgli trong cuốn sách của nhà văn Anh Rudyard Kipling. Mowgli lạc vào rừng từ thuở măng sữa. Chàng lớn lên trong những điều kiện sinh sống của sói và trở thành dân sói gốc người! Còn Tarzan con nuôi của bầy khỉ thì sao? Nhưng cuối cùng chàng cũng tự tách ra khỏi bầy chứ không đồng hoá được. Chàng trở lại sống cuộc sống người với đầy đủ *tính người*.

Dựng xong cuốn phim *Tarzan*, nhà đạo diễn Van Dyke đã thực sự xây dựng được đài vinh quang của mình. Sau phim *Tarzan* của Van Dyke, người Mỹ chẳng những thấy nó là một thành công vĩ đại về kỹ thuật, nghệ thuật mà còn là một thắng lợi oanh liệt về kinh doanh, nên họ đã tung tiền đầu tư quay một chuỗi phim *Tarzan* khác.

Nguồn: Tạp chí *Nghệ thuật điện ảnh*, số Tết Tân Mùi 1991

Nhân văn, "người và việc" Hoàng Khởi Phong

(*Nhân dịp Lê Đạt, Hoàng Cầm cho biết sẽ nhận "Giải thưởng Nhà nước" về những cống hiến văn học của những người đã cấu thành vụn án Nhân văn*)

1.

Câu chuyện *Nhân văn* bắt đầu từ năm 1956, khi miền Bắc vì áp lực của Trung Cộng, mô phỏng cuộc cách mạng xã hội ở Trung Quốc, ông Hồ Chí Minh tuyên bố cho mọi người, mọi nhà được lên tiếng qua khẩu hiệu: "Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh - Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng", thì một số người cầm bút ở miền Bắc gồm: Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, Hữu Loan, Trần Dần, Phùng Quán, Văn Cao, Lê Đạt, Phùng Cung, Hoàng Cầm, Trần Lê Văn, Hoàng Tích Linh, Sĩ Ngọc... đã nhân cơ hội này tập hợp lại, dựng nên tờ báo *Nhân văn*, đồng một lúc nhà thơ Nguyễn Bính tập kết từ Nam ra Bắc một mình một chợ với tờ *Trăm hoa*.

Vào thời điểm đó việc chia đôi đất nước qua Hiệp định Genève vừa được chấn tròn hai năm, việc di cư của đồng bào miền Bắc vào Nam, cũng như đồng bào miền Nam ra tập kết ngoài Bắc vừa hoàn tất vồn vẹn một năm. Đoàn quân chiến thắng từ chiến khu Việt Bắc trở về tiếp thu Hà Nội, còn đang ngây ngất vì hào quang kháng chiến. Những người nhìn xa lo kiếm cho mình một chỗ ngồi, một chỗ dựa, một căn nhà... thì các văn nghệ sĩ vốn nhiều mơ ước, lại bị kiềm chế quá lâu trong guồng máy của chiến khu trong thời chiến, bây giờ qua lời tuyên bố "Trăm hoa đua nở" của ông Hồ, ai nấy đều thở ra một cái nhẹ nhõm. Những người làm văn nghệ có thể mơ hồ về tài năng của mình, nhưng họ cũng đủ tinh tế và nhạy cảm để nhìn thấy những điều diễn ra trước mắt, khi một sắc lệnh liên quan đến giới văn nghệ, được phổ biến vào ngày 15.12.1956. Thật ra những người cầm trịch cho guồng máy văn nghệ của nhà nước cũng chỉ phổ biến sắc lệnh này bằng miệng, trong một cuộc họp báo ở Phòng Thông tin tại phố Tràng Tiền. Sắc lệnh được ban hành bằng miệng này chỉ là nhắc lại một sắc lệnh đã được phổ biến bằng văn bản, vào tháng 10.1954, khi Hà Nội mới được tiếp thu sau 100 ngày ngổ cửa cho dân chúng di cư. Nội dung của sắc lệnh này bao gồm năm điểm:

- Không được chống chính phủ
- Không được xúi giục nhân dân và bộ đội làm loạn
- Không được nói xấu các nước bạn
- Không được tiết lộ bí mật quân sự

- *Không được đăng tải các bài vở phương hại đến thuần phong mỹ tục.*

Có một cái gì đó bất ổn trong nội dung năm điểm cấm này, đó là chưa kể tới điều cấm thứ ba không được nói xấu nước bạn" đầy khôi hài, mà lại có nhiều chất nô lệ cũng như phụ thuộc vào những nước nào được gọi là bạn.

Thành thử trước lời tuyên bố "Trăm hoa đua nở" của ông Hồ, những người làm văn nghệ đã từng nằm gai nếm mật trong chiến khu Việt Bắc hiểu được một điều, mà chính cụ Phan Khôi đã thú nhận: văn nghệ cam chịu phục vụ cho chính trị. Điều mà nhóm *Nhân văn* cũng như *Trăm hoa* của Nguyễn Bính nhắm tới là mong mỗi chính trị đừng có xen vào chuyên môn của văn nghệ. Câu chuyện *Nhân văn* ban đầu khởi đi chỉ giản dị như thế.

Như vậy *Nhân văn*, "Người và Việc" đã khởi đi từ năm 1956, cho tới nay hơn nửa thế kỷ đã qua đi. Việc thì mỗi ngày mỗi đẻ thêm ra, đến độ không một ai có thể kiểm kê được có bao nhiêu sự kiện đã xảy ra liên quan tới hai chữ *Nhân văn*? Có bao nhiêu cuốn sách, có bao nhiêu bài viết, có bao nhiêu văn thư, có bao nhiêu chỉ thị bằng chữ và bằng miệng, chĩa mũi dùi vào các thành viên của *Nhân văn*. Còn Người nói chung có hai loại: một là người của chế độ, và loại Người còn lại là những Người hình thành nên nhóm *Nhân văn*. Người của chế độ thì cứ lớp này văn tuồng, lớp khác tiến ra. Người người lớp lớp tiến lên như tên một tác phẩm của Trần Dần, trong khi đó đạo quân *Nhân văn* vồn vện không đầy một trung đội. Qua nửa thế kỷ hiện nay chỉ còn lại vài ba người, mà trong đó Nguyễn Hữu Đang chỉ mới nằm xuống chưa đầy hai tuần lễ, thì Lê Đạt và Hoàng Cầm trong một cuộc phỏng vấn dành cho báo điện tử của nhà nước là *VietNamNet*, nhân dịp hai nhà thơ và nhà văn này được trao tặng giải thưởng nhà nước đã cho biết: "... Đây là một cử chỉ đẹp, cho dù đã muộn. Nhưng muộn còn hơn không..."

Trước đó, ông Đỗ Chu, một thành viên của hội đồng giải thưởng chuyên ngành văn học, đã phát biểu: "... Có thể đây là lời xin lỗi của nhà nước đối với các anh..."

Ông Đỗ Chu quả là kiêu lời, không nói *lỗi* đó là cái gì, và vì sao mà năm 1988, nghĩa là sau hơn ba chục năm bị trừ dập đến độ sống không sống được, chết chẳng chết cho, những người liên quan tới *Nhân văn* đã được phục hồi hội tịch Hội Nhà văn, mặc dù sự phục hồi này theo những người am tường cho biết thì cũng chỉ phục hồi một nửa. Nghĩa là không có văn bản nào xác nhận đã được xoá bỏ các biện pháp kỷ luật, chỉ ngằm cho một số người được vào lại biên chế của nhà nước, với số lượng khiêm tốn. Năm 1988 nhiều người trong vụ *Nhân văn* còn sống, nhưng tên tuổi làm nên *Nhân văn* ngoại trừ Phan Khôi đã mất trước đó nhiều năm, nhưng Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần, Phùng Cung, Nguyễn Hữu Đang... mặc dù sống như những con ma trôi ngay giữa ban ngày, nhưng vẫn còn hiện diện giữa phố phường Hà Nội. Thế rồi mãi 19 năm sau nữa, năm 2007 mới có giải thưởng của nhà nước dành cho những đóng góp văn học của Hoàng Cầm và Lê Đạt.

Phải chăng nhà nước muốn làm hơn thế nữa, muốn tặng cho nhiều người xứng đáng hơn trong vai trò chủ chốt của nhóm *Nhân văn*, nhưng đã vấp phải những cái lưng thật thẳng, những tảng đá hết sức kiên trì như Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Phùng Quán... nên vì đó mà mọi việc còn phải chờ cho tới khi những tảng đá kiên trì này đã lăn hết dốc đời. Phải chăng những cái lưng thật thẳng đó đòi hỏi mọi việc phải được minh bạch, như những câu thơ của Phùng Quán, trong bài thơ "Lời mẹ dặn":

*"... Yêu ai cứ bảo rằng yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét...
Tôi muốn làm nhà văn chân thật
Chân thật trọn đời*

*Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giạt đi
Tôi sẽ dùng dao khắc văn trên đá".*

2.

Là một học sinh khá xuất sắc của ban Toán, cái duyên văn tự đến với tôi vào mùa hè năm 1959. Năm đó tôi học đệ tam không phải thi cử, mà lại con nhà nghèo không có phương tiện để đi chơi đây đó. Thú vui duy nhất của tôi trong mùa hè này là coi cạp đá banh, và lên nhà anh cả tôi đọc sách. Lần đầu tiên đến với chữ nghĩa, tôi không hiểu may hay rủi có hai cuốn sách đeo theo tôi suốt đời là cuốn *Giờ thứ 25* của nhà văn Rumania Constant Virgin Gheorghiu, và cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của học giả Hoàng Văn Chí. Dù bất cứ thời gian nào, bất cứ ở đâu nếu tôi có một cái kệ để sách, thì trên cái kệ có hai cuốn sách này, và tôi thường lấy ra đọc lại trong những lúc bị đời bầm dập.

Khi đọc hai cuốn sách này lần đầu, tôi là một học sinh mới 16 tuổi, chưa đủ trí khôn để cảm nhận đầy đủ giá trị văn học của cả hai tác phẩm, song trong lòng tôi là những cơn chấn động mạnh. Có lẽ cái duyên văn tự đến với tôi không phải là những tác phẩm thuần túy văn học, nên vì đó mà đời văn của tôi cũng trải qua, và trả giá khá nhiều cho những suy nghĩ mà tôi bắt được từ trong thơ của Phùng Quán, từ thái độ sống của Trần Dần. Trọn thời trai tráng của tôi, những bài thơ đầu đời được làm rải rác đó đây trên chặng đường quân ngũ, tôi noi dấu theo vết bánh xe mà Trần Dần, Phùng Quán đã từng đi qua.

Với tôi Trần Dần, Phùng Quán là hai cây bút tiêu biểu mà tôi nghĩ: trong một chế độ như miền Bắc, nếu không sản xuất được những nhà văn như nhóm *Nhân văn*, thì số phận của dân chúng ở ngoài đó còn nhiều phần cay đắng hơn. Thành thạo trong những lúc nhàn rỗi việc quân, nghĩ về văn chương và chữ nghĩa, tôi nghiệm ra một điều: mặc dù là một sĩ quan của miền Nam, đang tập tễnh cầm bút, tôi gần gũi với các tác giả trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* hơn là phần đông các tác giả của miền Nam. Thật ra tôi cũng chẳng có nhiều tác phẩm của họ để đọc, chỉ thấy rằng những người của *Nhân văn* dường như đã đứng ở thế bồi thủy, tựa lưng vào bờ sông để hành sử tư cách nhà văn của mình, mà trước mặt là cả một đạo quân của guồng máy cai trị đang ầm ầm xóc tới. Cũng trong lúc đó thì ở miền Nam, có thật nhiều người cầm bút rất nổi tiếng, khi cầm bút chỉ mong làm vui lòng các độc giả, viết những cuốn sách bán chạy vì đáp ứng đúng thị hiếu của người đọc, hơn là nghĩ đến một tác phẩm có thể sống lâu được với thời gian.

Thế rồi đời sống cứ trôi đi, chiến tranh cứ lớn mạnh. Cho tới một đêm cuối tháng Tư năm 75, tôi leo lên con tàu HQ8 của Hải quân Quân lực Việt Nam Cộng hòa, hành lý vồn vện có một bộ quần áo trên người, một bộ trong túi xách tay cùng một cuốn sách duy nhất là cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, và trong túi vồn vện có 20 đô la, do mẹ tôi đã vét hết tiền nhà đổi được cho tôi dần túi mang đi. Cho dù phải sống xa quê hương, tôi vẫn tin rằng một chế độ có bạo tàn tới đâu chẳng nữa, nhưng nếu còn sản xuất được những người cầm bút như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Phùng Quán... thì tôi vẫn có quyền hy vọng một ngày nào đó tôi sẽ quay về. Thành thử ngoài hành trang gọn nhẹ tôi đã viết ở trên, món hành trang nặng nhất mà tôi mang đi, chính là lòng cảm phục những người đã dựng nên tờ *Nhân văn*.

Năm 1995 Phùng Quán mất, trong tay tôi vồn vện chỉ có một cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, một cuốn *Trăng hoàng cung* của Phùng Quán, nhưng được in ở hải ngoại (mà tôi nghĩ đây là một tác phẩm không lấy gì làm hay lắm), một bài viết của Phùng Quán về Đoàn Phú Tứ trong số *Xuân Văn Học* 1995, và một vài bài báo liên quan tới Phùng Quán. Chỉ với một ít

tư liệu nhỏ nhoi đó, tôi đã mất mười giờ liền để hoàn tất bài viết "Một vì sao *Nhân văn* vừa tắt". Sau khi bài viết được đăng tải trên tờ *Hợp lưu*, tôi nhận được thư của bà Vũ Bộ Trâm, cảm ơn về những tình cảm đặc biệt mà tôi đã dành cho chồng bà.

Sau khi Phùng Quán mất, chẳng bao lâu sau là Văn Cao, kế đó là Trần Dần, và chỉ một thời gian ngắn sau khi Trần Dần nằm xuống, nhà xuất bản *Văn nghệ* ở Cali cho phát hành cuốn nhật ký *Ghi* của ông. Nói cho đúng cuốn sách có thể chỉ gồm ghi chú ngắn, về "Người và Việc" đã xảy ra giữa những người cầm trịch chính trị và văn nghệ ở ngoài Bắc, với những Người trong nhóm *Nhân văn*. Những trang nhật ký của Trần Dần đã được gia đình chuyển ra ngoại quốc, và được nhà văn Phạm Thị Hoài biên tập.

Vốn trong lòng lúc nào cũng tâm phục với những người của *Nhân văn*, cuốn *Ghi* đến với tôi như là một liều thuốc quá mạnh, với đầy đủ những vị cay, đắng, chua, chát, mặn. Vị nào cũng quá đê, đến độ tôi vốn là người đọc sách nhanh, mà không thể nào đọc nổi cỡ hai chục trang một lần. Cứ đọc độ mười trang, tôi lại phải ngừng lại, ngẫm nghĩ, mường tượng ra những sự việc và những cảnh đời, những con người mà Trần Dần đã ghi lại. Cảm giác của tôi khi đọc được nửa cuốn *Ghi*, hết như một thanh niên mới lớn bị tình phụ. Ngoại trừ Hữu Loan đã bỏ về quê đi thò xe, Nguyễn Hữu Đang bị bỏ tù, những người còn lại chỉ bị kỷ luật. Có nghĩa là chỉ bị kiểm thảo, đuổi ra khỏi hội nhà văn, rút biên chế, cưỡng bách lao động, học tập, chỉ định nơi cư trú... Chẳng lẽ những tính danh mà có một thời tôi đã coi như là chỉ dấu cho đời văn của mình, những Trần Dần, Phùng Quán, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Cung... lại có lúc cư xử với nhau tệ hại như thế sao?

Để nuốt cho được chén thuốc quá đắng này, tôi viết một bài ngắn đăng tải trên tờ *Việt Tide*, và cho rằng đó chỉ là những ghi chú nhỏ, như những nguyên liệu thô, mà chỉ có chính người ghi lại là Trần Dần mới có thể biết rõ cách sử dụng các nguyên liệu thô này như thế nào, để từ một đồng ghi chú bầy nhầy đó trở thành một tập tài liệu, hay một tác phẩm.

Trước khi Phùng Quán mất chừng hai năm, một thân hữu của tôi về thăm quê hương, khi trở ra anh mời một số bằng hữu đến ăn một bữa cơm thân mật tại nhà, chỉ cốt khoe anh có giao tình với Văn Cao, là em kết nghĩa của Hoàng Cầm. Anh lục lọi mang ra một cuốn băng video, trong đó có cảnh Hoàng Cầm "hét thơ", anh mang ra những bản photo copy các bài thơ của Hoàng Cầm và của Văn Cao, với những lời đề tặng cực kỳ thân ái. Những thước phim cho tôi thấy có một cái gì đó đầy kịch tính, bởi vì những lời đề tặng cực kỳ thân ái đó được dùng cho bất kỳ ai đến thăm, như một sản phẩm được trao đổi giữa người viết và người đọc, mà chế độ cai trị không cho phép những người viết này được in ấn, xuất bản nên không có sách được bày bán trong các tiệm sách.

Sau khi Phùng Quán mất độ vài năm, tôi qua Âu châu lần đầu. Thăm Thế Giang ở Đức, chia với Thế Giang một số câu chuyện liên quan tới Trần Dần, ghé Pháp thăm vợ chồng Trần Vũ, để được nghe người ta bàn ra, tán vào về cách ứng xử của nhà thơ Lê Đạt, một nhân vật trong nhóm *Nhân văn*, được nhà nước cho sang Pháp chơi, cư ngụ tại nhà chị Thụy Khuê, một thân hữu của tạp chí *Văn học*. Thành thử trước khi chính thức uống chén thuốc *Ghi* quá đắng của Trần Dần, tôi đã được ném khai vị một số câu chuyện của vị của một nhân vật *Nhân văn* mà tôi đã hằng tâm phục thời trai trẻ.

Chỉ biết rằng theo những câu chuyện mà tôi nghe được, trong thời gian Lê Đạt ở Paris, lúc nào ông cũng ăn mặc như một tu sĩ tại gia, suốt ngày nằm ở trong phòng riêng. Mỗi khi có khách tới viếng, gia chủ phải vào thỉnh ra phòng khách. Đó là chưa kể gia chủ mỗi buổi sáng trước khi đi làm, đã té nhị để lại một số tiền trên bàn ăn, để đề phòng khách có đi đâu chơi thì có sẵn tiền xe. Suốt một tháng trời ở Paris, hình như Lê Đạt ít khi ra ngoài, và mỗi khi ra

ngoài thì đã có người đưa kẻ đón, thế nhưng tiền xe thì mỗi ngày vẫn cứ nhận. Chắc có lẽ nhà thơ cho rằng với những năm tháng bị đầy đọa vì vụ *Nhân văn*, người hải ngoại có bổn phận chiều đãi, đền bù và ông có quyền thụ nhận những gì người ta dâng cúng. Ở nước Mỹ cũng có nhiều người vẫn đinh ninh rằng những năm tháng bị cầm tù trong các trại tù cải tạo, là một thứ quyền bất khả tư nghị, và những người đi trước phải có nghĩa vụ nào đó, trách nhiệm nào đó để đền đáp cho những năm tháng bị đọa đầy này.

Khi viết những dòng chữ này, một lần nữa tôi đọc lại cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, đọc thêm cuốn *Ba phút sự thật* của Phùng Quán mà tôi mới mua trong chuyến về thăm nhà mới đây, tất nhiên tôi cũng đọc lại cuốn *Ghi* của Trần Dần, nhưng cuốn này tôi chỉ đọc nhẩy cóc mà thôi. Tôi vẫn giữ đầy đủ lòng kính trọng những người đã làm nên *Nhân văn*, nhưng chen vào đó là lòng thương cảm vô bờ bến. Lần đầu đọc cuốn *Ghi* tôi bị "sốc", nhưng nhiều năm đã qua đi, cái chết của các ông Nguyễn Hữu Đang, của Đoàn Phú Tứ, của Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần, Phùng Cung... và đời sống của những nhân vật này trong những năm bị sao chổi quét trên đầu, đã khiến cho tôi thấy chén thuốc *Ghi* coi vậy mà rồi tôi cũng nuốt được.

3.

Bản tin được phổ biến trên nhiều báo trong nước cũng như hải ngoại cho tôi biết: bốn tác giả Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán và Trần Dần được nhận Giải thưởng Nhà nước. Trong số bốn người được nhận giải này có hai người đã nằm xuống là Phùng Quán và Trần Dần, thành thử hai người này không có cơ hội để trả lời cho tờ báo điện tử *VietNamNet*. Nhưng nếu Trần Dần và Phùng Quán còn hiện diện trên đời, tôi tin cả hai sẽ làm nhà nước không mấy hài lòng. Hai người còn sống là Hoàng Cầm và Lê Đạt thì mau mắn trả lời sẽ nhận giải thưởng trị giá 60 triệu đồng Việt Nam này.

Trong bản tin của tờ *Việt Tide*, tôi nhìn thấy ảnh Lê Đạt và Hoàng Cầm tươi cười hả hê. Nếu không được coi cuốn video Hoàng Cầm "hết thơ" mà một thân hữu của tôi, một bác sĩ và là em kết nghĩa của Hoàng Cầm đem qua Mỹ cho coi vào đầu thập niên 90, nếu không được nghe những chuyện kể về một nhà thơ *Nhân văn* qua thăm bên Pháp, chắc là trong hai lần ghé Hà Nội vào năm 2005 và 2006 để đi một vòng Bắc Việt, tôi đã có dịp gặp gỡ Hoàng Cầm và Lê Đạt. Ít nhất trong hai lần về Hà Nội này, trong hai lần ghé thăm để thấp hương trên bàn thờ Phùng Quán, tôi đã được gợi ý gặp gỡ Hoàng Cầm và Lê Đạt, nhưng không hiểu sao tôi ngần ngại rồi quả quyết quay về.

Có lẽ dư âm của cuốn *Ghi*, của những thước phim Hoàng Cầm "hết thơ", và cách hành xử của Lê Đạt ở Paris là những ấn tượng quá mạnh, khiến tôi nghĩ mình nên đứng lại ở một khoảng cách đủ xa, để chiêm ngưỡng các nhân vật này, như tôi đã từng chiêm ngưỡng họ trong thời gian tôi còn ở quân đội. Thái độ mau mắn trả lời "nhận" giải thưởng nhà nước của Hoàng Cầm và Lê Đạt, khiến cho tôi nghĩ nên ghi lại những những gì tôi đã đọc về cái "sống" và cái "chết" của những nhân vật đã tạo nên biến cố *Nhân văn*, trước khi có một vài suy nghĩ liên quan tới việc "nhận" hay "không nhận" một giải thưởng được nhà nước trao quá muộn màng sau hơn nửa thế kỷ.

Vì không phải là một bài khảo cứu, tôi chỉ ghi tóm tắt về cuộc đời và cái chết của một vài nhân vật tiêu biểu cho nhóm *Nhân văn* gồm: Phan Khôi, Phùng Quán, Văn Cao, Trần Dần, Nguyễn Hữu Đang và một nhân vật còn sống là nhà thơ Hữu Loan. Ngoài ra trong bài viết này, tôi chỉ nêu lên một vài chi tiết nhỏ liên quan tới các tác phẩm của những nhân vật này, bởi vì toàn bộ các sáng tác của nhóm *Nhân văn* đã được đăng tải và lưu trữ ở rất nhiều nơi.

Người nằm xuống sớm nhất của nhóm *Nhân văn* là cụ Phan Khôi. Ông cũng là đại diện duy nhất của phe cụ học, nguyên là một cậu Tú nho học, sinh năm 1887, và là một nhân vật nổi bật trong buổi giao thời giữa hai nền văn chương Hán Nôm và văn chương Quốc ngữ. Năm 1907 cụ Phan ra Hà Nội, tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục với cụ Lương Văn Can. Trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của học giả Hoàng Văn Chí xuất bản năm 1959 ở miền Nam, và mới đây trong tác phẩm *Nhớ cha tôi* của bà Phan Thị Mỹ Khanh xuất bản ở Đà Nẵng năm 2001, người đọc biết được một điều cụ Phan là một nhà nho yêu nước, nhưng cụ chẳng những không thích mà còn ghét cộng sản, mặc dù con trai cụ là Phan Thao, là một cán bộ cao cấp của cộng sản trong Ủy ban Trung bộ. Theo Hoàng Văn Chí, cụ lớn tiếng đả kích đường lối sắt máu của cộng sản thi hành ở Quảng Nam quê cụ, khi Việt Minh cướp chính quyền ở đây vào năm 1945. Để dàn xếp cho cụ, đích thân Hồ Chí Minh đã viết thư mời cụ ra Hà Nội hợp tác, nhưng kỳ thực là giao cụ cho Phan Bội là em thúc bá của cụ, và là Trung ương Ủy viên Thứ trưởng Bộ Nội vụ phụ trách quản thúc.

Trong một bài viết được đăng tải trong cuốn *Nhớ cha tôi*, Thiều Sơn, một nhân vật sau cụ Phan chừng mười tuổi cho biết: "*Ông (Phan Khôi) có một người con là Phan Thao. Con là một cán bộ ở cấp bậc cao. Cha thì ghét cộng sản. Chồng cộng nhưng cũng khăng khái, không thần phục thực dân, không chịu mang tiếng theo giặc. Hai cha con cãi nhau kịch liệt, rồi con không thuyết phục được cha. Nó nói: "Chồng cộng là quyền của cha, nhưng đây là toàn dân kháng chiến. Không lý cha có thể đặt mình dưới sự kiểm soát của giặc".*

Theo học giả Hoàng Văn Chí, cụ Phan Khôi có mặt trong vùng kháng chiến vì hoàn cảnh ép buộc, do đó người ta không lấy làm lạ ngay trong thời kháng chiến cụ đã có những bài thơ ngắn bày tỏ ý kiến của mình, dùng tài văn của mình để viết một câu chuyện trong đó cụ gọi một loại cây mà người Bắc gọi là "cây cứt lợn" còn trong Nam gọi là "cây chó đẻ" là "cỏ cộng sản". Để rồi từ "cỏ cộng sản" cụ viết là cụ đã gặp một ông già người Thổ, gọi cái cây này là "cỏ cụ Hồ". Ông già người Thổ đó cho biết: Từ ngày cụ Hồ về lãnh đạo cách mạng, thấy cỏ này mọc rất nhiều, nên người dân địa phương gọi là "cỏ cụ Hồ", vì thứ cỏ này xuất hiện cùng một lúc với cụ Hồ thì gọi là "cỏ cụ Hồ".

Cụ Phan là một cây bút lý luận trụ cột của *Nhân văn-Giai phẩm*, mà trong đó bài viết đáng kể nhất là "Phê bình lãnh đạo văn nghệ", truyện ngắn "Ông Năm Chuột", "Ông bình vôi", cùng một số thơ. Năm 70 tuổi cụ làm một bài thơ tự trào, trong đó có hai câu:

*...Lên bảy mươi rồi mẹ nó ơi
Thọ ta, ta chúc lọ phiền ai...*

Bài thơ tuy không xuất bản, nhưng được Nguyễn Công Hoan làm một bài thơ họa lại như sau:

*Nhấn bảo Phan Khôi khốn kiếp ơi
Thọ mi, mi chúc chớ hòng ai
Văn chương! Dù mẹ thẳng cha bặc
Tiết tháo! Tiên sư cái mẹ ngoài
Lô-dịch, trước cam làm kiếp chó
Nhân văn, nay lại hít gì voi
Sống dai thêm tuổi, cho thêm nhục
Thêm nhục cơm trời, chẳng thấy gai.*

Chỉ cần đọc bài thơ này, đủ hiểu đời sống của cụ Phan Khôi như thế nào, sau khi chế độ ra tay đàn áp nhóm *Nhân văn*. Cụ vẫn còn may mắn hơn nhiều người trong nhóm, vì chế độ nể mặt Phan Bội và Phan Thao là hai cán bộ cao cấp, bản án dành cho cụ Phan Khôi tương đối

nhẹ. Cụ không phải chịu đựng những trừng phạt thể xác như Trần Dần, Phùng Quán, Phùng Cung... mà chỉ bị quản thúc tại gia. Cụ mất năm 1959, nghĩa là chỉ ba năm sau khi vụ *Nhân văn-Giai phẩm* ra đời. Những người của Hà Nội thời đó cho biết: trong đám tang của cụ chỉ có lèo tèo vài người thân trong nhà, đẩy một chiếc xe như xe bò chở quan tài cụ ra nghĩa địa. Không có một vòng hoa, không có một lời ai điếu. Đó là chưa nói tới có một hai người con, vì e ngại cho tiền đồ của mình mà không dám đưa tang bố.

Năm 1995 Phùng Quán mất vì căn bệnh ung thư. Trong *Nhân văn* ông là người lính xung kích trẻ tuổi nhất, nhưng lại là người nhanh chân nhất biến khỏi cuộc đời vào năm 62 tuổi. Vào thời điểm này nước Việt đã mở cửa về kinh tế, và cởi trói cho văn nghệ được vài năm, rồi lại trói lại. Khi mở cửa và cởi trói thì có những lời tuyên bố được rêu rao trên toàn bộ các hệ thống báo chí, truyền thanh và truyền hình. Nhưng khi trói lại thì chỉ là những văn thư nội bộ, các biện pháp kỷ luật hành chính, hay âm thầm tịch thu sách, báo. Tuy nhiên lời tuyên bố cởi trói cho văn nghệ của ông Nguyễn Văn Linh đã ảnh hưởng phần nào tới quyết định phục hồi hội tịch Hội Nhà văn cho các nhân vật trong nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* vào năm 1988. Tuy được phục hồi hội tịch, chỉ có nghĩa là từ nay Phùng Quán được viết bằng bút hiệu của mình, không phải viết văn chui như trước. Ngay sau khi được thả lỏng, Phùng Quán như một con chim muốn bay vút lên không trung, ông thường xuyên đi đó đây. Khi thì về Thái Bình thăm Nguyễn Hữu Đang, lúc thì về thăm Hữu Loan ở Thanh Hoá, rồi về quê nội ở Huế, rồi vào Đà Lạt chơi với nhóm Bùi Minh Quốc, Hà Sĩ Phu và những chuyến đi này có khi kéo dài cả hai ba tháng trời. Thời gian này ông hít lấy cái không khí tự do cho no buồng phổi, tạm quên việc xuất bản sách cho chính mình, ngoại trừ một số nhà xuất bản tự tìm tới với Phùng Quán để in những tác phẩm của ông, còn chính ông thì để tâm thiết tha vào việc khác. Nên vì vậy mà mọi chi tiêu trong đời sống hằng ngày của gia đình Phùng Quán, vẫn hoàn toàn nằm trong số lương giáo viên cấp 3 ít ỏi của bà vợ.

Khi Phùng Quán mất, mặc dù giới văn nghệ đã bị trói lại, song ảnh hưởng của việc cởi trói còn mạnh, nên đám tang ông được hàng ngàn người yêu thơ ông, cũng như các bạn văn, bạn chiến đấu, bạn câu cá trộm đã đưa ông đến nơi an nghỉ cuối cùng, không đến nỗi hắt hiu như đám ma cụ Phan Khôi hơn hai chục năm trước, khi việc đàn áp *Nhân văn* còn đang bùng bùng sát khí. Như vậy trong suốt 32 năm từ 1956 tới 1988, bị ra khỏi biên chế nhà nước, thoát đầu là lao động cải tạo tại những công, nông trường rải rác trên lãnh thổ miền Bắc, Phùng Quán còn được lãnh một số tiền phụ cấp hàng tháng không bao giờ đủ dùng cho bản thân mình. Vài năm sau, Phùng Quán là người hoàn toàn không có một công ăn việc làm nào. Cuộc đời Phùng Quán từ sau cải tạo lao động cho đến khi được phục hồi hội tịch hội nhà văn, đã được ông tự tả bằng sáu chữ: "*Rượu chiu - cá trộm - văn chui*", có nghĩa là ông thường xuyên uống rượu mua chiu của những người quen, ông là tay câu cá trộm chuyên nghiệp ở các hồ nuôi cá quốc doanh như ở Hồ Tây, Hồ Bảy Mẫu, Hồ Hạ-le. Về lao động trí óc, ông viết văn chui dưới rất nhiều bút hiệu ma. Thậm chí có những người chưa bao giờ cầm bút viết một câu văn, nhưng nhờ cho mượn tên mà giờ đây tự nhiên có tác phẩm. Rồi đời sống trôi đi, vài người trong số này đã quên bằng việc cho Phùng Quán mượn tên, và tưởng chừng rằng chính mình đã viết nên một cuốn sách, rồi ra vào khệnh khạng in hết một nhà văn thực thụ.

Ông thú nhận đã câu trộm tới bốn tấn cá, để nuôi mình, bán để phụ tiền mua gạo, cải thiện bữa ăn cho vợ con, và phụ thêm thức ăn với một bà mẹ nuôi. Tưởng cũng nên nhắc lại ông lập gia đình với bà Vũ Bộ Trâm, một giáo viên cấp ba của trường trung học Chu Văn An Hà Nội, nhưng vì hoàn cảnh mà bà vợ vẫn ở với gia đình, trong khi đó ông ăn ở tại nhà bà mẹ nuôi. Dù đã có với nhau hai mặt con, ông vẫn cứ phải ăn, ở với bà mẹ nuôi hàng chục năm trời, và chỉ được sống chung dưới một mái nhà với vợ con một thời gian không quá mờ

năm trước khi qua đời.

Phùng Quán cũng thú nhận về "văn chui", ông đã viết lời cho mấy chục cuốn truyện bằng tranh cho nhà xuất bản Kim Đồng, dưới những bút hiệu ma do nhà xuất bản tự ý đề tên. Có lần ông đã mượn đại cả tên Thanh Tịnh để dưới các quyển truyện bằng tranh này, khi truyện in xong, ông mang đến biếu Thanh Tịnh, và được nghe Thanh Tịnh nói một câu chí tình: "Anh đã chẳng có gì để giúp cho em, thì cho em mượn một cái tên".

Sau Phùng Quán một thời gian không lâu, đến lượt Văn Cao trở về với lòng đất. Nếu như Phùng Quán đến với *Nhân văn* như một tay xung kích trẻ, cả trong văn giới cũng như đời thường, thì Văn Cao là một tên tuổi chói lọi trong vòm trời văn nghệ. Ông là tác giả bài "Tiến quân ca" tức là quốc ca của miền Bắc. Đó là chưa kể những bản nhạc lừng danh khác như "Trường ca sông Lô", "Tình ca trung du", "Không quân Việt Nam", "Hải quân Việt Nam" và một số ca khúc hàng đầu trong thời kỳ phôi thai của âm nhạc Việt Nam như "Thiên thai", "Suối mơ", "Buồn tàn thu", "Khối tình Trương Chi", mà những bản nhạc sau của ông không được trình diễn ở miền Bắc, vì bị quy là sản phẩm của tiểu tư sản, lãng mạn, uỷ mị không phù hợp với không khí của thời chiến và của đường lối sáng tác xã hội chủ nghĩa.

Văn Cao đã từng ở trong Ban Âm sát Thành, đã từng cầm súng giết người, nghĩa là không phải là một người làm văn nghệ bình thường mà là người cách mạng đầy sắt máu nếu cần. Trước khi tham gia *Nhân văn-Giai phẩm*, Văn Cao đã từng được cho đi tham quan Mạc Tư Khoa, và từ đó người ta nghe được những ý tưởng thất vọng của ông về thiên đường xã hội chủ nghĩa. Không một ai phủ nhận được vị trí chói lọi của Văn Cao trong âm nhạc, nên khi ông hoà mình vào nhóm *Nhân văn*, ảnh hưởng của ông với quần chúng thường ngoạn rộng lớn hơn nhiều. Trong mấy số báo ngắn ngủi của *Nhân văn*, ông đã đóng góp chỉ hai bài thơ "Anh có nghe không" và "Những ngày báo hiệu mùa xuân". Khác hẳn với lời ca trong các bản nhạc khi thì hào hùng, đầy tình tự dân tộc, tràn trề sức sống vươn cao trong các bản nhạc được cho phép hát. Hay là những hình ảnh lãng mạn, trữ tình của những bản nhạc không ai cấm, nhưng không một ai muốn trình diễn. Giọng thơ của Văn Cao giờ đây u uất gói gắm những bão táp ẩn trong lòng ông, và trong lòng người.

Vì ảnh hưởng của Văn Cao quá lớn trong quần chúng, nên việc trừng phạt ông tương đối nhẹ hơn. Ông bị đình chỉ công tác trong ngành nhạc, bị đưa đi thực tế lao động một thời gian như là một lời cảnh cáo, rồi sau đó được tha về Hà Nội. Từ đó cho tới năm 1975 ông không hề viết một bản nhạc nào, ông nhận trình bày bia cho tờ *Văn nghệ*, như là một công việc để kiếm cơm. Năm 1976, sau đúng hai chục năm im lặng, ông viết một bản nhạc đầu tiên, được đăng trên một tờ báo ở trong nước, nhưng ngay lập tức tờ báo bị tịch thu, và không một ai được nghe bản nhạc này cho tới năm 1995, tức là gần hai chục năm sau, không khí chính trị đã bớt ngộp, mới được trình diễn trước công chúng. Đó là bản nhạc "Mùa xuân đầu tiên".

Sau hơn hai chục năm không soạn nhạc, bài hát này có thể không hay bằng những sáng tác trước kia của Văn Cao, nhưng đó là một bài ca thức tỉnh lòng người. Khi mà cả nước vào trong thời điểm đầu sau 75, toàn bộ những người sáng tác văn, thơ, nhạc, kịch của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngoạc miệng ra kêu gào chiến thắng, ca tụng chiến thắng. Không thiếu gì những truyện ngắn, truyện dài, thơ được viết bởi trí tưởng tượng nghèo nàn, lại thiếu học vấn với những chiến công thật và giả, như là những truyện khoa học giả tưởng, mà nếu dùng phân tâm học để phân tích các truyện ngắn này, người ta còn thấy đó là sản phẩm của những đầu óc bệnh hoạn. Chỉ riêng mình Văn Cao viết về hoà bình bằng những lời ca man mác u hoài và đầy nước mắt: "... Từ đây người biết thương người, từ đây người biết yêu người... Giọt nước mắt trên vai anh, giọt nước mắt trên vai em - Mùa xuân êm ấm ấy chưa có về đâu, gà gáy trưa bên ven sông... Từ đây người biết quê hương...".

Lời ca của Văn Cao trong bài hát này vào những năm 77 ấy quả là lạc điệu, và người ta cảm phổ biến. Lời ca như những cái gai nhọn đâm vào mắt những người ngồi trên chót vót của quyền uy, lời ca như cảnh tỉnh những người đang trong cơn lên đồng vì say men chiến thắng, nhưng nó chính là tiếng lòng của toàn dân. Từ năm 77 cho đến khi ông mất, Văn Cao không hề viết thêm một nốt nhạc nào, một dòng thơ nào. Ông uống rượu nhiều, nên hình ảnh ông mà tôi thấy trên một cuốn video dành riêng cho nhạc của ông, bên cạnh những ca sĩ măng tươi mơn mớn và là những giọng ca hàng đầu của thời điểm đó như Ánh Tuyết, Hồng Nhung, Văn Cao là một ông già rúm ró đến thảm hại. Mặc dù suốt đời tôi chưa bao giờ được nhìn thấy Văn Cao bằng xương bằng thịt, nhưng tự đáy thâm tâm tôi cảm thấy gần gũi với ông hơn nhạc sĩ Phạm Duy, người chỉ trừ ngụ cách tôi một hai bloc đường, và một năm đôi lần tôi gặp mặt trong những dịp sinh hoạt của tờ báo *Người Việt*. Tôi phải ghi chú ở đây một điều: Nếu so sánh những gì Phạm Duy và Văn Cao để lại cho đời, thì gia tài của Phạm Duy đồ sộ hơn, nhưng thái độ khệnh khệ kẻ cả của Phạm Duy đã đẩy tôi lùi xa ông ra. Về tài hoa thì chưa chắc ai hơn ai, nhưng Phạm Duy thì may mắn đủ điều so với Văn Cao.

Đám tang của Văn Cao được thu hình để cho vào cuốn video thứ hai của ông, mà ở đó tôi thấy những bài điệu văn bày tỏ lòng xót thương của loài cá sấu. Nào có hề chi, khi ông còn sống, chính những giọt nước mắt ấy đã từng đầy đọa ông, khiến cho ông sống không ra hình thái một con người, thế nhưng khi ông mẫn xuồng cũng lại chính những tên giả hình đó đến khóc mướn thương vay. Nhưng quan trọng hơn cả là bên cạnh và đằng sau xe tang, là một đoàn người dài lê thê, để chừng có tới hàng vạn người, chứng tỏ rằng khi nằm xuồng ông đã để lại cho đời lòng thương tiếc khôn nguôi. Nào có sá gì trăm vòng hoa giả trá, cùng ngàn lời ai điệu đái bôi.

Sau Văn Cao đến lượt Trần Dần nằm xuồng. Tôi nhớ lại lần đầu khi đọc *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, thái độ sống không khuất phục của Trần Dần khiến cho ông là người tôi cảm phục nhất. Ông sinh năm 1924, được kết nạp vào Đảng từ năm 1951, nhưng cũng sớm đánh mất niềm tin tưởng của ông vào Đảng cũng như của Đảng đối với ông, khi ông được điều về làm công tác viết báo cho Cục Quân huấn thuộc Trung ương. Không chịu nổi bầu không khí lúc nào cũng ngột ngạt, ông xin đổi ra mặt trận, tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Chứng kiến cảnh quân kháng chiến ào ạt tấn công vào thành lũy kiên cố của quân Pháp, cũng như cái chết thê thảm của họa sĩ Tô Ngọc Vân, ông viết tác phẩm *Người người lớp lớp*, và cũng nhờ tác phẩm này ông được Đảng tin nhiệm trở lại, cho đi tham quan Trung Quốc. Nhưng khi từ Trung Quốc trở về, ông đã cùng một số nhà văn khác gửi lên Trung ương một kiến nghị, yêu cầu hạn chế sự can dự của cán bộ chính trị vào văn nghệ.

Cũng đúng vào thời gian này Trần Dần tự tiện lấy vợ, bất chấp sự can thiệp của Đảng. Mặc dù là đảng viên nhưng bản chất nghệ sĩ đã khiến cho ông không chịu nổi luyến ái quan Mác-xít, nên thẳng tay từ chối nhiều lần Đảng xây dựng cho ông với các nữ đồng chí khác. Sau cùng ông đã xin ra khỏi Đảng để lấy cho kỳ được người thiếu nữ mà ông yêu quý. Việc đại đột nhất của ông là viết bài phê bình và đã kích tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, nhân vật cầm trịch và đứng ở hàng chót vót của giới văn nghệ miền Bắc. Thế là ông đã đụng đến cái vẫy ngược của thú dữ, nên bị bắt giam ở một nhà giam trên Việt Bắc, trong khi bà vợ trẻ đang bụng mang dạ chửa, mà toàn bộ gia đình bên vợ đã di cư vào Nam. Có thể nói Trần Dần mới chính là linh hồn của nhóm *Nhân văn*, ông đóng góp bài cho tất cả các số báo *Nhân văn*, với khá nhiều bút hiệu mà trong đó hai bài thơ quan trọng nhất là "Nhất định thắng" và "Hãy đi mãi", ký bằng tên thật của ông, khiến cho người đọc cảm nhận như đây không hẳn là thơ, mà là lời tuyên chiến của ông đối với bọn giả hình đang chễm trệ trên đầu quần chúng.

Vốn là kiện tướng của cả nhóm, trong cuốn *Ghi* của ông, người đọc thấy đủ những đáng cay

nghiệt ngã áp đến với ông trong thời gian bị kỷ luật. Từ hành xác, cho tới uy hiếp về tinh thần, ly gián ông với các bạn trong nhóm, khiến người nọ ngờ vực người kia. Đã có lần ông phần chí tự tử, nhưng sau khi được cứu sống ông đã cho biết ông phải sống để làm thơ ca tụng con người. Và quả là trong cuốn *Ghi*, người đọc đã nhận biết được ông đã sống như thế nào. Trần Dần không phải là loại người thúc thủ chịu đòn, ông nghiêng rằng chịu đựng những trận đòn thù, nhưng thỉnh thoảng cũng có những đòn phản công ngoạn mục. Ông không hề mất tinh thần vì bị vây đánh từ tứ phương tám hướng. Khi người ta muốn ông phải cúi gằm xuống để sống, ông ngược mặt lên chịu đựng, nhìn đời và sống như thể một con người.

Ông khác với Phùng Quán một điều: với Phùng Quán thì Đảng có thể tốt, chỉ có những người đảng viên xấu, làm hoen ố xã hội chủ nghĩa, trong khi đó Trần Dần nhìn Đảng Cộng sản nghiêm khắc hơn nhiều. Nếu nổi đau thể xác của cả hai tương đương, thì về mặt tinh thần Phùng Quán bị đau hơn một tầng, bởi ông còn một lòng tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội và con người cộng sản. Nổi đau của Phùng Quán là sự oan ức mà ông phải gánh chịu, chỉ vì muốn làm tốt cho Đảng, trong khi đó thì với Trần Dần, đã yên hẳn một bề. Chính vì vậy mà đám tang Trần Dần tuy có đông người tham dự, nhưng có thể nói rất nhiều người đi sau xe tang của ông là người của chế độ. Vừa để làm cảnh đẹp cho màn chót của một vở kịch đời, vừa để phản ứng khi hữu sự. Vài năm sau khi ông nằm xuống, những ghi chú của ông được nhà văn Phạm Thị Hoài biên tập lại và cuốn *Ghi* ra đời. Đây chính là một đòn phản công cuối cùng của ông, mà ở đó người đọc có thể thấy được toàn bộ một vở kịch, mà trước đó người ta chỉ nhìn thấy những góc độ rất nhỏ, qua chủ quan của mỗi cá nhân. Tất nhiên *Ghi* cũng có cái nhìn chủ quan riêng của Trần Dần, song ông ghi lại toàn bộ mọi sự kiện, trong khi các nhân vật khác trong vụ hoặc là né tránh, hoặc là sợ hãi quá mà không dám ngoáy đầu nhìn lại. Từ những sự kiện lớn tương đương với nhiều mạng người, cho đến những điều nhỏ li ti như cái kim, sợi chỉ đều được ông ghi lại với ngày tháng đầy đủ, bằng một giọng văn ngắn, gọn, sắc và lạnh. Ông cung ứng cho những thế hệ sau một cái nhìn toàn diện về bối cảnh, diễn tiến, hậu quả và ảnh hưởng của phong trào *Nhân văn*. Ông vẽ cho thế hệ sau bức tranh toàn cảnh của xã hội chủ nghĩa, với đầy đủ cái tính ác của xã hội này. Ông phơi bày cho mọi người thấy cái tâm địa, cái bản chất của những con người trong chế độ, kể cả chính mình.

Mới đây nhất là cái chết của ông Nguyễn Hữu Đang vào tháng 2.2007. Nào có gì đáng ghi lại cho cái chết của một ông lão chỉ thiếu 6 năm nữa là chẵn tròn trăm tuổi, nhất là khi còn sống ông không ở trong một chức vụ cao quý nào. Chẳng những thế ông còn tự ý bước ra khỏi hàng ngũ lãnh đạo, nhập thân vào một nhóm nhỏ chưa quá một trung đội, để mơ đội đá vá trời. Đối với Nguyễn Hữu Đang, tôi chỉ muốn ghi lại ông đã sống như thế nào kể từ khi trận bão *Nhân văn* bắt đầu nổi lên trên các mặt hồ ở Hà Nội.

Đối với một guồng máy tổ chức mà chức vụ "thủ kho" đôi khi to hơn "thủ trưởng", thì cái quá khứ Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền, Bộ Thanh niên, hay Thị trưởng đầu tiên của thành phố Hà Nội vào những năm 1945 thì ăn thua gì, hưởng hồ những chức vụ có tiếng mà không có miếng như Chủ tịch Hội Truyền bá Quốc ngữ, Trưởng ban Tổ chức Ngày Độc lập thì lại càng không đáng kể. Đã thế lại còn bị bắt bỏ tù 17 năm trời, bị quản chế ba năm, và sau đó là hai chục năm trời đối võ bao thuốc lá lấy cóc nhái, làm thức ăn, chui rúc lọ mọ nơi cái trái của một chuồng lợn ở vùng quê Thái Bình, thì ngay cả khi còn sống cũng không ăn thua gì hưởng hồ lại chết.

Vì vậy khi ông Nguyễn Hữu Đang mất, vài tờ báo in trong nước đưa tin chiếu lệ, nhưng không một tờ báo điện tử nào như *VietNamNet* có được vài dòng. Nhiều người cho rằng các báo điện tử của nhà nước không đưa tin, cốt để giấu người Việt hải ngoại được ngày nào

hay ngày ấy về cái chết của ông Nguyễn Hữu Đang. Tôi không nghĩ như vậy. Người cộng sản làm gì cũng có nguyên tắc, có chỉ thị. Chẳng thế mà triết gia Trần Đức Thảo, một nhân vật khác của *Nhân văn* khi sống cũng chẳng hơn ông Nguyễn Hữu Đang bao lắm, nhưng vì là triết gia nổi tiếng ở Pháp trước khi về Việt Nam vào đầu thập niên 50, nên vào lúc cuối đời ông Trần Đức Thảo được nước Pháp mời qua làm một bản nghiên cứu triết học gì đó. Ông chết ở bên Tây, tro cốt mang về Việt Nam cả hai tháng trời, để chờ quyết định là được để ở nghĩa trang Mai Dịch hay Văn Điển. Sống đã như ma xó, thì chết chôn ở đâu mà chẳng được.

Cũng cần ghi chú là trong thời gian chờ đợi gần hai tháng đó, hũ tro cốt của ông theo Phùng Quán cho biết, đã phải trả tiền thuê chỗ là năm ngàn đồng mỗi ngày. Trở lại với ông Nguyễn Hữu Đang, trong cuốn *Ba phút sự thật* của Phùng Quán, tôi đọc được một bài ký ghi lại chuyến đi thăm Nguyễn Hữu Đang của Phùng Quán, vào thời gian đầu thập niên 90, khi đó Nguyễn Hữu Đang đang ở Thái Bình, đã dời khỏi cái trái của chuồng lợn hợp tác xã, dọn về ở trong cái trái của nhà bếp tập thể của một ngôi trường tại đây. Phùng Quán được Nguyễn Hữu Đang đãi cơm với hai món đặc sản chả cóc băm viên, món thứ hai là chả nhái băm viên có mì chính. Nguyễn Hữu Đang cho biết mười mấy năm nay nhờ bồi dưỡng thường xuyên với hai món đặc sản này, mà lúc nào ông cũng khoẻ. Có khi còn khoẻ hơn Phùng Quán là người trẻ hơn ông hai chục tuổi chẵn.

Trong bài ký, Phùng Quán hỏi: “*Thế nhưng cóc nhái đâu ra mà anh bồi dưỡng thường xuyên như thế*”, rồi Nguyễn Hữu Đang trả lời: “*Phải biết huy động lực lượng quần chúng, tức là các cháu thiếu nhi. Biết các cháu ở đây thích chơi vỏ bao thuốc lá, mỗi lần lên thị xã Nam Định chơi, tôi nhật nhạnh về, đổi chác cho các cháu lấy cóc nhái. Cũng có tiêu chuẩn hẳn hoi. Một vỏ bao ba số, đổi 3 con cóc hoặc 5 con nhái... Mọi tháng tôi chỉ cần ba, bốn chục cái vỏ bao thuốc lá là thừa chất đạm, mà lại là loại đạm cao cấp...”. Thật là đau lòng cho "kinh tế" của một khối óc lớn.*

Để biết rõ về con người Nguyễn Hữu Đang, tôi ghi lại thật vắn tắt đôi dòng tiểu sử của ông. Ông sinh năm 1913, theo học sư phạm từ năm 1932-1936. Năm 1937 tham gia Mặt trận Dân chủ Đông Dương, 1938-1945 tham gia rồi làm Chủ tịch Hội Truyền bá Quốc ngữ, 1943 gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong đại hội Tân Trào 1945, khi thành lập chính phủ lâm thời ông được đề cử Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền, rồi Bộ Thanh niên. 1946-1954 Trưởng ban Tuyên truyền Tổng bộ Việt Minh. 1954-1958 Biên tập viên báo *Văn nghệ*. Cuối năm 1956 biên tập báo *Nhân văn*, cộng tác với các giai phẩm. Bị bắt giam năm 1958. Năm 1960 bị kết án 17 năm tù. Được trả tự do năm 1973. 1989 được phục hồi một phần hội tịch Hội Nhà văn. 1990 được hưởng lương hưu trí. Từ năm 1993 về sống tại Hà Nội.

Chẳng biết ông ăn lương hưu trí bậc mấy, chỉ biết rằng ông có một cuốn sổ tiết kiệm gửi tiền ở nhà băng, phòng xa những khi hữu dụng. Khi Phùng Cung muốn in một tập thơ, nhưng không có khả năng chi phí ấn loát, Nguyễn Hữu Đang đã đưa toàn bộ số tiền ông dành dụm trong nhiều năm trời cho Phùng Cung đi in thơ.

4.

Đọc xong tiểu sử của Nguyễn Hữu Đang, biết ông chưa bao giờ có vợ, rất nhiều lần tôi tự hỏi: Ông thương tiếc cõi đời chó má này làm chi mà sống dai thế. Sống một cuộc đời không ra dạng con người, mà lại chỉ có một mình một bóng, không có bổn phận trách nhiệm với ai, thì sao không tìm một lối đi thanh thản cho mình, như một giấc ngủ say. Ông có gì để tha thiết, tiếc nuối cuộc sống này? Mà nào có phải cuộc sống, nào có phải trần gian? Nơi ông trú ngụ chính là địa ngục, với ngạ quỷ trá hình người.

Mà không phải chỉ có một mình Nguyễn Hữu Đang sống dai, đa số những người dính líu tới *Nhân văn* đều khá thọ so với tuổi thọ trung bình của nước Việt. Ngoại trừ Phùng Quán mất sớm ở tuổi ngoài 60, theo thứ tự thời gian từ Phan Khôi, Trần Đức Thảo, Phùng Quán, Văn Cao, Trần Dần, Phùng Cung... ai nấy đều mất khi bước qua ngưỡng cửa bảy chục. Nguyễn Hữu Đang khi mất 94. Giờ đây còn lại ba người còn sống là Hoàng Cầm, Lê Đạt đều bước vào tuổi 80, và sau cùng Hữu Loan đã bước qua ngưỡng cửa chín chục. Tôi cứ băn khoăn mãi về sự sống dai của những người đã quá quen với đây ải, khổ đau này. Phải có một lý do nào đó để họ tồn tại bằng mọi giá?

Hiện nay những tên tuổi lớn của *Nhân văn* còn lại ba người là Hữu Loan, Hoàng Cầm và Lê Đạt. Tôi tự hỏi tại sao Giải thưởng Nhà nước lại phát cho bốn người mà trong đó hai người đã chết là Phùng Quán và Trần Dần? Tại sao không để cho người chết được yên nghỉ, bằng cách bớt đi hai giải cho người đã khuất, nhưng thêm một giải thưởng cho người còn sống là Hữu Loan. Qua thắc mắc này tôi nghĩ chắc Hữu Loan cũng được đề nghị nhưng từ chối.

Đúng vậy, Hữu Loan, tác giả bài thơ tình "Mầu tím hoa sim", một bài thơ mà bất cứ một người lính Việt Nam nào, cả Nam lẫn Bắc đều thuộc vài câu đó là một người có cái lưng thật thẳng. So với Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan nào có thua kém gì.

Theo "Hữu Loan tự phỏng vấn" được đăng tải trên talawas, ông sinh năm 1916, kém Nguyễn Hữu Đang ba tuổi, theo học Quốc ngữ rất sớm và đồng thời hoạt động cách mạng ngay từ thời còn là học sinh trung học từ năm 1936 cho tới 1942. Từ 1943-1945 ông về quê đi cày, đánh cá làm Việt Minh và khởi nghĩa ở ngay huyện nhà. Cũng trong năm ấy, trong Ủy ban Lâm thời Tỉnh, ông giữ chức Trưởng ty cho bốn ty gồm: giáo dục, thông tin, công chính và thương chính, để rồi chán lại về quê đi cày, đánh cá nuôi bố mẹ già. Năm 1954 khi Việt Minh về tiếp quản thủ đô Hà Nội, ông nhận được điện gọi ra làm biên tập viên báo *Văn nghệ*, được vào biên chế Hội Nhà văn, rồi tham gia *Nhân văn* rồi lại chán những điều trước mắt, về quê đi cày và đi thò từ năm 1958. Hiện nay vẫn cư ngụ ở quê nhà thuộc tỉnh Thanh Hoá. Ít nhất trong vài dòng tiểu sử do chính Hữu Loan cung cấp, người đọc bắt được hai lần ông chán, và mỗi lần chán là bỏ về quê đi cày, đánh cá, đi thò, mà lần sau kéo dài từ năm 1958 tới nay là gần một nửa thế kỷ.

Cũng vẫn trong bài tự phỏng vấn này, Hữu Loan tiết lộ một điều là ông tham gia Việt Minh, lần đầu bỏ về thì bố mẹ giận, lần thứ hai thì con cháu oán. Thậm chí con trai ông tên Cương, thi đại học thừa điểm đi nước ngoài, nhưng đến trường trong nước cũng không được học, mà người ta lại cho một tên Cường nào đó gần giống tên con ông được thay vào chỗ xuất ngoại của con ông. Con cháu oán trách, giận hờn vì những người hoạt động Việt Minh trong vùng quê ông đều là đàn em ông cả, đều đã từng được ông sắp đặt chức vụ, giờ đây ai nấy đều ăn sung mặc sướng, nhà lầu xe hơi. Chỉ riêng mình ông là cơ cực bần hàn, may mà chỉ bị kỷ luật sơ sơ chưa đến nỗi vào tù ra khám như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần.

Có một đứa cháu điên tiết đã rủa ông: "*Ông là ngu nhất, ông bảo ông mầu mực. Cái mầu mực ấy đem mà vắt cho chó nó ăn. Chả đứa nào nó thương ông. Ông tự làm khổ ông, rồi khổ lây sang con cháu*". Lúc đó Hữu Loan lại phải đầu dụ con cháu: "*Thôi tao van xin chúng mày, nếu mầu mực mà lại được ngay ô tô với nhà lầu, thì chúng tranh nhau chết để làm mầu mực, chứ chả đến phần tao...*".

Lần thứ hai Hữu Loan bỏ về nhà chính là sau khi học tập vì vụ *Nhân văn*, khi Nguyễn Hữu Đang bị tố là đầu sỏ phản động, các học viên xúm nhau lại làm kiến nghị lên Trung ương yêu cầu xử tội, thì Hữu Loan là người duy nhất đã ký vào bản kiến nghị với lời ghi chú như

sau: "Khi Nguyễn Hữu Đang hoạt động với tôi, tôi thấy Nguyễn Hữu Đang là người có tài có đức, tội trạng mới đây của Nguyễn Hữu Đang tôi chỉ tai nghe, mắt không thấy, nên không có kết luận - Ký tên Hữu Loan".

Trong bài tự phỏng vấn này, bà vợ ông còn cho biết: Lần cuối còn có hai anh cán bộ đến nhà vận động ông ở lại. Họ nói từ sáng đến trưa, ông nhà tôi cầm cái bút lên bẻ làm đôi, bảo: "Làm cán bộ, làm nhà văn khó lắm. Viết vừa lòng nhà nước thì dân chửi cho, viết vừa lòng dân thì có thể đi tù như chơi. Thôi tôi về đi cây".

Cứ như thế, suốt mấy chục năm trời nhà thơ Hữu Loan đi thồ đá, cùng với ba người con trai lớn, có khi phải thức dậy từ 3 giờ sáng, kéo ba chuyến xe cải tiến đá từ trên núi xuống, bán cho các thuyền buôn rồi các con mới ăn bát cơm độn để chạy bộ 7 cây số đi học. Cứ như thế hai vợ chồng nhà thơ nuôi đủ 10 người con từ năm 1958 cho tới nay, nghĩa là chỉ thiếu một năm là chẵn tròn nửa thế kỷ.

Sau cùng còn lại hai người là Hoàng Cầm và Lê Đạt, hai nhân vật đã mau mắn trả lời "nhận" giải thưởng của nhà nước, mà qua lời ông Đỗ Chu nào đó thì phần thưởng này dành cho những đóng góp văn học của *Nhân văn*.

Về Hoàng Cầm thì không một ai phủ nhận được tài năng và những đóng góp của ông với thi ca qua những bài thơ lừng danh như "Bên kia sông Đuống", "Đêm liên hoan.." trong thời kháng chiến, "Em bé lên sáu tuổi" (trong *Nhân văn-Giai phẩm*) và đặc biệt là những vở kịch thơ, do đó những đóng góp của ông xứng đáng để nhận một giải thưởng về văn học. Tôi không phải là người quá khích đòi hỏi mọi nhà văn, nhà thơ phải sống kiên cường, không khuất phục như Trần Dần. Do đó tôi cảm thông với những hành động của Hoàng Cầm, đã được Trần Dần ghi lại trong cuốn *Ghi*. Nhà văn, nhà thơ vốn là những con người yếu đuối nên sợ khổ, sợ tù, sợ chết, là chuyện bình thường. Hoàng Cầm không phải là Trần Dần, Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan... do đó không thể đòi hỏi ông hành xử như những tính danh vừa nêu trên. Đòi hỏi như thế thì cũng chẳng khác gì những người đã đầy đoạ *Nhân văn* trong nửa thế kỷ qua.

Với Lê Đạt thì khác. Nếu như giải thưởng nhà nước dành cho những đóng góp văn học, chúng ta thử kiểm điểm thành tích văn học của Lê Đạt. Trước tiên nếu những giá trị văn học ấy liên quan đến *Nhân văn-Giai phẩm*, thì đóng góp của Lê Đạt không có gì là đáng kể, ngoài bốn câu thơ mà cụ Phan Khôi đã dùng để dẫn vào cái truyện "Ông bình vôi". Suy luận của học giả Hoàng Văn Chí khi thực hiện cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* cho rằng bốn câu thơ này ám chỉ ông Hồ, càng già càng nhỏ lại, càng kém đi. Tôi cho cách suy luận này khá mơ hồ. Tôi không được đọc đủ nguyên bản các cuốn *Giai phẩm*, nhưng trong *Trăm hoa đua nở* của cụ Hoàng Văn Chí, thì hình như Lê Đạt chỉ đóng góp vắn vắn bốn câu thơ này, do đó trong phần mục lục của cuốn sách, không thấy một phần nào dành riêng cho các sáng tác của Lê Đạt. Ông đã trả giá cho bốn câu thơ này bằng nhiều năm đầy ải, nhưng bù lại ông cũng hưởng lộc khá nhiều do bốn câu thơ này. Nếu kể cả những sáng tác sau này của Lê Đạt, gồm một tập văn *Hèn đại nhân*, mà tôi đã viết bài giới thiệu vào khoảng giữa thập niên 90, khi còn giữ phụ trang văn học của tờ *Người Việt*. Tôi còn nhớ như in nội dung bài giới thiệu này, và cho là ông đã khéo sử dụng thủ pháp "ý tại ngôn ngoại" viết những mẩu chuyện về những nhân vật ngoại quốc, nhưng thật ra là để nói chuyện Việt Nam. Đó là một cuốn sách hay, nhưng đóng góp về văn học của nó thì không có gì là cao. Gần đây dư luận ồn ào lên với tập thơ *Bóng chữ* của Lê Đạt. Nhiều người cho là ông đang cách tân thơ, tôi không nghĩ như vậy. Về điểm này thì cả Trần Dần sau khi chống trả mãnh liệt với đời, về già cũng hay cổ võ việc làm cách tân thơ, nhưng có lẽ cả Trần Dần, Lê Đạt, cũng như Phùng Cung trong tập *Xem đêm* chưa có một thành tựu nào đáng kể trong ngôn ngữ thi ca mới, mà cả ba

đã nhiều lần thử nghiệm.

Sau cùng tôi quay trở lại với ông Đỗ Chu, thành viên của hội đồng giải thưởng chuyên ngành văn với lời phát biểu: "*Có thể đây là lời xin lỗi của nhà nước đối với các anh...*". Vậy thì *lỗi* đó là *lỗi* gì, cần phải nói thẳng ra.

Thật ra thì chẳng nói người ta cũng biết: *lỗi* đó là cách hành xử của nhà nước với *Nhân văn*, những người đại diện tượng nhà nước chủ trương "Trăm hoa đua nở - Trăm nhà đua tiếng" thật, tượng nhà nước chống tham ô lãng phí thật, chống tệ sùng bái cá nhân thật, nên đã hăm hở xông vào những nơi xú ối, những mong giúp nhà nước dọn sạch những nơi cần dọn. Nào ngờ không phải vậy. Khi mà cả nước nói dối, như ông Hà Sĩ Phu đã nói "*Nói dối là quốc sách*", thì càng hăng hái nói thật bao nhiêu, càng hăng hái dọn dẹp bao nhiêu thì càng nhiều tội bấy nhiêu. Đó là chưa kể những cái bẫy đã được những người sợ lung lay chỗ ngồi của mình, đào sẵn chờ các nhà văn sập hố. Để thường có cả trăm, ngàn cái bẫy trong cuốn *Ghi* của Trần Dần. Thế rồi để che đậy những lỗi lầm nhỏ, người ta mắc phải những lỗi lầm lớn hơn. Để làm mất đi những cái hố đã đào, người ta khoét to những cái hố đào sẵn.

Cứ lỗi to chùng lên lỗi nhỏ, cứ hố lớn phủ lên hố con, mãi rồi cũng có lúc thời thế đổi thay, và người ta phải một lần nhìn lại những biến cố đã đi vào lịch sử. Cách tuyên bố của ông Đỗ Chu giống như đánh bùn sang ao, sập xí sập ngầu cho qua chuyện. Miễn là có vài nhân vật thành danh của *Nhân văn* đứng ra nhận lãnh giải thưởng của nhà nước, là đã có thể xoa tay đóng lại một hồ sơ tồn đọng quá lâu.

Tôi ngờ rằng sau khi tuyên bố cời trói cho văn nghệ, cho phục hồi hội tịch nhà văn của những người can dự vào *Nhân văn-Giai phẩm*, các nhân vật như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Phùng Quán, Hữu Loan... đều được tiếp xúc về giải thưởng này, thế nhưng đã không đạt được một sự biểu đồng tình nào. Từ năm 1988 cho tới 2007 là 19 năm trường, trong 19 năm đó thời gian đã cướp đi khá nhiều khuôn mặt tiêu biểu của *Nhân văn*, một nhóm người không lấy gì làm nhiều nhân số. Theo thứ tự thời gian từ năm 1993, thần chết đã đến viếng Trần Đức Thảo, Phùng Quán, Văn Cao, Trần Dần, Phùng Cung và mới nhất vào đầu năm 2007 là Nguyễn Hữu Đang. Chỉ sau khi an táng Nguyễn Hữu Đang vài tuần ngắn ngủi, Hoàng Cầm và Lê Đạt có tên trong danh sách những người được giải thưởng nhà nước, khiến tôi ngờ rằng nhà nước đã không thể chờ đợi lâu hơn nữa. Chờ nữa thì có khi phải lên thiên đàng, hay xuống địa ngục để phát giải thưởng này, do đó phải đành phải hài lòng với hai người tuyên bố nhận giải thưởng này. Nếu nói như ông Đỗ Chu, coi như là lời xin lỗi của nhà nước đối với anh em *Nhân văn*, thì tại sao lại không phát giải này cho cả Hữu Loan, người mà tôi tin rằng sự đóng góp cho văn học ít nhất cũng bằng nếu không muốn nói là nhiều hơn Lê Đạt.

Nhiều người ở hải ngoại cho là dứt khoát phải từ chối, bớt quá khích hơn thì cho là chỉ nhận giải với một đồng danh dự, nhưng phải có một văn bản xin lỗi chính thức của nhà nước. Có người còn dè bủ chê bai ít, có bốn chục triệu chưa đầy ba ngàn đô chẳng bỏ bèn gì. Phải ba ngàn đô la ở nước Mỹ hiện nay chẳng làm được cái gì, không đủ tiền đặt cọc mua một cái xe mới, thế nhưng ở trong nước số tiền này là một gia tài không nhỏ, tương đương với bốn cây vàng. Và vì vậy tôi lại khâm phục Nguyễn Hữu Đang thêm một tầng nữa, khi toàn bộ gia tài của ông trong sổ tiết kiệm, công lao chắt chiu dành dụm bốn năm trời vốn vẹn được 4 triệu đồng (độ 250 đô la), ông đưa cả cho Phùng Cung để in thơ.

Tôi cho là Hoàng Cầm, Lê Đạt có thể nhận giải, dẫu cho giải chỉ là một, hai, năm, bảy triệu đồng, chứ đừng nói là tới 40 triệu đồng. Vẫn có thể nhận giải ngay cả khi nhà nước không chịu đưa ra một văn bản chính thức xin lỗi, với điều kiện là trong buổi lễ trao giải, dưới sự

chứng kiến của nhiều người trong và ngoài văn giới, và nếu được phát biểu sau khi nhận giải, phải nghiêm trang xác định với mọi người hiện diện, về lời xin lỗi không đúng cách và quá muộn màng của nhà nước. Nếu chỉ im lặng nhận giải, tươi cười chụp hình đăng báo, trả lời phỏng vấn một cách chung chung qua chuyện, thì có lẽ tôi cần ghi lại đây bài thơ đã làm cho cuộc đời Lê Đạt có quá nhiều chông gai và lăm đoạn trường. Bởi vì bài thơ đó không chỉ đúng với ông Hồ, mà đúng với mọi người kể cả tác giả của nó là Lê Đạt:

"Những kiếp người sống lâu trăm tuổi

Y như một cái bình vỡ

Càng sống càng tối

Càng sống càng bé lại"

Viết tới đây thì tôi có thể hiểu tại sao những người như Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Trần Dần và cả Hoàng Cầm, Lê Đạt có nhiều sức sống mãnh liệt đến như vậy. Với một đất nước như Việt Nam trong giai đoạn lịch sử vừa qua, họ sống không phải chỉ là sống, mà để làm nhân chứng kể cả vật chứng cho những điều ác đang khổng chế cái thiện. Họ càng sống dai, thì cái lỗi càng lộ lộ. Họ càng tiêu tụy đau thương, thì rồi mới có ngày mọi người phải nhìn thấy cái ác và điều quấy.

Nếu quả đúng như thế thì tôi cầu chúc cho Hữu Loan sống lâu trăm tuổi. Năm nay ông đã 91. Cách ông tự phỏng vấn, rồi tự trả lời cho biết ông còn rất minh mẫn, và nhìn trong hình ông còn khỏe lắm. Trong tình hình này chín năm nữa mọi sự phải rõ ràng, không thể mập mờ đánh lộn con đen, như cách ông Đỗ Chu xin lỗi những người dính líu tới *Nhân văn*.

Phụ đính:

Cổng Trời Cẩn Tỷ Kiều Duy Vĩnh

Tôi sờ đĩ sống đến hôm nay là vì tôi không phải là người Thiên Chúa Giáo. Nếu tôi mà đeo Thánh giá ở ngực và biết câu Kinh thì tôi phải chết đã lâu rồi, từ những năm 60 của thế kỷ này, khi còn đi tù đây ở Cổng Trời kia.

Ngày ấy tuy qua mà như còn đây...

(Chí Thiện)

Chúng tôi được tập trung ở Hỏa Lò Hà Nội từ khắp mọi miền đất Bắc, từ vĩ tuyến 17 trở ra: Vĩnh Linh, Quảng Bình, Nghệ Tĩnh, Thanh Hóa, Mỏ Chén, Bát Bạt, Sơn La, Yên Bái, Lao Kay.

Tay xích còng số 8, hai người một.

Hàng đầu: Cha Vinh (địa phận Hà Nội) người bị kết án có 18 tháng tù thôi thế mà hóa ra án tử hình. Cha Quế, địa phận Xã Đoài, Nghệ An. Thứ đến là Nguyễn Hữu Đang, người cầm đầu Nhân Văn Giai Phẩm. Tu sĩ Đỗ Bá Lung, tu sĩ xứ Ngọc Đồng Hưng Yên (nay là Hải Hưng), khét tiếng chống Cộng Sản (1). Tiếp sau đó là một lũ tù đây, đầu trần trán khỉ, hôi hám rách rưới, chống bướng, cứng đầu cứng cổ không chịu sự cải tạo của Đảng và Chính phủ, bọn "dám bẻ que chống trời..."

Chúng tôi lên xe đi. Súng ống bao quanh. Đi đâu?

Không ai ai biết cả. Cả những người cầm súng, cũng không biết. Có lẽ chỉ có một người biết. Người đó xách cặp đen đựng danh sách tù nhân, mặt mũi tử tế, ăn mặc dân sự chỉnh tề, đi trên chiếc commăng ca dẫn đường.

Chỉ biết là chúng tôi đi lên hướng Bắc. Ngày đó đường xá đầy ổ gà ổ voi, xe đi chậm. Mãi trưa chúng tôi mới tới Vĩnh Yên. Nghỉ lại ăn cơm trưa.

Tôi ngồi gần Nguyễn Hữu Đang, thấy người xách cặp đen đi qua để "kiểm tù" nói năng lễ độ tử tế, nhẹ nhàng.

"Anh Đang, anh có khỏe không?"

"Vâng, tôi khỏe"

Hai người nhìn nhau thông cảm

"Anh có yêu cầu điều gì không?"

"Không. Cám ơn."

Người đó lặng lẽ đi tiếp.

Chúng tôi lại tiếp tục đi lên phía Bắc. Đến Đoan Hùng. Lúc đó chưa có cầu. Chúng tôi phải xuống xe chờ phà. Để tránh sự chú ý: họ lừa chúng tôi vào sâu trong ngõ cạnh đường, ở đó có một trường học. Có lẽ cấp hai. Các em học sinh và các thầy cô giáo tò mò ra xem lũ tù đầy. Họ chỉ trò xì xào, hỏi han.

Nguyễn Hữu Đang hỏi:

"Các cháu có biết nhân vật lịch sử Cao Bá Quát không?"

Qua phà chúng tôi đến Tuyên Quang ngủ lại trại giam Tuyên Quang. Lệnh: Không được cời xích tay. Qua một đêm không thể nào mà ngủ được. Thằng muốn đi ỉa đi đái, phải đánh thức thằng tù đang ngủ dậy.

5 giờ dậy đi tiếp.

Kiểm sổ tù lần cuối vẫn là ông xách cái cặp đen tử tế. Ông ta tỏ vẻ rất biệt đãi đối với anh Đang, làm tôi nghĩ đến chuyện "Chữ người tử tù" của Nguyễn Tuân trong Vang Bóng Một Thời."

Đến Hà Giang, sau khi ăn cơm trưa, chúng tôi đi tiếp vào một con đường mới mở, hẹp và cheo leo. Mọi người nhìn nhau:

"Đi mô?"

Mấy ông Nghệ Tĩnh hỏi nhau.

"Có lẽ sang Tàu."

Anh Đang bảo: "Lên Cổng Trời Cẩn Tỷ."

Xe đi chậm vì đường quá xấu. Thế rồi cũng qua được hết, qua đèo Quyết Tiến như là đi máy bay, qua rừng, qua suối, qua mây, và rồi màn đêm buông xuống, chúng tôi đi trong đêm. Tôi vốn là một sĩ quan rất giỏi về Topo, cố định hướng xem mình đi về đâu, hướng nào và đã đi bao xa, nhưng lúc đó cũng chịu. Độ 2 giờ sáng đến một địa điểm đèn đuốc sáng choang.

Lệnh xuống xe.

Chúng tôi bị lừa vào một khu rừng, và vào một cái nhà có tường dày 0.80 mét bằng đất nện, cửa lim, trong nền nhà mọc đầy cây nghệ, lá xách om mướt mà. Cửa khóa lại. Không có đèn đóm gì. Tay hai người vẫn bị xích lại với nhau. Mỗi nhà nhận độ 20 người. Sờ soạn sắp xếp và ngủ tiếp.

Sáng hôm sau, cửa mở, đem toàn bộ đồ dùng ra sân. Khám xét. Lọc lợi. Tất cả cái gì bằng kim loại, thánh giá, tràng hạt, kể cả cái thìa nhôm cũng bị tịch thu lấy đi.

Xong, đọc tên phân loại.

Khu O. Khu H. Khu A. Khu B. Khu C. Khi đi và lúc đọc tên tôi nhắm: có 72 người. Phần lớn là già, đứng tuổi và 99 phần trăm là Thiên Chúa Giáo.

Cha Vinh, cha Quế được gọi đi trước, đi về khu O. Nguyễn Hữu Đang vào khu C. Tôi và tu sĩ Đỗ Bá Lung vào khu A. Khu A có hai nhà. Nhà tôi ở có: - Đình Hiền Lương, tu sĩ dòng tu ép xác Châu Sơn, Ninh Bình, Đức cha Lê Hữu Từ trước khi làm Giám mục Phát Diệm đã tu ở đó. - Nguyễn Trung Chính, tức Nhắm, tu sĩ xứ Trung Đồng, Thái Bình. Nguyễn Văn Khánh

Sơn, giáo dân đeo kính cận người Nghệ Tĩnh. - Cố Hoàng: giáo dân Đức Thọ, Hà Tĩnh, có hai người sinh đôi là Song, Toàn để phân biệt với - Tu sĩ Hoàng cũng Nghệ An. - Lưu Nam phụ trách thanh niên Công Giáo địa phận Xã Đoài. - Tu sĩ Bình, địa phận Thái Bình. - Tu sĩ Đỗ Bá Lung xứ Ngọc Đồng, Hưng Yên. - Trần Văn Liệu, giáo dân làm nghề đồ tể ở Cầu Giát, Quỳnh Lưu. V.v...

Nhà rất rộng, có 2 sạp nằm đối đầu nhau. Chúng tôi là tù chính trị nên đều hết sức tử tế nhường nhịn nhau, ai nằm đâu thì nằm không hề tranh dành cãi cọ.

Xếp đồ đạc xong, đã đến giờ làm việc thiêng liêng, ai nấy đều cầu kinh và làm dấu thánh. Riêng tôi, có mỗi một mình tôi, không biết cầu, không thuộc kinh bản gì ráo trội nên tôi bèn nghĩ tới cái trò Yoga mà tôi đã đọc ở đâu đó. Những năm của thập kỷ 60 người ta ít biết và ít nói về cái trò đó. Tôi ngồi thờ và sau đó Trần Văn Liệu hỏi tôi "Được mấy cân hơi rồi." Ngày đầu tiên ở Cổng Trời Cẩn Tỷ chấm hết ở đó.

Sáng ngày thứ hai, mọi người dậy sớm. Cứ ngồi mà nhìn nhau. Không có nước để đánh răng rửa mặt. Tám giờ, chín giờ rồi mười giờ. Vẫn im ắng như không. Các đấng bậc tu sĩ lại cầu kinh. Tôi lại luyện yoga.

Hai cái thùng đựng phân và nước tiểu bằng gỗ đều đầy cả. Nước đái tràn cả ra ngoài.

Mãi đến 11 giờ, có tiếng gọi: "Lấy cơm."

Có hai tên tù hình sự ở trại ngoài khênh cơm đến để ở cửa rồi chạy biến. Cấm được nhìn, được hỏi, được tiếp xúc trao đổi cái gì. Bọn kiên giam, biệt giam là cực kỳ nguy hiểm, chúng giết người không gớm tay, bọn ăn gan uống máu đồng bào.

Nhưng thật sự, nhìn kỹ thì: - Đinh Hiền Lương dòng tu ép xác Châu Sơn xanh lướt như một cái bóng. Các tu sĩ đều vậy cả. - Cố Hoàng thì chỉ có hát là cao giọng thôi, chứ đi đứng thì lầy bầy. - Khánh Sơn thì mù dờ. Nếu ăn gan uống máu đồng bào được thì may ra có tôi và Trần Văn Liệu. Nhưng sau những năm tháng tù đầy ở dưới đồng bằng, bị đói, bị khát bị quần cho đến tơi người bản thân tôi, nắm tay không chặt thì còn làm gì được nữa. Đã rất nhiều lần tôi thử sức, nắm thật chặt để nắm tay mình trở thành quả đấm, nhưng không bao giờ thành, bàn tay tôi không bao giờ có thể nắm chặt lại để thành nắm đấm cả. Thực trạng là như vậy đấy. Nhưng chắc là có lệnh nghiêm mật, giám thị, quản giáo và lính coi tù họ đối xử với chúng tôi cực kỳ tàn bạo và hà khắc.

Điều cuối cùng họ phải thi hành nghiêm chỉnh là làm cách nào giết hết được chúng tôi. Và họ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đó: 72 người còn lại độ chừng 11 người. Tôi dám nói con số đó chính xác đến 99%.

Năm đó là năm 1961. Chúng giết anh em ta ở khu O, khu H, và khu A. Những lò thiêu xác (khổng lồ hay nhỏ nhoi?) không có khói và không cần chất đốt.

Chúng giết anh em ta

Bằng chiều cao của núi

Bằng chiều sâu của đất

Bằng thông cáo của nha khí tượng.

Cứ âm O độ là gọi đi xà lim. Xà lim là một cái quan tài bằng đất dày một mét, cùm rặng cá sấu cấn chân không bao giờ được mở, và bỏ đói cho đến chết. Tiếng gọi của thần chết đột ngột, bất thần, không lý do và khỏi cần giải thích. Lưu Nam, chuẩn bị đi. Khánh Sơn chuẩn bị đi. Đinh Hiền Lương, chuẩn bị đi. Cứ thế lần lượt ra đi và không ai trở lại.

Những năm tháng ấy, tôi nghĩ thấy cái chết gần gũi quá. Lần đầu tiên trong đời, qua những năm chinh chiến, qua những cuộc hành quân chiến dịch, tôi đi trong cảnh máu chảy đầu rơi, chân tay vung vãi, khói lửa mù trời, tiếng đại bác bắn dồn dập, mặt đất rung chuyển, máy bay rít sát trên đầu, tiếng xích sắt của xe tăng nghiền sàn sạt sát sừn, cả khi người vệ sĩ của tôi chạy cạnh tôi trong chiến đấu, bị nguyên một băng tiểu liên quét trúng, ngã trong

cánh tay tôi, người đầy máu thêu thào: "Em chết, trung úy ạ..." cả những lúc ấy tôi vẫn chưa cảm thấy mùi Thần Chết.

Nhưng ở đây, Cổng Trời Cán Tỷ, những năm 60, tôi nghĩ thấy và cảm thấy nó rất gần. Lặng lẽ, lặng lẽ nó tiến đến. Không thể nào cản nổi. Một cặp lỗ hồng vô cảm của đôi mắt, một tiếng gọi tên, vài cái lưới lê chĩa vào... Thế là ra đi, thế là chết.

Một người ra khỏi cửa, những người còn lại nhìn nhau chờ đợi. Không ai nói với ai điều gì. Chúng tôi ăn cơm hai bữa một ngày, chín giờ sáng và ba giờ chiều. Ăn xong ngồi nhìn nhau. Chờ.

Các đảng bậc tu sĩ rất ít nói, nhất là Đinh Hiền Lương, dòng tu ép xác Châu Sơn. Trong Đinh Hiền Lương tôi nhớ đến Đức Giám Mục Lê Hữu Từ địa phận Phát Diệm: khô, gầy, mặt đầy nếp nhăn khắc khổ. Tuy còn trẻ hơn nhưng tu sĩ Lương cũng gầy giống vậy, chỉ có nước da trắng xanh hơn vì ở xà lim suốt. Tuy ông mặc áo tù, nhưng trước mắt tôi vẫn cứ hiện lên hình ảnh của Giám mục Lê Hữu Từ, người ngồi đó lặng lẽ ôn tồn nhẹ nhàng để đi đến cái chết.

Ở với ông lâu, nhưng tôi chưa được nghe một câu chuyện nào do ông kể, vì ông chỉ nói mỗi ngày có vài tiếng thật cần thiết để tồn tại. Còn thì im lặng suốt. Cái im ắng của ông, tỏa ra chung quanh, đè xuống mọi người.

Trong cái nhà mồ đó, có tôi và Trần Văn Liệu (Cầu Giát Nghệ An) vốn ăn to nói lớn thế mà lúc ông làm việc thiêng liêng, tôi, nhất là Liệu đến phải khấp nép, và im lặng. Đúng là một cái nhà mồ. Những người ở trong cái nhà mồ ấy chết gần hết, chỉ còn lại tôi, và hình như Liệu nữa.

Nhà tù của chúng tôi không có tên, hoặc là có thì đây: 65HE Bộ Công An, hay Công trường 75A Hà Nội. Những người Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình đi thăm, hỏi Công an địa phương, họ cho cái địa chỉ đó. Có người ngây thơ nghĩ rằng, người thân của mình được ra làm Công trường ở Hà Nội. Họ ùa đi tìm và không bao giờ thấy cả.

Vậy nó ở đâu?

Ở thị xã Hà Giang đi lên, qua đèo Quyết Tiến đến Cổng Trời là gần biên giới Việt Trung chỗ có thể chưa được phân định rõ ràng, có thể là đất Tàu có thể là đất ta, một thung lũng không có tên, không có dân, chỉ có tù và người coi tù. Mặt đất đầy nghệ. Rừng nghệ. Tù lầy lá nghệ mọc trong gầm giường ăn thay rau chống đói. Không biết mình ở đâu? Không định được tọa độ trên bản đồ. Hàng rào cao kín mít, con chim không bay qua, con chuột to chui không lọt.

Sang đến năm 1963, thì tù phá đá ở ngay trong sân trại xây tường bao quanh. Tường cao như tường Hỏa Lò Hà Nội. Có dây kẽm gai, có điện truyền vào dây kẽm gai. Nghĩa là cực kỳ kiên cố. Không ai có thể trốn thoát được. Không một ai cả. Chế độ kiểm soát tù nhân cực kỳ nghiêm mật. Không một mảnh giấy lọt vào. Không một cái gì có thể gạch hoặc viết được ra chữ tồn tại trong tù. Không báo chí, thư từ. Tù nhân cấm không được viết thư và nhận thư.

Nói khó ai tin: Cuộc chiến tranh với Mỹ xảy ra năm 1964 ở miền Bắc không một ai trong nhà tù biết cả. Chỉ thấy có một hiện tượng là những bức tường rào bao quanh được nguy trang và các mái nhà được che phủ. Thế thôi. Không ai đoán ra được cái gì. Mãi cho đến năm 1967, tôi được đưa về trại Phú Sơn Thái Nguyên. Trên đường đi từ Hà Giang về tôi gặp quân Tàu nhập Việt trùng trùng điệp điệp kéo đi. Lúc ấy tôi mới biết là có chiến tranh.

Cực giới. Những người CS cực giới trong quản lý nhà tù, cũng như trong cái trò bung tai, bịt mắt quần chúng nhân dân.

Một bức màn sắt đúng nghĩa.

Đây là nhà tù, chứ không phải là nhà thờ. Vậy cấm cầu kinh, cấm lạy tràng hạt, cấm làm dấu thánh. Cấm được ngồi trong đêm; vì không ai nằm mà cầu kinh cả.

Vậy nên cửa sổ nhà tù lúc nào cũng phải mở, mây bay vào qua cửa sổ mang cái lạnh chết người vào theo.

Cái màn cho tù, là một cái quan tài bằng vải. Quy định màn chỉ được cao 40cm để nếu tù có ngồi ban đêm cầu kinh thì nhô cái đầu lên, lính canh đi tuần có thể kiểm soát được, quần giáo đi tuần có thể nhìn thấy. Vậy cái màn dài 1m8 và cao 40cm, thì đúng là một cái quan tài bằng vải số liệm người sống rồi còn gì.

Cứ từng bước một, Ban giám thị trại thi hành chính sách diệt tôn giáo, cụ thể là diệt Thiên Chúa giáo. Vì ở Công Trời tôi chưa hề gặp một nhà sư hoặc một Phật tử nào. Chỉ gặp các linh mục và các tu sĩ Thiên Chúa Giáo mà thôi. Có lẽ ở miền Bắc Việt Nam thời ấy không còn đạo Phật đúng nghĩa của nó. Trong cái nhà mồ đó, có một tôi là người là không theo đạo Thiên Chúa, nhưng tôi không phải là Phật tử. Tôi không thờ Phật, không tin vào Niết Bàn và Thích Ca Mâu Ni tuy tôi rất thích câu kệ:

*Nhạn liệng từng không
Bóng in mặt nước
Nhạn không có lòng ghi dấu
Nước không có ý lưu hình*

Với tôi, tất cả sư mô ở Bắc Kỳ đều là sư hổ mang, học trường Đại Học Tôn Giáo, tu theo nghĩa vụ, như nghĩa vụ quân sự, hết ba năm ra khỏi chùa về nhà lấy vợ đẻ con. Thế cả. Và tôi cũng nghĩ sai về các tu sĩ Thiên Chúa Giáo như thế. Nhưng tôi đã thật sự gặp các vị thánh tử vì đạo. Các vị thánh tử vì đạo bằng xương bằng thịt sống cạnh tôi nhiều năm, mà tôi vẫn coi thường, nhưng cái chết của họ đã làm tôi phải nghĩ khác đi. Tôi vốn xa lạ với các tên Phêrô, Phaolô và Mađôlen. Nhưng cái tên Đỗ Bá Lung thì cho đến hết đời tôi không thể nào quên được. Tu sĩ Đỗ Bá Lung người lù khù nhưng tử tế, hiền lành, củ mủ như một nông dân chân chính của đồng bằng Bắc Bộ. Chả là ông tu ở xứ đạo Ngọc Đồng, Hưng Yên mà. Ông chưa được phong linh mục cũng như ông Diệu ở Thụy Phương Hà Nội, ông Chính (Nhằm) ở Trung Đông Thái Bình. Ông chả kể về ông mấy khi.

Trong cái nhà mồ đó chỉ có thầy Chính là có kể cho tôi nghe đôi điều về quê hương Thái Thụy của người, và về xứ đạo ven biển Trung Đông mà thôi. Thêm nữa có nhà trí thức xứ Nghệ Khánh Sơn với đôi kính cận dày cộm, ra cái điều học nhiều biết rộng, thiên kinh vạn quyển, cổ kim, Âu Á, hay nói với tôi về Phúc Âm, về Thánh Thomas d'Aquin. Tôi nghe ù ù cạc cạc như vịt nghe sấm. Tôi vốn không có đức tin và vốn coi thường cái học vẩn hẹp hòi của các vị đó thường giới hạn đến hết sân Nhà Thờ, nên tôi chỉ nghe chơi cho qua ngày đoạn tháng, cho qua cái thời gian dài dằng dặc khổ nạn ở trong cái nhà mồ mà thôi.

Tôi ít lưu tâm đến vấn đề tôn giáo. Cũng như tu sĩ Đinh Hiền Lương, tu sĩ Lung cứ lững thững đi lại, chậm rãi, lặng lẽ tới lui, ông có nhiều lời hơn bậc tu ép xác dòng Châu Sơn một chút, nghĩa là đôi lúc ông có nói với tôi về Phố Nối và con đường 39 về xứ Ngọc Đồng nơi ông tu.

Vùng của ông, tôi có hành quân qua nên cũng có đôi chút kỷ niệm, và lại trời cũng phú cho tôi một trí nhớ tốt, cho đến tận bây giờ, sau gần 50 năm trôi qua, mà tôi vẫn nhớ rõ tên; tên chữ cũng như tên nôm của các làng vùng đó như: Duyên Trang Duyên tục là Tuộc, Lác; Hải An là Hối; Phù Lưu là Đọ (ngã ba Đọ); Đông Năm là Đông Các; Thượng Tâm là Tim; Cổ Hội là Gọ (cầu Gọ); Cầu Sắt là Nha Xuyên... Cho nên tôi và ông thỉnh thoảng có ôn lại các địa danh Lực Điền, Trương Xá, Kim Động, đốc Lã, rồi đến nhãn Hưng Yên, thang cuốn Phố Hiến, dưa hấu Đình Cao, Phù Cừ và cả về việc chỉ huy sở của khu chiến chiếm Chung viện Hưng Yên.

Về ông tôi biết hời hợt thế thôi. Nhưng có một điều ông như thế mà bị đẩy lên đây vào khu 2A này thì chắc ở trong còn tiềm ẩn một điều gì sâu sắc lắm, cao đạo lắm, quyết liệt lắm mà tôi chưa hiểu nổi đấy thôi.

Như trên tôi đã nói: những người ở trong nhà mồ cứ lần lượt bị gọi đi. Luôn luôn lặng lẽ và đột ngột. Nhưng thời gian xảy ra câu chuyện này hơi có sự thay đổi:

Người giám thị cũ của trại giam tên là Nhân chuyển về làm Cục phó Cục quản lý trại giam vì thành tích xuất sắc của mình, thay vào đó là giám thị Nguyễn Quang Sáng, trẻ hơn, người Nam Hà. Nói qua một chút về giám thị Nhân. Trước khi lên đây, giám thị Nhân coi trại Yên Bái, trại này cũng vào hạn khá đặc biệt, khi chưa có Cổng Trời. Năm 1954, trại này nhốt tướng De Castries người chỉ huy Điện Biên Phủ. Sau đó là những địa chủ cường hào đại gian đại ác có nợ máu, những tên phản động nguy hiểm từ trong Nam ra, từ khu Tư lên, tập trung ở đó, rồi sau đó chọn lọc đem lên Cổng Trời.

Giám thị Nhân người Nghệ An, trông gầy (tôi có được gọi lên gặp hai lần) và khô, mặt tai tái lạnh lùng, đúng típ người coi trại giam, rét cắt ruột vẫn đi đôi dép lốp cao su, mà ngón chân út của bàn chân cấu ghét nứt nẻ bao giờ cũng thò ra ngoài kẹp lấy nó để đi cho chắc.

Rất đúng tác phong quần chúng xuất thân từ nông dân lao động:

*Những bàn chân từ than bụi lầy bùn.
Đã bước dưới mặt trời cách mạng...
Những bàn chân đã vùng dậy đập đầu
Lũ chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp
(Tố Hữu)*

Đúng thế, những bàn chân ấy đã dẫm lên xác không biết bao nhiêu người ở các trại giam khác và bây giờ đây lại tiếp tục làm nhiệm vụ của nó: dẫm lên xác những kẻ ở nhà mồ Cổng Trời này.

Có điều giám thị Nhân dẫm lên xác một cách nhẹ nhàng và im ắng. Còn giám thị mới Nguyễn Quang Sáng thì dẫm lên xác ầm ĩ hơn, trang trọng hơn, bài bản hơn. Ấu cũng là cách làm khác nhau của họ. Đổi mới mà.

Hôm ấy, rét làm đông nước. Ở mái nhà nước đóng thành băng. Sáng ra, nhìn qua cửa sổ ra sân trại, khói bốc nghi ngút trên mặt đất. Như mọi ngày, chúng tôi tiến hành mọi việc như thường lệ. Với chúng tôi: Stalin chết, Malenkóp chết, John Kennedy bị bắn, Ngô Đình Diệm chết, Kroutchov bị hạ bệ, chả có gì quan trọng cả.

Giám thị Nhân đã từng tuyên bố vào mặt chúng tôi:

"Cái sống chết của các anh ở trong tay chúng tôi. Đừng có mơ tưởng hão huyền gì. Cho dù có động trời, động đất xảy ra, thì trước khi chuyện đó đến với các anh, nó phải tới cái trại đặc biệt này. Nghe cho rõ mà nhớ lấy. Trước khi mọi điều vin vông, vin tưởng mà các anh mong đợi xảy ra, thì các anh đã không còn ở cõi đời này nữa, các anh đã là những cái xác chết rồi."

Chúng tôi nghe và cũng hiểu đúng như vậy. Cho nên, động đất, chiến tranh ai chết. Mặc. Chúng tôi cứ lặng lẽ, lặng lẽ tồn tại. Chỉ tồn tại thôi chứ không phải là sống. Làm một sinh vật trên trái đất này ai chả tham sống sợ chết. Tôi phải nói lại ngay, ấy là nói với riêng tôi thôi, chứ còn các vị thánh tử vì đạo thì điều ấy hình như không đúng đâu.

Cố Hoàng đôi lúc cao giọng:

*Ở nơi lưu đày
Dù gươm chém hay đầu rơi
Lòng vàng đá không hề phai
Dù gươm chém hay đầu rơi...
(Cha Vinh)*

Các đảng bậc ấy chả sợ, chả phàn nàn điều gì. Chả bù với tôi, luôn miệng kêu: "Chao ôi đôi quá! Chao ôi rét quá! Chao ôi khổ quá! Chao ôi..." Được cái tôi chỉ kêu lên thế thôi, cho nó

thoát ra ngoài một chút thể rồi thôi, chẳng mong gì uất khí làm cho đầu trắng xóa như thái tử Đan ở nước Tàu xưa kia, vì tôi cũng đã biết:

*Gémir, crier, pleuer
est également lâche*

Và tôi nghiến răng lại để không bao giờ làm kẻ hèn nhát. Dù không được mười phần như các đảng bặc quanh tôi, tôi cũng cố đạt mức trung bình.

Buổi sáng hôm ấy, chín giờ, mọi người chúng tôi ăn cơm xong, ngồi chơi, nhìn nhau, thì cửa mở. Một tiểu đội lính lười lê tuốt trần súng ống chỉnh tề. Đủ mặt bá quan của Khu A2. Quản giáo Trực, giáo dục, Phó giám thị phụ trách khu. Tất cả đều đội mũ bình thiên, l phục chỉnh chu. Cuối cùng, giám thị mới xuất hiện. Còn trẻ, nhanh nhẹn mặt mũi sáng sủa, ăn nói lưu loát, sang sảng, dứt khoát, có âm sắc Nam Hà (có điều cho mãi đến tận bây giờ tôi vẫn chưa hiểu nổi, là tại sao trong chuỗi ngôn từ chính quy, nhân danh pháp luật mà giám thị mới lại xen vào đó một số từ mà người ta chỉ dùng để nói láo với nhau mà thôi).

Bài nói như sau:

"Hôm nay, tôi Nguyễn Quang Sáng. Chánh giám thị mới của trại, thông báo để các anh rõ. Trại Cống Trời, Công Trường 25A Hà Nội này là một trại đặc biệt. Trại đã sàng lọc cẩn thận lũ các anh, bọn đầu trâu trán khỉ, bọn phản động chống phá cách mạng một cách điên cuồng, ở các trại dưới các anh không chịu cải tạo, lại còn ra sức truyền đạo và kích động người khác. Chúng tôi đây, chúng tôi cũng được chọn lọc, những phần tử ưu tú nhất, dày dặn nhất, kinh nghiệm nhất để lên đây trừng trị, trấn áp lũ các anh. Tôi thay mặt cho Ban giám thị báo cho các anh biết:

Ban giám thị trại Cống Trời trực tiếp được Bộ Chính Trị và Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội trao cho quyền hành đặc biệt: Trừng trị thẳng tay những kẻ nào còn dám chống lại Đảng và Nhà nước. Cụ thể, tôi nhấn mạnh, là tôi sẽ cho đi ngủ với dun (nguyên văn) những kẻ nào không chịu cải tạo và cố tình chống đối lại.

Hôm nay tôi xuống đây để hỏi: Anh Đỗ Bá Lung."

Im lặng.

"Tôi hỏi: anh Đỗ Bá Lung có nghe thấy không?"

Có tiếng đáp nhỏ nhẹ: "Có tôi."

"Đứng dậy. Tôi bảo anh đứng dậy."

Vì buồng giam chật, không có chỗ cho chúng tôi đứng, nên chúng tôi đều ngồi xổm hoặc xếp chân vòng tròn trên giường chỗ gần cửa ra vào. Chỉ có giám thị, quản giáo là có chỗ đứng ngay cửa mà thôi. Tu sĩ Đỗ Bá Lung từ từ đứng dậy.

Trời rét âm bốn độ, nên trong lúc ngồi nghe chúng tôi ai nấy đều quàng chăn cho khỏi rét.

"Bỏ chăn ra."

Tu sĩ Lung tuột chăn khỏi vai cho rơi xuống chân mình.

"Anh Đỗ Bá Lung, hôm nay, sau khi đọc hồ sơ của anh, cùng các nhận xét của các ban giám thị các trại dưới, và được các ông quản giáo báo cáo lại, thấy rằng: Anh là một tên phản cách mạng cực kỳ nguy hiểm, đã đội lốt thầy tu mê hoặc các giáo dân ở các xứ đạo, kích động họ để họ chống lại Đảng và Chính phủ.

"Đến khi bị bắt vào tù, ở các trại dưới cũng như ở đây, anh vô cùng ngoan cố kháng kháng không chịu cải tạo, từ chối mọi sự giáo dục của Ban giám thị và các ông quản giáo. Tôi nói lại một lần nữa cho anh Đỗ Bá Lung và các anh nghe cho rõ. Kẻ nào còn dám chống lại tôi sẽ cho đi ngủ với dun.

"Anh Lung, trước đây lúc nào anh cũng vỗ ngực tuyên bố trước giáo dân và các ban giám thị ở các trại dưới là anh thề không đội trời chung với Cộng sản. [Chính xác thì Tu sĩ Lung nói:

Tôi không bao giờ có thể sống chung với Cộng Sản vô thần được].Bây giờ trước mặt tôi anh có còn dám trắng trợn thách thức như thế nữa không?"

Im lặng trên toàn bộ nhà mồ. Tôi ngồi im một xó, khép kín cái chăn, sụp cái mũ bịt tai lại, tránh mọi cặp mắt.

Giám thị Sáng cao giọng hát hàm:

"Tôi hỏi anh Lung, anh trả lời cho tôi biết. Thế nào?"

Những phút giây này Thần Chết đã có mặt. Người ta thường viết như thế này về những người Cộng sản trước khi chết: Vào những phút giây này người Cộng Sản kiên cường bao giờ cũng đứng dậy hô to: "Đảng Cộng Sản muôn năm. Hồ chủ tịch muôn năm." Phút giây thiêng anh đứng dậy ba lần và hô ba lần hô đồng dục như thế.

Tôi chờ. Tôi chờ. Và thấy tu sĩ Đỗ Bá Lung ngẩng đầu:

"Tôi có nói như thế và bây giờ tôi vẫn nói như thế."

Tiếng quát bật ra giận dữ:

"Lôi nó đi."

Không để ai phải lôi kéo cả.

Tu sĩ Lung từ từ bước ra khỏi giường. Đi ra cửa.

Hàng lưới lê dãn ra. Quán giáo, giám thị dãn ra để cho tu sĩ đi. Đến gần cửa tu sĩ quay lại, móc túi lấy gói thuốc lào, mấy đồng bạc "âm phủ" trao lại cho người ngồi gần. Vì tôi nằm cạnh tu sĩ, nên tu sĩ quay lại phía tôi: "Anh Vĩnh, tôi còn mấy viên thuốc cảm, và cái gối để ở đầu giường, lấy mà dùng."

Và hướng vào tất cả mọi người trong nhà mồ, tu sĩ nói nhỏ nhẹ:

"Thôi chào các bác, các anh ở lại. Tôi đi."

Và tu sĩ đi. Cửa sập lại.

Chúng tôi im lặng ngồi nhìn nhau không ai nói với ai một lời. Thần Chết đến và đã đi. Lần này âm ỉ hơn, có nghi ỉ hơn, có bài bản hơn những lần trước.

Gần ba tháng sau, Nguyễn Hữu Đàng, "tên cầm đầu bọn Nhân Văn Giai Phẩm" đến gần cửa sổ khu tôi ở. Anh là người độc nhất ở đây được đưa cơm vào xà lim, được đi lại tự do trong bốn bức tường, anh là người được ăn no, đủ muối mắm, thậm chí được mua cả thịt trâu và được hái hoa rừng cài vào cửa sổ. Có lần anh cầm một bó hoa nghệ và bảo tôi: Này Vĩnh, cậu ngửi mà xem có đúng mùi nước hoa Bain de Champagne không.

Tôi vốn không ưa cái mùi ung ửng của thứ nước hoa thượng hảo hạng đó. Nhưng anh Nguyễn Hữu Đàng thì anh rất thích cái mùi nước hoa Bain de Champagne đó. Lại có lần qua cửa sổ vào buổi sáng sớm, anh dúm cho tôi một cái bánh sắn to có nhân thịt trâu.

Chao ôi là chao ôi.

Thình thoảng lúc vắng quản giáo và lính canh anh đứng cạnh cửa sổ nói với tôi dăm ba câu chuyện tào lao. Anh được thả lỏng, được ưu đãi có lẽ do cái người cấp cái cặp đen hôm đưa đoàn tù lên. Anh bảo với tôi rằng ông ta tên là Vệ, hình như làm Cục Phó Cục Quản Lý trại giam. Hồi xưa trước năm 1945, khi anh làm Tổng thư ký Hội Truyền bá Quốc ngữ với cụ Nguyễn Văn Tố, anh có làm ơn cho ông ta một điều gì đó. Đến giờ ông ta tử tế đáp ỉ lại. Chắc là thế.

Anh luôn bảo, anh không có tội gì cả. Nếu có -- theo anh -- thì đó chỉ là một sự hiểu lầm về thời gian và không gian trong triết học mà thôi. Anh nói ám ớ lửng lơ và khó hiểu như vậy. Ba tháng sau, lúc đưa cơm xà lim xong anh đáo qua cửa sổ tôi và bảo:

"Này, cái lão Lung ấy mà. Vẫn chưa chết. Sống dai thế. Không có chăn, không có quần áo ấm để chống rét cơ thể mọc đầy lông cậu ạ. Chỉ còn đôi mắt là vẫn sáng vẫn sống thôi."

Nhưng mà sống mãi làm sao cho được nổi với chế độ hà khắc giết người đó. Tu sĩ Lung phải chết. Người ta đóng các cửa sổ lại để không ai nhìn thấy chiếc chiếu gói xác khênh đi qua. Mỗi lần chôn, có hai tù hình sự ở trại ngoài vào, đem theo một chiếc chiếu, đòn khiêng

và dây thừng. Thường hay chôn vào buổi chiều tà. Chôn xong họ được bồi dưỡng một cân đường, hai cân gạo nếp. Cha Quế và Cha Vinh chết, thì đâu như phần chôn còn được thêm một cân lòng trâu.

Thế là với chúng tôi, tu sĩ Đỗ Bá Lung xứ Ngọc Đông Hưng Yên không bao giờ về nữa. Người đã chết, và coi như mọi chuyện đã hết. Nhưng câu chuyện lại chưa chấm dứt ở đây ở lúc đem tu sĩ Lung đi chôn.

Ở đoạn trên, chúng ta đã biết là Tu sĩ Đỗ Bá Lung đã vào Hàm Chết ba tháng mà vẫn chưa chết. Chánh giám thị Nguyễn Quang Sáng rất sốt ruột, luôn luôn hỏi anh Nguyễn Hữu Đàng, người cầm đầu Nhân Văn Giai Phẩm, người đọc nhất được đưa cơm vào xà lim:

"Thế nào, nó chết chưa? Cái thằng Lung ấy."

"Thưa ông, anh ấy chưa chết."

Nguyễn Hữu Đàng có cái đáng quý là anh không gọi ai ở trong tù bằng thằng cả. Trong khi bọn trật tự viên hình sự luôn luôn nói theo giọng quan thầy, ông chủ chúng đều gọi tù nhân bằng thằng này thằng nọ.

Tôi có một anh bạn rất thân tên là Sâm. Khi hỏi cung tôi, cán bộ công an hỏi:

"Anh thấy thằng Sâm nó thế nào?"

"Thưa ông, tôi không quen thằng Sâm nào cả?"

"Anh láo, anh chối hả? Thằng Sâm mà anh không quen thì anh còn quen ai nữa?"

"Thưa ông, nếu ông nói về anh Đỗ Văn Sâm học cùng với tôi ở trường Chu Văn An thì tôi quen rất thân. Nhưng xin ông nhớ cho là anh ấy chưa bị bắt, ông không nên gọi thằng này thằng nọ như thế."

Tôi chỉ dám trả lời lại có thể thôi, nhưng còn anh bạn Phan Hữu Văn, thì anh ấy trả lời hay hơn tôi nhiều:

"Thưa ông, tôi tưởng ông nói tới thằng Vĩnh lưu manh, mà cà bông ở cùng trại 13 với tôi thì thật tình tôi không bao giờ biết tới quân ăn cắp ấy cả. Nhưng tôi có quen ông Kiều Duy Vĩnh, học sinh trường Chu Văn An cũ, nguyên Đại úy Tiểu khu trường Ninh Giang. Chúng tôi không dùng những từ thằng này thằng nọ mà tao mi tớ bao giờ. Chỉ có bọn vô học, vô văn hóa, vô giáo dục thì mới dùng những từ đó mà thôi."

Tên công an tím mặt lại, đuổi về trại đi cùm.

Lại nói về tu sĩ Đỗ Bá Lung, hết tháng thứ ba ông chưa chết, nhưng sang đến tháng thứ tư vào dịp gần đến lễ Thiên Chúa Giáng Sinh ở Cổng Trời đôi lúc không độ, nước đóng băng thì tu sĩ Lung chết.

Nguyễn Hữu Đàng vội vã báo cáo với Trục trại là tu sĩ Lung đã chết.

Ngày buổi chiều hôm đó, mọi cửa sổ nhà giam đều bị đóng kín lại, có hai người tù hình sự ở trại ngoài đem đòn, dây thừng và một chiếc chiếu vào khênh đi chôn. Họ chôn xong, về lĩnh mỗi người một cân đường và một cân gạo nếp. Đâu như những lần chôn cất cha Vinh cha Quế họ được thêm mỗi người một ký lòng trâu.

Đối với chúng tôi thì là Tu sĩ Đỗ Bá Lung đã chết, đã đem chôn. Người chết hết chuyện. Thế nhưng trường hợp của Tu sĩ Lung lại không hết chuyện. Thế mới phiền.

Cũng chừng độ ba tháng sau, một ngày nắng vàng rực rỡ, trời ấm áp dễ chịu, người ta thấy, lù lù một tu sĩ Đỗ Bá Lung chống gậy xuất hiện ở trại Cổng Trời.

Thế là náo loạn cả lên. Từ Ban Giám thị trại, đến lính coi tù, đến tù nhân đều tới lui, bàn ra tán vào, ri rầm nhón nhác. Cửa sổ các trại lại đóng như khi ông chết mang đi chôn. Họ đưa ông vào ở tạm một cái buồng con chỗ cán bộ giáo dục "lục vấn" người tù. Chứ chả lẽ lại đưa ông vào Hàm Chết lần nữa! Hóa ra là hồi ba tháng trước ông chưa chết hẳn, hoặc là ông đã chết mà một phép lạ đã làm ông sống lại. Câu chuyện xảy ra như sau:

Sắp đến chỗ chôn thì trời đổ mưa to, hai người tù hình sự tránh mưa, để ông nằm đó chạy vào trú mưa ở nhà một người Mèo, họ vào đây uống rượu chờ tạnh mưa. Mưa hồi lâu, và rượu hơi ngon nên trời chập choạng tối họ mới lần xuống, thì không thấy bó chiếu đâu nữa. Họ nghĩ có lẽ thú dữ, hoặc chó sói đã tha cái xác ấy đi rồi. Có sao đâu, khỏi phải chôn. Họ về và cũng chả có ai hỏi là họ chôn xong chưa? Mọi lần vẫn thế. Mặc nhiên coi như đã chôn xong. Hóa ra là khi họ đang uống rượu thì mưa to hơn lại có sấm chớp nữa làm tu sĩ Đỗ Bá Lung tỉnh lại, dây buộc thì lỏng lẻo, ông chui ra khỏi cái chiếu, lấy cái chiếu che mưa lần vào cái chuồng trâu gần đó. Hơi ẩm của trâu, của phân trâu làm ông hồi tỉnh lại và sáng hôm sau, chủ nhà người Mèo nấu cháo ngô cho ông ăn và nuôi ông. Thế là ông sống lại. Ông sống lại một cách khỏe mạnh. Người Mèo cho ông ăn no so với sáu ký gạo cộng với sắn trong một tháng thì cháo ngô đã làm ông hồi phục nhanh chóng.

Nhưng làm sao mà sống mãi ở nhà họ được? Mà trốn trại thì trốn về đâu? Và làm sao mà trốn thoát được. Giấy tờ không, tiền không, với 100km đường rừng, 300km đường bộ, ông đi làm sao được. Chỉ có một con đường độc nhất xuống núi thì bị kiểm soát thật ngặt nghèo, ông làm sao đi thoát. Vậy chi bằng quay trở lại trại Cổng Trời là hơn cả.

Thế là ông quay về trại sáng hôm đó.

Nhưng phiền là Ban giám thị trại đã báo cáo về Bộ cái thành tích tiêu diệt tên phản động đội lốt thầy tu Đỗ Bá Lung rồi, và trên Bộ đã gạch xóa tên Lung trong danh sách tù ở Cổng Trời rồi. Làm sao bây giờ? Phải có phương án nào chứ.

Hai hôm sau, có một xe com-măng-ca của Bộ lên trại Cổng Trời. Ông Đỗ Bá Lung lên chiếc xe đó. Ông đi đâu? Và sẽ ra sao? Cho đến giờ chúng tôi cũng không biết gì hơn về tu sĩ Đỗ Bá Lung, người đã chết và đã sống lại đó.

Ba đào

Nam Dao

Kính Viếng Nguyễn Hữu Đang

Qua hè, Hà Nội vẫn chưa hết ngơ ngác với những trận gió đông, nhưng Bắc Kinh đã sang mùa. Mao vừa tung ra phong trào " trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng". Sự việc hạ bệ Stalin độc đoán khiến cán cân công lý lệch về phía có tự do. Và nhất là phía pháp luật công minh, không thể cứ nhân danh chuyên chính vô sản để khép tội bất cứ ai, rồi đẩy đi đày ở những trại tập trung cải tạo. Cải Cách Ruộng Đất đợt năm chững lại. Gió đã căng, dây nói ra. Mềm thì nắn, rắn phải buông. Khi cần, những kẻ nắm quyền lực nghĩ đến chuyện kéo cờ xuống trong tinh thần trường kỳ mai phục đợi thời cơ. Mềm đã nắn rồi, nắn khiến tiếng ca thán khắp nơi nổi lên. Cán bộ bị đánh trong chính đốn gửi đơn về khiếu nại. Đấu tranh cho giai cấp nông dân mà nông dân nổi loạn thì sao? Rắn, phải buông thôi! Nguyễn Hữu Đang bảo, nhưng người buông thì ta nắm lấy cái cán cờ ta có thể nắm được. Lê Đạt, thường trực báo Văn Nghệ, đồng ý. Báo phải hoàn toàn do tư nhân. Lo từ giấy in, mực in. Trần Thiếu Bảo chủ nhà in Minh Đức đứng ra đảm nhiệm. Khi làm công tác nội thành trước Tổng Khởi Nghĩa, Đang có nhiều quan hệ với đủ giới. Việc phải chạy, chạy được, không khó. Bông hoa Giai Phẩm Mùa Xuân nở lại vào đầu hè, mang phấn son tươi tắn sau một lần gió dập mưa sa, tỏa ra hương bí ẩn của thứ quả cấm đến tay. Người ta chuyền tay nhau Giai Phẩm Mùa Xuân xưa bị cấm đoán thu hồi. Nay, dân Thủ Đô đọc cho nhau nghe, " ... tôi vẫn đi, không thấy phố, không thấy nhà. Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ".

Bắt đầu có những cuộc học tập về vấn đề dân chủ. Người ta đổi giọng, phê phán văn nghệ giáo điều, văn nghệ công thức. Nguyễn Hữu Đang đọc một bài tham luận về những sai lầm của lãnh đạo văn nghệ. Bài tham luận nẩy lửa. Lửa lém vào những con chữ khiến chúng nhảy múa, không có ro như khi còn gió mùa đông ulla vào các trang giấy. Sinh viên đại học

rục rịch. Người thềm thờ quỳên góp cả tiền mang đến nhà in tạo điều kiện cho trăm nhà đua tiếng. Tháng sáu, biến động ở Ba Lan, nơi gió xoay chiều hữu khuynh. Những người nắm quyền lực ở Hà Nội tức tốc tuyên bố hoàn thành Cải Cách Ruộng Đất. Nhưng nhận có sai, nên sẽ sửa sai. Hội Nghị X của Trung Ương Đảng Lao Động Việt Nam sẽ kiểm điểm những sai lầm của Cải Cách Ruộng Đất.

Từ một bụng mẹ, đứa em Giai Phẩm Mùa Xuân mang tên Giai Phẩm Mùa Thu số một ra đời, với cái tát choáng mặt của bài " Phê bình lãnh đạo Văn Nghệ" ký tên Phan Khôi. Nguyễn Hữu Đang tập hợp được không chỉ văn nghệ sĩ mà còn những trí thức khoa bảng. Ngày 15 tháng 9, Nhân Văn số một ra đời. Phan Khôi là chủ nhiệm với một ban biên tập gồm Đang, Trần Duy, Lê Đạt, Hoàng Cầm. Cầm viết " Con người Trần Dần", đòi tiến đến việc xét xử lại một vụ án Văn Học. Nguyễn Sáng, họa sĩ, vẽ một Trần Dần có vết sẹo ở cổ. Lê Đạt bồi vào " Nhân câu chuyện những người tự tử". Ngày 2 tháng 10, ban thường vụ Hội Văn Nghệ Việt Nam ra thông cáo thừa nhận sai lầm trong việc phê bình " Nhất định thắng" của Trần Dần. Một tuần sau, Giai Phẩm Mùa Xuân tái bản. Rồi tuần sau đó, Giai Phẩm Mùa Thu số hai mở mắt chào bình minh một buổi sang mùa.

Cải Cách Ruộng Đất khiến nông dân ca thán, làng mạc khắp nơi âm ỉ thứ lửa chỉ một que diêm bật lên là thành đám cháy. Cán bộ ở cơ sở bị bắt bị giết trong Chính Đồn Tổ Chức kêu oan đến Trung Ương. Đảng họp Mặt Trận. Nguyễn Mạnh Tường đọc báo cáo trong Mặt Trận Tổ Quốc đề nghị một xã hội dựa trên cơ sở pháp trị, tòa án xử theo pháp lý chứ không chỉ đáp ứng nhu cầu chính trị thống soái nhân danh nền chuyên chính vô sản. Trần Đức Thảo bàn về khái niệm dân chủ xã hội, Đào Duy Anh trả lời phỏng vấn trên vấn đề mở rộng tự do và dân chủ...Đại Hội Trung ương lần thứ 10 họp trong một không khí hoảng loạn. Lửa còn âm ỉ, cứu là dội nước, và dội có liều lượng. Trường Chinh mất chức Tổng Bí Thư, nhưng thành chủ tịch Quốc Hội. Hoàng Quốc Việt và Lê Văn Lương ra khỏi bộ Chính Trị, nhưng kẻ được chỉ định phụ trách Công Đoàn, người trở thành Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Ông Hồ giữ trách nhiệm Tổng Bí Thư, và Lê Duẩn được cử làm Bí Thư thứ nhất trong bộ Chính Trị. Cuộc sắp đặt lại nhân sự hé mở những cánh cửa hứa hẹn chút nắng mới. Nắng chập chững đầu ô khi Võ Nguyên Giáp công khai nhận những sai lầm trước nhân dân vào tháng 10 năm 1956.

Nhận công tác báo chí và văn hóa ở Thành Ủy, Chính được phân một căn hộ khu Cửa Bắc. Chiều chiều, thả bộ quanh quần khu Ngũ Xã ven chợ Châu Long, Chính hồi tưởng lại những ngày chiến đấu giữ Thủ Đô mười năm trước. Số người xưa Chính quen biết nay tứ tán cũng nhiều. Có kẻ di cư vào Nam. Có người về quê quán vì sinh nhai trong thành phố nay mỗi ngày một khó. Nơi Chính hay sà vào là một cái quán trông ra hồ Trúc Bạch. Chủ quán là anh chị Thìn, con hai đứa, đứa lớn lên bảy, đứa nhỏ còn phải ẵm. Anh Thìn vốn là thợ mộc, xung vào tự vệ chiến đấu, sau tản cư thì về phục vụ một đơn vị địa phương trên Sơn Tây cho đến ngày hòa bình lập lại. Anh nhìn chị, vừa cười vừa kể :

- Em nói bác đừng cười, nhà em nó nhà quê nhà mùa, không đuổi thàng Tây thì còn khuya mới được ra tỉnh. Ấy, em bị Tây càn, chạy dạt xuống từ Bất Bạt, du kích dẫn về ẩn vào những gia đình cơ sở, và thế là em gặp nhà em... Kể thì đúng có duyên có số cả. Tây đến càn nên phải giấu con gái, các cụ đẩy nhà em vào hầm bí mật, mà lại chỉ có mình em... hà hà...

Chị Thìn đỏ mặt, quay đi nói như dỗi :

- Ôi thôi, cứ mang ra kể mãi mà không biết xấu!

Cười hèn hèn, anh Thìn oang oang :

- Bác đây xưa chỉ huy chúng tớ, chứ có bạ ai lạ đâu mà sợ! Đấy, nhà em nó xuống là chui tọt ngay vào lòng em...

- Nói bậy! Cái hầm nó bé bằng tí...

- Ủ thì bé... Trên đầu giầy sáng đá nó dận còm cộp, bác ạ! Lát sau thì yên, và thế là... Thế là về sau em có dịp lại thỉnh thoảng ghé về, cho đến khi... nhà em chữa thẳng bé đầu lòng. Em xin cưới, ông bà cụ bên nhà em thì phải cho dứt đi rồi. Nhưng đơn vị em kỷ luật em... Ôi chà, gớm lắm, cứ kiểm thảo đi kiểm thảo lại. Cuối cùng, em tự phê, em là con chó. Lại chó dói. Dói tình đấy... hà hà...

Chính không nhin được, bật cười :

- Dói cho đến ngày hòa bình lập lại, rồi mới thêm được con bé đang ẵm kia, phải không?

Thìn gật, lại ê a :

- Dạ... nhưng chẳng suôn sẻ thế đâu! Phải xuất ngũ đã. Ông bà cụ bên nhà em có tí ruộng "thành phần" nên phải lên Hà Nội mua cái nhà này, đến "sửa sai" xong thì mới lại trở về quê! Đấy - nhìn vợ đang lườm mình, Thìn nheo mắt - em lấy vợ vất vả thế đấy, bác ạ! Thìn lại cười, với điệu cày chằm đóm, rít sòng sọc. Qua làn khói xanh um, hồ Trúc Bạch chao đảo như say thuốc Lào chỉ chực ngã xuống. Chính chợt buồn. Vất vả thế, nhưng Thìn có đôi có lứa, con cái ở bên. Còn mình, Huyền bây giờ xa lắc xa lơ. Con hai đứa, một theo mẹ. Đứa kia, phải ở với bà, bố đẻ ra mà không dám nhận con. Nghĩ đến đấy, Chính cảm thấy mình hèn hạ. Tham gia Cách Mạng hơn hai mươi năm qua, có bao giờ mình chùn lòng trước khó khăn nguy hiểm đâu? Từ ngày đánh chiếm Nam Đàn tới khởi nghĩa Yên Bái, rồi thời gian hoạt động nội thành cho đến khi chiến đấu bảo vệ Thủ Đô, sau trong Kháng Chiến thì bôn ba hết chiến khu III đến chiến khu IV, mình nào sợ gì dẫu thực dân Pháp có quân đội, có súng ống? Thế mà bây giờ, phải nhận là mình sợ. Sợ gì chính mình không hẳn rõ, nhưng cái sợ làm mình co rút dần và nay biến ra một thứ ốc đảo. Cứ thế mình ngậm miệng, im lặng thành cách đối trá với đồng loại, riết rồi đối trá với cả chính mình lúc nào không hay.

Thìn lên tiếng mời ở lại dùng cơm. Từ chối, Chính đứng dậy kiếu vợ chồng Thìn. Chàng đạp xe trên con đê Yên Phụ, bỏ lại sau lưng Hà Nội, nhưng không sao dứt khỏi trí óc câu hỏi, này Chính ơi, sao mi lại hèn hạ đến thế? Mi sợ, nhưng sợ gì? Chính nhớ lời cha dặn ngày xưa "...nam nhi thì con ạ, uy vũ bất năng khuất. Làm việc nước phải dụng Trí, trên căn bản chữ Nhân, nhưng đừng quên chữ Dũng. Thiếu Dũng, sẽ chẳng thành người!". Đúng thế, cứ sợ, mi sẽ không thành người được.

Vũ Đình Huỳnh lấy tay nhấn mạnh vào bụng, mặt nhăn nhó, không nói gì. Đồng chí lái xe bóp còi rẽ sang phố Trần Hưng Đạo. Chiếc xe Jeep chở Vương Thừa Vũ đi thẳng. Vũ ngoái cổ, giơ tay vẫy, miệng nhếch lên cười. Huỳnh khẽ rên, nhưng kìm lại.

- Anh lên cơn đau bụng à? Chính hỏi

Huỳnh gật. Tưởng về thẳng nhà, bất ngờ Huỳnh nói đồng chí lái xe chạy thẳng lại Phủ Chủ tịch. Tay vẫn ôm bụng, Huỳnh bảo đợi, rồi bước thấp bước cao, chống gậy đi thẳng vào. Khi ra, Huỳnh cau có, nét mặt không vui. Rủ Chính về ăn cơm tối, Huỳnh bảo, cậu độc thân đi đâu mà chẳng được. Bước vào nhà, Chính đã thấy Đặng Kim Giang và Nguyễn Hữu Đang. Giang nắm cánh tay trái của Chính, vồn vã :

- Phục hồi được bao nhiêu phần trăm?

- Mười, mười lăm gì đó! Nếu tai qua mà nạn không tới may ra phục hồi được độ sáu mươi phần trăm!

Thấy mọi người ngạc nhiên nhìn mình, Chính giải thích :

- Ấy, tai là bom Tây, còn nạn là tôi bị một cậu đội trưởng đội Cải Cách xã quật cho một hèo...

- ???

- ...mình về quê, nghe là mẹ bị qui địa chủ. Nhưng vừa về đến nơi thì bị chộp ngay. Không muốn nói gì thêm, Chính nói lảng - chuyện tôi thì cũng giống chuyện Vương Thừa Vũ trưa nay, không có anh Huỳnh thì chẳng biết chuyện gì sẽ xảy ra!

Huỳnh kể, sáng nay tình cờ một cán bộ trẻ sở Văn Hóa từ Thanh Hóa về kể việc một chiếc xe Jeep bị dân quân chặn lại bắt, trói giật cánh khuỷu một thiếu tướng mặc quân phục lẫn đồng chí lái xe và đồng chí hậu cần. Anh cán bộ này vốn là Tự Vệ Thành ngày xưa, nhận ra Vương Thừa Vũ, vội báo cho Chính. Hoàng hôn, Chính lập tức điện thoại cho Huỳnh, người trách nhiệm Đại Đoàn Cải Cách ven đô. Thế là hai người đi thẳng ra Hà Đông, “giải cứu” cho vị tướng vừa được phong là Anh hùng Quân Đội sau chiến dịch Điện Biên Phủ. Huỳnh tiếp :

- Trăm chuyện thì cũng vì cái nghị quyết chỉnh đốn tổ chức. Nhân đó, lộng lên cứ muốn làm gì thì làm. Mặt lại nhăn, Huỳnh tiếp - mình vào gặp Ông Cự, hỏi người ta đang giết đồng chí mình mà Bác ngồi yên được sao?

Đang chen vào :

- Thế Ông Cự nói thế nào?

Không đáp câu hỏi, Huỳnh bực bội :

- Nói thì chỉnh đốn tổ chức cấp Xã, sau leo lên Huyện và không cản lại ngay thì rồi sẽ Tỉnh, sẽ Trung Ương...

Giọng mỉa mai, Đang dậm ngang :

- Thì Ông Cự bảo, tổ chức cũ là tổ kén không nên dựa vào mà!

Giang vẫn ở trong quân đội, nay đã thăng Thiếu Tướng, từ tốn :

- Quả là sau Tổng Khởi nghĩa chỉ độ hai ba tháng, khi những Ủy Ban hành chính thường là những người đã được vận động đi đánh cướp kho gạo của Nhật thì ... khó kiểm soát thật.

Dân nhiều nơi bị các vị này sách nhiễu, từng ca thán...

- Anh đúng nếu đó là tình hình cuối năm 45, đầu 46. Khi Kháng Chiến Toàn Quốc năm 47, ta rút vào bí mật. Ở những vùng tề - ngụy thì đám lao đao “dinh tề” nhiều, chỉ cán bộ trung kiên mới trụ lại. Đó là cái bây giờ người ta gọi là “tổ chức cũ”!

Đang chép miệng, tiếp :

- Tôi không nói ai cũng tốt, nhưng cứ đổ đồng ra mà đánh toàn bộ thì không tránh được đánh oan. Rồi chẳng biết thế nào mà hô chủ trương “sai còn hơn sót”! Nhưng tránh sót một, mà sai thì sai bao nhiêu? Nhất là những kẻ được đi đánh đều là loại mới kết nạp. Các anh biết đấy, rẽ rồi chuối ở nông thôn bây giờ là đại đa số đảng viên. Có nơi thi đua đấu tố kết hợp với “thi đua kết nạp”. Địa chủ, phải “nóng” lên cho đủ năm phần trăm, thì kết nạp tất cũng năm phần trăm đảng viên. Có vùng những kẻ “lên” đảng làm lễ tạ ơn gia tiên, bắt cả làng đóng góp liên hoan, mổ trâu mổ lợn...

Huỳnh lại nhăn mặt, tay chặn vào bụng. Chị Huỳnh nhỏ nhẹ hỏi chồng :

- Lại đau à! Anh uống thuốc không?

Lắc đầu, Huỳnh xua tay, gượng cười, nói với bạn bè :

- Cái gan tôi ấy mà! Nó hành từ cả tháng nay...

Đang châm chọc :

- A cái thời gan không còn, mật cũng mất!

- Anh là chúa khiêu khích. Coi chừng, Huỳnh lại cười, có kẻ gọi anh là *agent provocateur* đi khiêu khích đấy!

Thật thà, Giang dặn :

- Ừ... anh Huỳnh không nói đùa đâu. Khéo mà vạ miệng!

Bấy giờ, nhìn đám đồng chí xưa đã hoạt động nội thành thời cướp chính quyền, Đang nghiêm trang :

- Sắp tới, anh em trong báo Văn Nghệ nơi tôi công tác xì xào là cũng sẽ có đấu tố. Hiện, đã bí mật “diễn tập” từ khi thu hồi Giai Phẩm Mùa Xuân. Anh Chính nay về sở Văn Hóa, anh có biết gì hơn không?

Chính cẩn thận :

- Tôi cũng nghe, nhưng chuyện đấu tố thì chưa! Tôi biết, Trung Ương bảo phải uốn nắn, thế thôi... Quay qua Huỳnh và Giang, Chính hỏi, các anh đọc Giai Phẩm Mùa Xuân chưa?

Giang gật, lo lắng :

- Đẩu tổ là đẩu tổ thế nào? Có phải Cải Cách Ruộng Đất đâu...
- Thì Cải Cách cái đầu. Đầu bùn có khác gì ruộng đất - Đang lại đâm ngang - Các anh biết chuyện Hồ Phong bên Trung Quốc năm ngoái chứ?
Huỳnh lắc đầu.
- Hồ Phong công khai tự phê. Mấy tháng sau, bị bắt đi lao cải...
Chị Huỳnh trước cùng hoạt động với chồng, nay công tác phụ nữ, xen vào, giọng có chút trách móc :
- Thôi, các anh ơi... Một đồn mười, mười đồn trăm, là rồi cứ rối tinh lên. Mới tiếp quản có già một năm, chấp chừng là đương nhiên, sai đâu sửa đấy!
Chính bật cười :
- Nhưng chị ạ, dân người ta có câu hỏi, sai đấy sửa đâu, thì trả lời thế nào hả chị!

Ba ngày trước, Đang giúi vào tay Chính một sấp giấy pơ-luya, dặn, cậu đọc đi rồi cho tôi ý kiến, tôi sẽ ghé nhà cậu. Truyện kể Kim Bông, một con ngựa chiến về già kéo xe trong phủ Chúa, tui phạt tôi đòi, xin ra chạy thi với những con ngựa non, đứt ruột mà chết trong cái thế "cao đầu phong vĩ". Chính đọc xong, ngờ ngẩn một buổi, đi đến đâu cũng như Kim Bông, nhìn "những cảnh vật trước mắt đều nhỏ lại, và thẳng tắp", và "...cây cỏ, núi đồi cho đến màu giới xanh cũng chỉ là một đường thẳng".

Khi có tiếng gọi cửa, Chính ra mở, ngạc nhiên khi thấy Phùng Cung cười, sau lưng là Đang vừa dựng xe đạp vào vách nhà vừa nói :

- Có chuyện gấp, phải đến cậu ngay!

Nhớ những ngày hoạt động nội thành trước Tổng Khởi Nghĩa, Chính đón hai người vào nhà, giọng bỗ bã :

- Anh thì có lúc nào mà chuyện không gấp!

Chưa ngồi xuống, Đang hỏi :

- Cậu đọc truyện của Cung chưa?

Gật đầu, Chính nhìn Cung. Rót nước trà từ phích vào hai cái tách, Chính chậm rãi :

- Hôm nay tiếp đến hai con Kim Bông, tôi sợ cứ một đường chạy thẳng thì chưa đứt ruột mà đã đâm đầu xuống vực!

Cung ngược nhìn, mắt ánh lên vẻ thách thức. Đang trầm giọng :

- Nhân Văn số tới định đăng " Con ngựa già của chúa Trịnh" đấy. Nhìn Cung, Đang hắng giọng, truyện đầu tay của anh chàng này... cậu thấy thế nào?

Không trả lời ngay, Chính hồi tưởng lại những cuộc họp trong ban văn hóa-báo chí của Thành Ủy. Từ ngày Hồ Chí Minh giữ trách nhiệm Tổng Bí Thư, không khí có cởi mở hơn, nhưng trong nội bộ đã có những va chạm giữa những người lãnh đạo. Khi chuyện Hiệp Thương và Tổng Tuyển Cử để thống nhất Bắc-Nam vỡ ra như bong bóng, đám chủ trương cải cách ôn hòa mất dần thế đứng. Trong bối cảnh xe tăng Liên Xô vào Budapest để bảo vệ xã hội chủ nghĩa sau những biến động chính trị gây ra từ bản báo cáo về tệ sùng bái cái nhân Stalin của Krút-Sốp, phe tả khuynh ở Hà Nội tăng áp lực chống "thỏa hiệp giai cấp" trong một xã hội có hơi hướng cải cách tư bản chủ nghĩa. Khâu tư tưởng trở nên then chốt, và báo chí thành tuyến lửa giữa hai khuynh hướng hữu - tả. Chính biết, gió đã lên và đang đổi chiều, con điều nào bay càng cao thì chắc sẽ rơi càng nhanh. Phùng Cung lại ngược nhìn, mắt hấp háy, miệng mím lại :

- Anh thấy thế nào ?

Chính ngần ngừ :

- Câu hỏi là hỏi một cá nhân tôi, hay là hỏi một cán bộ Thành? Không đợi Cung đáp, Chính tiếp - Nếu là cá nhân, thì tôi rất thích cái ngụ ngôn tân thời này vì có thể chia xẻ đôi điều...

Cung cắt ngang :

- Còn như một cán bộ?

Chính chậm rãi :

- Trước Tổng Khởi Nghĩa, tôi làm công tác báo chí của Đảng trong nội thành, cũng như anh Đàng. Nhìn Đàng, Chính tiếp, và chúng tôi dặn nhau, phải hết sức cẩn thận, không để Tây nó bắt, tránh lộ diện khi chưa chắc nắm được phần thắng.

Đàng giơ tay chặn :

- Đúng, nhưng đây là với địch. Bây giờ, chỉ có ta...

- Ta thì có ta thế này, ta thế kia! Chính ngân ngữ, nhẹ giọng.

- ...

- Nhưng vẫn là ta với nhau, Chính nói vớt, như tự bào chữa.

Cung bực bội :

- Chịu anh! Ta với nhau cả với bọn "mạ" Đảng để vinh thân à ! Chúng nó chỉ bề ngoài, cạo ra là thấy bản chất một bọn kền mạ bạc, bọn vong nô cho quyền lực !

Chính xen vào, giọng khẩn khoản :

- Nhưng quyền lực thì là sắt, mạ mặt ngoài thế nào thì mạ nhưng trong vẫn cứ là sắt. Gàn đây, "người ta" bảo các đồng chí tập kết đòi về giải phóng miền Nam, hô lên thống nhất đất nước là nhiệm vụ hàng đầu. Chính Ông Cụ cũng phải lùi...

Đàng thờ ra :

- Với cái khẩu hiệu giải phóng miền Nam đó thì Lê Duẩn nhắm củng cố quyền lực. Nó lại hợp với khẩu vị đám Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Hồ Viết Thắng. Quay sang Chính, Đàng hỏi – còn Lê Văn Lương? Lương nay thế nào?

Chính bật cười, ngao ngán :

- Lương thì trước sao, sau vậy! Nhưng này...Chính tiếp, chuyện đó có gì là gấp như anh nói hời nấy nào...

- Hừm, mới đây thấy ông ấy ôm hôn mấy đồng chí Liên Xô sang thăm hữu nghị ta. Cung trẻ mỗi hôm hình - mấy đồng chí trông cũng béo tốt có kém gì Tây "đoan" ngày xưa đâu!

Chính ngắt :

- Thôi bây giờ các anh đến thật ra là có việc gì?

Đàng xoa tay :

- Nhân Văn nhờ cậu tìm cho ít giấy để in báo số tới. Bây giờ, bị chặn khắp nẻo, anh Bảo nhà in Minh Đức nay chịu không tìm đâu ra giấy. Vì thế, tôi mới nghĩ đến việc nhờ cậu!

Chính nhăn mặt. Từ hai tháng nay, cơ quan chàng được chỉ đạo phải thu mua giấy trên thị trường, và kiểm soát bằng cách phân phối trực tiếp, có cân đong cẩn thận. Nghe Chính kể thế, Cung buột miệng :

- Báo chí tự do, nhưng giấy in báo thì kiểm soát. Thật là quá thời Tây ngày xưa! Thì ra chống Stalin là chống cái mồm thôi... Mồm nói một đàng, tay làm một nẻo!

- Thế anh có giúp được không? Đàng gặng

Lắc đầu, Chính lạnh lùng đáp :

- Không! Tôi không thể làm vậy. Tôi có trách nhiệm...

Đàng bật dậy :

- Trách nhiệm, hừ! Trách nhiệm bây giờ là chống bọn Stalinít... Anh sợ thì có! Dẫn thân đi Cách Mạng một phần tư thế kỷ, anh không sợ... Sao bây giờ lại thế!

Chính nhần nha :

- Anh nói đúng! Tôi sợ. Sợ thật!

- Anh sợ cái gì? Anh sợ ai?

Chính nhìn xuống chân, nhỏ nhẹ :

- Tôi sợ chúng ta. Tôi cũng xin các anh đừng lao xuống vực. Tôi nhắc, như ngày kháng chiến chống Pháp trong nội thành, phải cẩn thận. Với địch, cái thế sống - chết dễ. Với ta, khó và phức tạp hơn nhiều. Chuyện Chính Đốn Tổ Chức vừa xảy ra, các anh nhớ hộ cho ...

Đàng kéo Cung đứng lên, sáng :

- Thôi mình đi về! Mất thì giờ vô ích...

- Quên, nói để các anh biết. Chúng tôi đang học đường lối, và bên Tuyên Huấn mang cái phát biểu của anh Nguyễn Mạnh Tường ở Mặt Trận Tổ Quốc tháng mười một năm ngoái, phê là điển hình của tổ chức xã hội lai căng theo chủ nghĩa tư bản Tây phương. Tháng vừa rồi, ngày nào tôi cũng nghe rằng tư bản đang gãy chết. Và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thì dân chủ gấp trăm lần cái nền dân chủ hình thức bên Mỹ, Anh, Pháp...

Quay sang Cung, Chính hạ giọng :

- ... còn với anh, một nhà văn, thì đừng sợ tác phẩm mình sẽ mai một. Tác phẩm phải viết, cứ viết. Viết rồi, tác phẩm sẽ mang thân phận của nó. Và kéo theo phía sau định mệnh của nhà văn như một hệ quả!

Hữu Loan tay xách chai rượu, tay kia mở cửa, cất tiếng gọi. Chính choàng dậy. Trời đã chập choạng tối, gió thốc cái lạnh cuối thu ùa vào. Mở chạn, Loan tìm hai cái ly nhỏ, miệng cười :
- Nào, dậy làm một ly. "Anh ơi ly rượu nhỏ. Rượu nhỏ một ly thôi. Uống lên cho đỡ mặt. Cho lên hương cuộc đời..."

Chính bỡ ngỡ :

- Có chuyện gì vui mà rượu thế?

- Nhân Văn số mới ra rồi. Được lắm! Cậu có biết anh chàng Phùng Cung là ai không? Viết rất ghê...

Chính gật gù, tay đỡ ly rượu đưa lên môi, đáp :

- Có... mà này, nghe đầu Đại Sứ Ba Lan phàn nàn bài nhận định của Nhân Văn với bên Ngoại Giao. Vừa rồi, những biến cố ở Hung Gia Lợi làm cho "ta" bị động. Trên Ban Bí Thư Đảng đang bàn, và chỉ ngày một ngày hai là sẽ có Sắc lệnh về chế độ báo chí.

- Sắc lệnh thế nào?

- Một trong những vấn đề gai góc là chế độ kiểm duyệt thông tin và báo chí tư nhân. Trong bối cảnh quốc tế đang dao động, và trước cái khả năng không thể thống nhất đất nước qua Tổng Tuyên Cử theo Hiệp Định Genève, ta phải coi mục đích giữ chính quyền hiện nay như giữ con người tròn mắt...

- Ồ! Nhất là sau Cải Cách Ruộng Đất... Nay có những kẻ bất mãn hô giống kiểu Hoàng Cầm hay Trần Dần, cứ túm lấy lưng quần phục xuống mà đánh vào Đảng! Loan trầm ngâm - Thế là cứ rối tinh lên. Đám sinh viên vừa ra từ Đất Mới, cậu đã đọc chưa ?

Chính gật, rồi trầm ngâm :

- Nếu động chạm mạnh, sẽ gặp phản ứng gay gắt. Cậu viết lách gì cũng nên cẩn thận.

Tuyên Huấn - Tuyên Giáo đang sửa soạn đối phó đấy! Họ còn bị cái "trăm hoa đua nở, trăm nhà tranh tiếng" kim chân kim tay, đợi xem bên Trung Quốc tình hình diễn biến thế nào rồi mới phản ứng.

Hai người rủ nhau ra ngoài đi ăn. Chính đưa Loan đến chỗ phở gánh chợ Châu Long ngon có tiếng. Ăn xong, cả hai đến quán nước anh Thìn. Vừa thấy Chính, anh vồn vã :

- Chào bác! Mời hai bác vào xơi nước...

Kéo tay Chính, Thìn tiếp :

- Cái nhà bác người thấp thấp đấy, đến lấy rồi. Móc túi lấy một tờ giấy đưa vào tay Chính, anh xởi lởi - biên lai đấy, bác xem!

Liếc qua, Chính nhét nhanh mảnh giấy vào túi quần, cười như không có chuyện gì. Loan nhăn mặt, nhìn ra chỗ khác. Vừa ngồi xuống, một cụ già ở phía sau hiện ra. Cụ chào, rồi kéo chiếc điều cày, tay nhồi thuốc vào nõ, Thìn vừa rót nước, vừa nói :

- Đây là ông cụ thân sinh nhà em. Ông bà nay lại về ở với chúng em.

Chính ngạc nhiên :

- Sao độ trước anh nói các cụ về quê mà!

Ông cụ thở khói thuốc, khẽ ngật cổ, ề à :

- Dạ đúng! Chúng tôi về quê xin lại nhà, lại đất. Ủy Ban Xã bảo chờ, hãy tạm trú tại nhà ông anh họ. Chờ cả mấy tháng, nhưng nhà đất chúng tôi thì có người chiếm mất rồi. Không thể đuổi họ được, họ thành phần cơ bản cả, lại có con là liệt sĩ!

Loan nhượng mắt :

- Nhưng đã có lệnh sửa sai cơ mà!

- Dạ vâng! Có sai, có sửa. Nhưng mà trên Ủy Ban Xã chỗ chúng tôi, họ bảo sửa rồi lại sai, thì sửa mãi à...Thế là phải có kế hoạch. Mà các ông biết đấy, kế hoạch thì phải thông qua các ngành, các đơn vị, rồi quần chúng. Thôi thì, tôi bàn với nhà tôi, lên Hà Nội với các cháu vậy. Lên đến đây, xin nhập hộ khẩu lại không được. Nhà này chúng tôi mua, khi đi có lên Ủy Ban hành chính Quận làm giấy nhượng lại cho vợ chồng nhà Thìn đây, nhưng cho đến bây giờ giấy tờ cũng chưa xong...

Anh Thìn xen vào :

- Vợ chồng em cũng vẫn chưa có hộ khẩu các bác ạ! Nhưng mà các đồng chí trên Ủy Ban bảo, cứ yên tâm. Em lại xin mở cái xưởng mộc sau nhà để sản xuất, được động viên tích cực, không lo...

Thìn hềnh hếch cười, tiếp :

- Hai bác xem cái bàn làm việc em đang đóng để mừng thượng thọ Bác Hồ. Các anh trên Ủy Ban thích lắm! Kéo tay Chính và Loan, Thìn đùa - đóng xong bàn là có hộ khẩu cho cả nhà... Mời các bác xem!

Thìn đi trước, tay cầm đèn măng-xông, miệng suýt soạt :

- Gõ gụ quý lắm, lại không dùng đến một cái đinh nào, chỉ độc chân mộng với tua mà vững như bàn thạch!

Tay chỉ, Thìn nghiêm trang :

- Bác xem cái mặt bàn đây, chỉ một nước bào cuối là nổi mặt lưa. Gỗ có hồn của gỗ, hai bác ạ! Em định ghép một hàng chữ mừng Bác Hồ, nhưng chẳng học hành được bao nhiêu, nên xin hai bác cho ít chữ... Xưa em học nghề với thầy em, cũng có khi phải giát chữ, nhưng toàn là khẩu hiệu phong kiến, như Công Thành Danh Toại. Giờ thì khác, các bác cho cái chữ gì nó Cách Mạng cơ! Em nghĩ, ý người nhưng lòng gỗ. Gụ là thứ gỗ bền vững nghìn năm, như đá như vàng. Ý với lòng phải đi với nhau mới được!

Loan buột miệng :

- Thì cứ Cần - Kiệm - Liêm - Chính

Thình linh, quay sang Chính, Loan hỏi giọng lạnh lùng :

- Này, giấy ký nhận gì đấy ? Việc công hay việc tư ?

Chính giạt mình. Chết chưa, đến một người như Loan đã là bạn mình trên dưới ba mươi năm không hiểu sao nay giọng cũng đầy ngờ vực. Chỉ hai năm sau hòa bình lập lại, chuyện gì đã xảy ra trong cái xã hội đang còn chệnh vênh này ? Nghiến răng, Chính lòi mảnh giấy ra. Dưới ánh đèn, Loan đọc " Đã nhận" và ký MĐ. Trước ánh mắt dò hỏi của Loan, Chính nói nhỏ :

- MĐ là Minh Đức. Nhờ thế mà cậu mới đọc Phùng Cung và mang rượu đến uống với mình đấy!

Khi bước khỏi quán nước, Chính buồn bã :

- Không có cậu thì chắc tôi đã xanh mòm ở Bù Chu ba năm trước rồi. Nhưng có những chuyện nói ra chỉ thêm phiền cho người nghe, chứ chẳng phải tôi không tin cậu đâu. Mới đây, ta là ta, địch là địch. Bây giờ, ta với địch như xôi với đậu. Nói riêng với cậu là Ủy Ban hành chính Thành Phố đã làm việc với Đàng và Lê Đạt. Họ kết Đàng cái tội kêu gọi biểu tình, có ý phá hoại chính trị, và chỉ đợi sắc lệnh báo chí ra là đình bản tờ Nhân Văn.

Loan vỗ vai Chính, như để xin lỗi. Chàng nghĩ đến tiền đồ và ngừng lên nhìn vào màn đêm đặc sệt.

Hà Nội năm nay chỉ rét đủ để nhắc mùa Đông thình linh đổ một cơn mưa phùn. Mưa ngày qua ngày, đêm qua đêm, rỉ rả, dai dẳng, chẳng khác trận khóc hờn một đứa trẻ đợi mẹ. Về đêm, những ngọn đèn đường lờ mờ nhòe ẩm ướt. Góc phố Trần Hưng Đạo, tường nhà Hỏa Lò

dài ra heo hút, nhìn càng lạnh lùng, càng lì lợm. Hàng cây từa lên những cái cành cụt màu nâu, đốm lá còn ngắc ngoải giải những chấm xanh loang lổ trên những mái nhà khắp khềnh cao thấp.

Chính quyết định không về ăn Tết với con ở Kiến Thụy như năm ngoái. Chàng cảm thấy mình bị rình rập, nhất là sau khi đến chứng kiến cái chết của người đàn bà tên Xuân. Hữu Loan cũng không về quê. Vừa "đi học" về, Loan có vẻ chưa "đã thông", hay cái bản gắt gông. Đến nhà, Loan rủ Chính ra ngoài, giọng cay sè, bảo là đi du xuân. Cả hai đến vườn hoa Chí Linh. Có đào, có cúc, trông ra cũng Tết nhất nhưng đạm bạc. Loan dẫu túng vẫn nhất định mua một cành đào đốt gốc, nụ dăm cái đã bắt đầu chúm chím nở. Quay về đến nhà, mới biết không có bình để mà cắm. "...Thôi, Chính cười, mang lại quán nhà Thìn!". Quán xá vẫn vậy. Chiếc bàn mộc với ba bốn cái ghế đầu. Ngọn đèn hoa kỳ bắc rút nhỏ, dăm cái đóm, điều cày và hộp thuốc lào để cạnh lọ kẹo lạc. Kẹo là dành cho ngày Tết, chứ thường ra chỉ có nước chè sương. Chị Thìn lễ mễ ôm cành hoa cắm vào một cái bình con, miệng cười :

- Cám ơn hai bác. Nhà em nay lo xưởng mộc, em thì lo cái quán.

- Các cụ đâu? Chính hỏi.

- Thầy bu em ở đằng sau nhà. Đạo này các cụ yếu lắm, lại phiền muộn, chẳng muốn gặp ai?

- Có chuyện gì mà phiền muộn? Loan hỏi.

- Ấy... chị Thìn đáp, giọng uể oải - vẫn cái hộ khẩu. Thầy bu em lên đây thì trên Ủy Ban hành chính Phường họ bảo đã về quê, phải có giấy Ủy Ban Xã cho phép mới được lên thành phố. Còn gia đình chúng em đến nay vẫn chưa có giấy sang nhượng căn hộ này, nên cũng không có hộ khẩu. Các bác biết, căn vườn đằng sau lại dùng làm xưởng mộc của hợp tác xã nên trên Ủy Ban họ lằng nhằng, bảo chưa có chính sách phân chia cái gì là của công, cái gì là của tư, nên lại càng rắc rối. Nhất là đang cải tạo công thương nghiệp, chẳng ai dám quyết định một cái gì cả...

Chính thờ ra, tần ngần nhìn. Anh Thìn nghe tiếng vợ ới, chạy lên. Thấy Chính, Thìn đơn dả :

- Gớm, mãi giờ mới thấy hai bác. Năm mới, em chúc gì các bác đây?

Nhếch mép, Loan cười gượng :

- Thì ta cứ chúc cho mưa thuận gió hòa và cải tạo thắng lợi?

Thìn ngập ngừng :

- Ấy, cải tạo thì... gay go lắm! Cứ lấy điển hình chỗ em...

Trước ánh mắt dò hỏi, Thìn kể, tổ hợp tác xưởng mộc rất phức tạp. Đi vào công nghiệp "hiện đại", là có phân công và có hạch toán do phòng Kinh Tế của Phường đưa xuống trợ giúp anh em công nhân. Ngày trước, tổ sản xuất bàn, ghế, giường tủ đều là những thành phẩm cần có tay nghề. Học được từ cha mình là Phó Lãm, Thìn chăm chút từ cái mộc, cái thợ gỗ, và theo truyền thống, ngâm rồi phơi gỗ thế nào rồi mới xẻ, cắt, uốn, lên khung, đóng cạnh, vào khớp và theo yêu cầu phải trạm, phải trổ. Công nhiều, và nay chia công thì phải đánh giá mỗi công để trả thợ. Chuyện thêm phức tạp ở chỗ thợ so đo, tranh nhau làm những việc dễ, làm sao không tốn thời giờ. Thế là thôi, dùng đinh thay mộc cho nhanh. Gỗ không cần ngâm, cứ thế mà làm, sau có cong có nẻ cũng mặc. Rồi tranh nhau việc làm chân bàn, chân giường. Còn cái mặt bàn hay cái thành giường, người mua thường nhìn nõi, cần phải cẩn thận, phải có thẩm mỹ, công nhiều nên ai cũng tránh, hạ giá "bình bầu" xuống cho rẻ... Chưa hết, hạch toán mới ghê. Thợ nghe hai chữ khấu hao, không hiểu gì. Mãi mới biết, khấu hao là tiền để tái đầu tư thiết bị, nghĩa là mua dụng cụ như cưa, xẻ, búa... Tiền khấu hao, tính vào giá thành sản vật. Giá thành này là giá công lao động, cộng giá vật liệu do ty Kinh Tế cung cấp, rồi cộng cả tiền đảm phụ xây dựng xã hội... Kết cục, thợ cố ý phá thiết bị sản xuất cho hỏng nhằm nâng khấu hao lên, phân bổ công thế nào để làm ít ăn nhiều. Sản vật không chất lượng mà giá thành hạch toán cao, bán không được, nên từ từ thu nhập giảm dần cả năm nay...

Thìn thờ dài :

- Công việc càng khó, thì càng cãi cọ xích mích, chỉ khổ cái thân em là tổ trưởng! Bây giờ tổ sản xuất chỉ làm quan tài, bán ở hàng Hòm... Em xin đóng cửa hợp tác, nhưng “trên” không cho, kêu là kinh tế xã hội chủ nghĩa nay có kế hoạch, không cứ đóng, mở tùy tiện được! Giọng ngao ngán, Thìn tiếp - hai bác chúc cải tạo thắng lợi, em xin cảm ơn, nhưng chẳng biết chỗ em thắng lợi nó là cái gì!

Chị Thìn xen vào :

- Làm ăn thế nên hục hặc, rồi rượu, hai bác ạ! Năm mới hai bác chúc nhà em bớt uống đi cho em nhờ. Cứ rượu vào, lời ra, họa lúc nào chẳng biết. Say là nhà em chửi vung tí mẹt lên! Đã lên công an rồi đấy!

Anh Thìn ngượng ngùng, nạt :

- Người ta lên công an là chuyện khác... Nhìn Chính, Thìn hạ giọng - Nhà em nói mới nhớ ra, phải nói với bác. Tuần trước, công an họ hỏi em, có biết ai là Minh Đức không? Em bảo không. Họ lại bảo, ông ta làm nhà in, ăn cắp giấy và khai là đến lấy ở nhà em. Em nhận là từ năm ngoái có trao cho một người hai cái bao tải, nhưng chẳng biết là gì trong đó. Em chỉ đòi giấy ký nhận vì là người quen nhờ, thế thôi...

Chính thót bụng, cổ trầm tĩnh :

- Thế họ có hỏi người quen là ai không?

- Có chứ!

- ...

- Em chưa nói gì thì họ nói ngay tên bác, em đành gật đầu!

Chết điếng đi, cổ họng Chính tắc lại. Nỗi sợ ập đến khiến Chính như tê liệt, đầu bồng thành một khoảng trống không có chỗ nương tựa, lơ lửng, kinh hoàng. Loan làm như không có chuyện gì, vỗ vai Thìn :

- Úi giào... mà công an ở đâu? Phường hay Quận?

- Em lên trụ sở cơ quan gì ở căn nhà to lắm trên phố Trần Bình Trọng cơ, không biết có phải là quận không?

Thìn không biết thật nhưng cả Loan và Chính đều hiểu cơ quan đó là Bộ Nội Vụ.

Lớp học Thái Hà, gần mộ Hoàng Cao Khải. Cái hồn ma tên bán nước đã đầu hàng thực dân Pháp ở đâu về ám ảnh nhắc nhở răn đe những kẻ phản bội. Tất cả ba trăm lẻ bốn người, đảng viên và quần chúng tốt. Những Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi, Thụy An, Trần Duy... không được gọi đi học. Ăn gần như đã kết, dẫu chưa có người xét xử.

Học viên chia thành tổ. Sáng, họp tất cả. Đầu tiên, nghiên cứu những văn kiện. Nhiệm vụ là phát hiện những gì đi ngược lại thời kỳ quá độ chủ nghĩa tư bản để tiến lên chủ nghĩa xã hội từ ngày hòa bình lập lại. Phát hiện rồi tự kiểm thảo. Cứ thế, một tháng ròng họp tổ, từ sáng đến chiều, từ chiều đến tối. Vẫn chưa thông. Chưa thành khẩn. Lại phát hiện. Lại kiểm thảo. Cứ thế, vòng vèo như một cuộn chỉ rối, lộn lẹo, đảo ngược từng tế bào cân não. Từ cuộc đời riêng mỗi người cho đến cả nền văn học chung, phải triệt tiêu những ung nhọt đang ngấp nghé khai sinh. Trong ba năm qua, anh đã đứng ở đâu, ủng hộ ai và phản đối cái gì? Đồng chí chỉ đạo Học vụ giơ tay thét, phải kiên quyết phát hiện cái sai để sửa. Đảng cho ta cái ân huệ này, cơ hội trong tầm tay mà không làm thì đời đời kiếp kiếp thành kẻ phản dân hại nước... Thế là :

Phát hiện : Tôi thấy Lê Đạt, mỗi lần đi vệ sinh, đều xé báo Nhân Dân ra chùi!

Lê Đạt : chẳng nhẽ chùi bằng tay ư?

Đả đảo, đả đảo... (quần chúng văn nghệ sĩ đồng thanh)

Phát hiện : Lê Đạt miệng nói hời hởi, nhưng đêm, bên cạnh tôi còn trần trọc nghĩ đến những cái tội ấy thì hần đã ngáy o o !

Đả đảo, đả đảo...

Học ủy : Xin báo một tin cho tất cả các đồng chí. Học ủy kịp thời phát hiện và ngăn chặn được việc đồng chí Tám Danh, tập kết, đã vác búa đi tìm Lê Đạt và những kẻ viết lách tác động xấu lên công cuộc thống nhất đất nước chúng ta. Chúng ta hiểu động cơ của đồng chí Danh, nhưng cũng nhấn mạnh rằng giữa chúng ta, đã thông là phương pháp, chưa đến nỗi phải dùng “ bạo lực Cách Mạng”.

Hoan hô... (quần chúng văn nghệ sĩ đồng thanh)

Hoàng Cầm run rẩy, mặt tái đi. Phùng Cung giơ tay, dùng ngôn ngữ Cải Cách Ruộng Đất, giọng lạnh như tiền :

- Tôi xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo đã “giải phóng” nỗi sợ “cao độ” của tôi dựa trên một cái “ vấn đề cơ sở” là tình yêu thương giai cấp...

Hội trường ngỡ ngác, không biết hoan hô hay đã đảo cái lối xỏ xiên không che đậy ấy. Giờ nghỉ giải lao, Trần Dần thì vào tai Cung :

- Chết vì vạ mồm đấy!

Cung lắc đầu, nói cho mọi người nghe thấy :

- Nhục bỏ mẹ!

Lại phát hiện : Hoàng Cầm đi *pum*, tức là hút thuốc phiện. Lấy “cô hàng xóm răng đen” tên Xuyên trong kháng chiến, về Hà Nội là đòi bỏ, hiện gian díu với một người đàn bà có chồng. Thật là bất chính! Đứng quân đòi trụ! Có hay không?

Hoàng Cầm (cúi đầu) : có...

Đả đảo, đả đảo.

Hoàng Cầm (lí nhí) :

- Nhưng tôi yêu thành thực...

- A, cái tình yêu của chủ nghĩa Tư Bản lãng nhãng, không có tính giai cấp, không xây dựng, làm như nhuốc bưng quá độ của “chúng ta” lên xã hội chủ nghĩa...

Hoan hô, hoan hô... (quần chúng văn nghệ sĩ đồng thanh).

Trần Lê Văn khều Quang Dũng nói nhỏ :

- Tình yêu có tính giai cấp liệu cho phép ngủ với nhau không?

Dũng không đáp, quay sang Hữu Loan, đùa đọc câu thơ :

- Hay chỉ “ yêu nàng như tình yêu em gái”...

Loan buông giọng, như than :

- Cái bài này dân Thanh - Nghệ hàng năm mang ra hát xẩm xin ăn vào những lúc đói, các cậu ạ!

Có tiếng sụt sịt. Hoàng Cầm ủ rũ :

- Tôi chót yêu mất rồi...

Đả đảo, đả đảo... (quần chúng văn nghệ sĩ hô, rồi cười hô hố)

Phát hiện : trong bài thơ Nhất Định Thắng, chữ Người viết hoa, có phải Trần Dần ám chỉ Người đây là bác Hồ kính yêu của chúng ta không?

Trần Dần :

- ...thưa các đồng chí, chữ Người viết hoa chỉ con người hiểu ở cái nghĩa đích thực...

- Ngoan cố! Nếu thế thì tại sao : *Người quên mất Mỹ là sư tử giấy!* Người như thế, phải là người lãnh đạo chính trị, mới phát ngôn về Đế Quốc Mỹ và biết đồng chí Mao Trạch Đông chỉ coi nó là con sư tử giấy. Như vậy, Trần Dần dùng thủ pháp ám chỉ, rồi dạy dỗ bác Hồ *Người chữa có dạ lim tim sắt. Người mở to đôi mắt mà trông!*

Phùng Quán giơ tay, đứng lên :

- Bây giờ có Bác rồi, chữ Người đừng bao giờ viết hoa nữa, thế là xong...

Hoan hô, hoan hô... (quần chúng văn nghệ sĩ đồng thanh).

Học ủy chặn, chúng ta không hoan hô tùy tiện. Hội trường lại đồng thanh : đả đảo...

Học ủy : chúng ta có thêm một thắng lợi...

Hội trường im lặng. Chỉ có tiếng phạt phành phạch và tiếng đập cánh vo vo của lũ nhặng quanh cái cống bốc mùi những hôm trời nong.

Học ủy tiếp :

- Lực lượng công an đã bắt Nguyễn Hữu Đang và Thụy An. Tên Đang trốn xuống Hải Phòng, tìm đường trốn vào Nam, rõ là người Mỹ - Diệm cài vào hàng ngũ " chúng ta"...

Hội trường vỡ ra : hoan hô, hoan hô...

Học ủy hân hoan :

- ...nó không biết người móc nối nó lại là một đồng chí công an của ta. Hiện nó đã khai hết về cái vụ Nhân Văn. Ai liên quan, hãy thành khẩn.

Hoan hô công an

Đả đảo Nhân Văn, đả đảo Giai Phẩm.

Trần Dần lảm bảm :

- Đúng là toàn thắng ắt về ta! Nông dân là quân chủ lực...

Lê Đạt nhìn Phùng Cung, nói nhỏ :

- Trấn áp tinh thần đấy. Kỹ thuật đấu mà lị!

Phùng Cung bĩu môi. Đặng Đình Hưng bắn khoăn :

- Không thấy nhắc đến Phan Khôi, Trần Duy!

Cung bực tức :

- Ông Khôi ông ấy bảo tôi, hỏi thì cứ khai hết cho ông ấy. Ông ấy dặn, " các cậu còn trẻ, phải sống. Sống nhục cũng phải sống. Bây giờ chết là chết hèn. Còn tôi, già rồi, chẳng thêm gì tiếc gì nữa!".

Sau buổi học, Tố Hữu đến gần Lê Đạt, giọng rành rẽ :

- Tội của anh cũng nặng như tội của Nguyễn Hữu Đang. Lẽ ra, anh cũng bị đi tù. Nhưng mà Đảng chiếu cố đến vì anh còn trẻ, có khả năng và còn có thể hữu ích cho đời nên Đảng khoan hồng với anh thôi, chứ anh đừng nên nghĩ rằng anh tội nhẹ!

Đạt tái mặt, đầu cúi gằm xuống.

Tối, làm bài khai. Tổ thông qua mới được đưa ra hội trường. Hội trường thông, thì xong.

Không, lại tiếp tục. Từ ngày này qua ngày kia. Thành khẩn. Kết tội mình. Không thấy tội, thì tự tìm ra tội. Vu cho mình, tội càng lớn thì mình càng thành khẩn. Làm sao để thuyết phục là đã thực thà moi gan móc ruột ra làm đồ nhắm cho tập thể trong một cuộc đảo đồng chữ nghĩa.

Bây giờ, ngày đi tố, đêm về khai. Tố bạn. Tố chính mình. Những tình bạn tưởng keo sơn bỗng rạn nứt như lớp sơn khô phơi nắng. Những sự kính mến chợt rã ra như bột hồ nay chỉ còn dăm vết trắng nhạt nhàn nghĩa. Học tuy đông, nhưng đấu tố chỉ tập trung vào mười, mười lăm đối tượng Nhân Văn Giai Phẩm. Nguyễn Huy Tưởng an ủi "...học xong, đã thông tư tưởng rồi ta lại là anh em với nhau như xưa". Nguyễn Khải, cây viết đang lên, nghiêm giọng "...tôi thì tôi phân biệt ra ta với địch!". Xuân Diệu đồng dục " không giao dịch với Lê Đạt là một vấn đề nguyên tắc".

Tự sỉ vả không phải là việc dễ làm. Xé mình rồi bôi bẩn thành một mảnh rẻ rách đòi hỏi thứ nghệ thuật xưa nay nhân loại chưa từng thể nghiệm. Người viết, viết để giết cái tôi của mình, nhưng trước khi hạ dao phải lột truồng mình ra để biện minh cho nhát chém cuối cùng mà chính mình là đao phủ thủ. Hãy chém treo ngành. Chém cho thật ngọt, thật thuyết phục. Rồi ngửa mặt nhỏ để nước bọt rơi trên mặt cái xác chính mình. Thật thành khẩn. Hoàng Cầm tự phê, tôi là thuốc độc tẩm đường, dán nhãn hiệu dân tộc, bôi đen thực tại rồi bọc giấy bóng kính màu... vân vân. Lê Đạt : cái câu " nhân đọc báo Nhân Dân số 822" mở đầu bài thơ " Chuyện mấy người tự tử" là một âm mưu của tôi dùng Đảng để đánh Đảng... vân vân. Trần Dần : tôi là giặc bút, là viên đạn xét lại, mũi tên độc của chủ nghĩa cá nhân đòi trụ, của vô chính phủ. Tất cả những cái « Đi tìm cái mới » hay « chống công thức » chỉ là bộ áo khoác lên che cho chủ nghĩa xét lại và tư tưởng Trốt-kít... vân vân.

Nhìn cách Loan bước vào nhà, Chính đoán chắc có sự chẳng lành. Hàm hàm, Loan quăng tờ Nhân Dân lên bàn rồi vắng tục. Chưa nghe Loan nói hết, Chính chặn lại, giọng hoảng hốt:

- Không nên thế! Họ sẽ ghép vào tội vô kỷ luật. Và lại, bỏ đi như thế là bỏ Đảng. Cậu nghĩ lại đi! Người ta có thể kết tội phản Đảng, gay lắm...

- Hừ, Hữu Loan cười gằn - tôi nghĩ nát ra rồi. Đi "thực tế" ở Chí Linh, họ ra ơn, kể vẫn ăn lương Hội, lại được thâm nhập đời sống lao động hầu thoát cái xác tiểu tư sản thành thị để mà viết với yêu cầu Cách Mạng. Nhưng như thế viết có nghĩa là gì? Là làm công trả nợ. Tôi thì chịu...

- Đi Chí Linh, cậu đi với ai?

- Tổ sáu thằng. Trần Dân, Lê Đạt, Từ Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, và tôi. Toàn là bọn "đầu sỏ"!

- Tại sao lại thế? Cậu bị có một năm thôi mà?

- Ờ! Cái bài « Cùng những thằng nịnh hót » trong báo Văn bị chúng nó bảo tôi giả chống quan liêu mà thật ra là để chống lãnh đạo. Chúng nó còn lôi cả "Màu tím hoa sim" ra, rồi tố là thời chống Pháp tôi có ý đồ làm nhụt lòng bộ đội, ê a những "được tin em gái chết, trước tin em lấy chồng" để gây ra chán nản, và như thế là tiếp tay cho thực dân đánh phá ta...

Chính thờ dài, rót nước cho Loan. Hai người im lặng nhìn ra ngoài trời. Chớm thu, gió đã se se lạnh. Có tiếng rao hàng đầu ngõ, hai tiếng "ai... mua" nhừa nhựa kéo dài ra như một lời than van. Chút nắng rơi lại cuối ngày co mình đợi cơn rét đầu mùa lung linh trên tàn cây hoa sữa bắt đầu rụng lá. Chính nhìn bạn :

- Về quê, cậu sẽ làm gì?

- Cũng chưa biết! Tôi định xin dạy học. Nếu không được thì sức dài vai rộng, mình đi thồ, làm phu... cái gì cũng được!

- Với địa phương, cậu quan hệ thế nào?

- Đám quen biết và cùng công tác từ thời kỳ kháng chiến không còn bao nhiêu sau Chính Đồn Tổ Chức. Bây giờ, phần đông là mặt lạ cả. Nhưng trời sinh voi, sinh cỏ, chẳng có gì phải lo.

- Bỏ về quê, cậu đi tự tiện nên sẽ không có giấy giới thiệu của cơ quan ở Hà Nội. Chắc với địa phương cậu sẽ có vấn đề! Đạo này, chỗ nào cũng ngăn sông cách chợ, cứ « không phận sự miễn vào ». Mà miễn vào là tắc...

Loan gục gặc, vẻ khinh mạn bất cần đời, đứng lên. Rủ Chính đi thăm Thìn, Loan bước ra cửa. Hai người đi bên nhau, không ai nói với ai một lời. Họ vòng xuống chợ, rồi men đê ngược về Hồ Tây. Đây, những con đường xưa. Lên cái dốc, cây cổ thụ này là cây bàng điện Cai Năm năm xưa tự vệ Thành đã đục lỗ nhét chất nổ để đánh đổ thời bảo vệ Thủ Đô. Dây dẫn lửa không cháy nên nó vẫn trơ trơ còn đó. Phía bên kia, ngôi chùa Hòe Nhai. Trong cái bóng xẫm tối một hoàng hôn đến vội, Chính thấy một tà áo trắng lúc ẩn lúc hiện, lòng bỗng chạnh nhớ đến Huyền ngày xưa đã từng cư ngụ ở ngôi chùa này. Chính cay mắt, đưa tay lên giụi.

- Cậu làm sao vậy? Loan hỏi.

- Gió thổi. Bụi vào mắt, cay sè! Chính đáp, cố nhếch miệng lên cười.

Hai người rẽ vào phố Trấn Vũ. Bên kia hồ Trúc Bạch quán nước nhà Thìn chìa ra lề đường.

Hai người bước vào. Vẫn ngọn đèn hoa kỳ bắc khêu vừa đủ hắt hiu một đóm lửa xanh lè.

Vẫn cái điều cày nhẵn nhục và phích nước chè chợ vợ trên chiếc bàn lè tè sát đất. Nhưng

không một ai tiếp khách. Chính cất tiếng gọi. Bà mẹ chị Thìn lê ra, lưng còng xuống làm thành một vòng cung nặng nhọc. Bà hấp háy ngược đôi mắt ướt nhèm lên nhìn, miệng kêu có khách. Hai đứa bé ở trong chập chững bước ra nhìn, đi sau là chị Thìn. Ở kia, cả ba đều quần khăn tang trên đầu. Chị Thìn thốt, a hai bác... rồi òa lên khóc.

- Hai bác đến chơi tuần trước thì nhà em còn. Bây giờ... bây giờ... chị nước nỡ.

Chính lặng người. Ô hay, ba tháng trước anh Thìn còn đưa Chính vào xưởng, khoe cái bàn gỗ gụ mặt có khảm bốn chữ Cần - Kiệm - Liêm - Chính do anh tự tay đóng làm quà sinh nhật cho bác Hồ cơ mà.

- Khổ lắm cơ hai bác! Anh có linh thiêng thì về, hai bác đến thăm đây này, ối anh Thìn ơi...

Hai đứa bé thấy mẹ khóc, cũng ngoác miệng ré lên. Chị Thìn sụp xuống, ôm lấy con. Khi đó, ông cụ cha chị Thìn đi ra, nhìn Loan và Chính, rồi lại lặng lẽ đi vào, không chào không hỏi. Đợi chị Thìn nguôi đi, Chính hỏi, giọng nghèn nghẹn :

- Anh mất thế nào?

- Nhà em trước khi mất ngày nào cũng phải lên công an Phường, tiếng là về cái việc người ta bảo đem giấy đi bán cho phản động in báo chí chống Cách Mạng. Nhưng thật ra, chuyện chính là Ủy Ban Phường đang động viên nhà em cống hiến cái xưởng mộc sau vườn cho hợp tác xã. Uất lên, nhà em về đập nát cái bàn định dâng lên mừng thọ bác Hồ. Nghe báo, Phường lại hoành hoẹ, làm thế là có phản ứng chống đối, không thành tâm " cải tạo công-thương nghiệp", và nhất là bất kính vị cha già dân tộc!

Loan lắc đầu, nhìn Chính ngẩn ngơ như mất hồn. Đẩy cửa ra sau vườn, chị Thìn miệng mòi chân bước khiến Chính sực tỉnh, kéo Loan đi theo. Mở cửa xưởng, chị trở tay vào một góc. Mặt bàn gụ bị bở vỡ làm ba mảnh, bốn chân long mất hai, nằm lỏng chỏng ghéch lên thách thức.

- Đây! Cái cột này. Các bác nhìn vết máu lau mãi mà không sạch đây... Chị Thìn run lên – nhà em phát rồ, nửa đêm dậy uống rượu, lấy cái đinh hai mươi phân để vào lỗ tai, rồi đập đầu vào cái cột. Đinh xuyên ngang, lòi ra cái gò má bên kia, máu me phọt bắn tứ tung... Nhà em lại không chết ngay cho được, cứ nằm cục cựa rên rỉ đến sáng thì thở hắt ra!

Ngồi thụp xuống chân cột, chị Thìn thỉnh thoảng gào lên:

-... anh sống khôn chết thiêng, về đây mà báo oán, giờ có mắt không hả giờ?

Chính lặng người không nói được một câu. Hữu Loan quay đi, mặt sa sầm, tiếng chửi chỉ chực chồm ra khỏi đôi môi mím chặt, móc túi có bao nhiêu tiền đưa hết cho bà mẹ chị Thìn vẫn đứng háp háy nhìn. Chính để nhẹ tay lên vai chị Thìn, làm rằm nhắc đi nhắc lại một câu an ủi thừa thãi.

Đi theo Loan ra ngoài phố, Chính không nói, cúi mặt làm lũi bước. Đêm sập xuống. Đàng trước là bóng tối. Đàng sau, cũng thế. Và gió rít lên qua những tàn lá bàng vừa nhuốm sắc đỏ buổi vào thu. Khi đến trước cửa nhà Chính, Loan hỏi :

- Cái chuyện bán giấy in Nhân Văn, công an hỏi cậu chưa?

- Chưa! Nhưng rồi sẽ hỏi, chẳng biết lúc nào thôi. Bao giờ cậu đi?

- Hai ngày nữa!

- Cậu về Thanh, nếu tìm được thêm một chỗ dạy học thì báo tôi. Tôi cũng sẽ xin chuyển công tác. Tôi ớn đất kinh thành này lắm rồi!

Loan cười nhạt :

- Không phải ớn đất... mà là ớn những con người kinh thành này lắm rồi. Nguyên Hồng đã bỏ về Bắc Giang. Trong bữa tiệc chia tay với bạn bè, anh ấy vừa khóc vừa chửi "... Tiên sư cha thằng Câu Tiễn! Ông thì không, Nguyên Hồng thì không. Ông về Nhã Nam, ông đeo chơi với chúng mày nữa...".

Kỷ niệm về thầy Đàng ở trường Phan Chu Trinh Văn Ngọc

Tự trường năm đó, ngay sau những ngày tháng sôi nổi của Cách mạng tháng Tám – đã cuốn hút chúng tôi vào những sinh hoạt chẳng mấy dính dáng đến chuyện học hành – tôi từ trường tiểu học Hàm Long bước lên trung học. Lẽ ra, nếu đi theo con đường chính quy, thì tôi đã vào học Chu Văn An từ hồi ấy – tôi đã đệ đơn và hồ sơ xin vào học ở đây từ trước hè – nhưng không hiểu sao, do ai mách bảo, mà gia đình nhà tôi lại cho tôi ghi tên vào học trường Phan Chu Trinh, một trường trung học vừa mới được nhà nước khai trương, và được nhiều người nói đến lúc ấy.

Kỷ niệm của tôi về trường Phan Chu Trinh không có nhiều, bởi một lẽ đơn giản là trường đã chỉ hoạt động được trong có mấy tháng, thì đánh nhau. Tuy nhiên, đó là những kỷ niệm đã

ghi khắc vào trí nhớ của tôi, để rồi không bao giờ phai nhạt. Tôi cũng không ngờ rằng ngày đó tôi đã được học ông Nguyễn Hữu Đang ở đó, ông Đang, một nhân vật mà đúng 10 năm sau tôi đã gặp lại trong vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, khi tôi đã hơi hiểu biết hơn về cuộc đời, và đã biết đánh giá con người của ông hơn.

Tôi còn nhớ mãi buổi chia tay với trường, ông Đặng Thai Mai, hiệu trưởng, rất xúc động, đến từng lớp giải thích tình hình cho chúng tôi nghe, và đề nghị bắt đầu từ hôm sau, chúng tôi không đến trường nữa, vì chiến tranh có thể sẽ xảy ra bất cứ lúc nào, và nhà trường e rằng lúc đó chúng tôi sẽ không về kịp được với gia đình.

Hồi đó, tôi còn nhỏ lắm, mới 11 tuổi, chưa hiểu biết gì mấy về những vấn đề lớn của tình hình đất nước, nhưng nhiệt tình và lòng tin tưởng của chúng tôi đối với cách mạng thì gần như là tuyệt đối. Điều đó cũng dễ hiểu : thế hệ chúng tôi đã từng nếm đủ mùi tủi nhục của những người dân bị trị, đã từng thấy những đau khổ, bất công, đầy dẫy trong xã hội và ngay cả trong gia đình nhà mình trong xã hội cũ, mà cái nền phong là giáo lý phong kiến, cho nên khi cách mạng lên, và nước nhà giành được độc lập rồi, thì chúng tôi cảm thấy như được giải thoát, và lòng tràn ngập hy vọng.

Ngày ấy quả thật, chúng tôi chỉ nghĩ có một điều : làm được gì trong khả năng của mình mà có ích lợi được cho đất nước lúc ấy, là chúng tôi sẵn sàng làm. Việc học hành vẫn là quan trọng, nhưng trong bối cảnh tình hình căng thẳng, sắp đánh nhau đến nơi rồi, chúng tôi cũng có phần nào hơi sao lãng, mặc dầu ở cái tuổi đó, đi học bao giờ cũng có những điều thú vị để... học hỏi, ít ra là để đùa nghịch với chúng bạn.

Ngay từ ngày đầu , tôi đã mê ngay cái không khí của ngôi trường mới. Lần đầu tiên, tôi được giáp mặt với những con người mà bấy lâu nay, tôi chỉ mới được nghe các anh chị lớn ở trong nhà nói đến : ông Đặng Thai Mai, ông Hoài Thanh, bà Nguyễn Khoa Diệu Hồng, ông Phan Kế An, v.v. Ngay hôm đầu tiên, ông Đặng Thai Mai, hiệu trưởng, đến lớp nói mấy lời về mục đích của trường. Chúng tôi không ngạc nhiên bởi giọng Nghệ Tĩnh rất nặng của ông, nhưng đã rất ngạc nhiên vì ông ăn nói nhỏ nhẹ, hiền từ, như một người cha già, lại gọi chúng tôi bằng "em". Nghe ông giải thích, chúng tôi hiểu rằng một thời kỳ mới đang mở ra cho mọi người : bây giờ, chúng tôi biết mình học để làm gì, và ai nấy đều thấy vô cùng tin tưởng và phấn khởi.

Tuy nhiên, khi vào lớp học, chạm trán với thực tế, tôi thấy sao mà ngày ấy chúng tôi dốt thế ! Đặc biệt là về Việt văn và Pháp văn ! Tôi được học cụ Hoài Thanh về các tác phẩm cổ điển, được cụ giảng *Lục Vân Tiên* cho nghe. Lúc đầu, chúng tôi cứ tưởng *Lục Vân Tiên* dễ, dễ đâu khi đi vào từng câu, từng chữ, cụ hỏi, chẳng đưa nào hiểu nghĩa chính xác là gì cả. Nhưng cụ rất hiền, nên không bao giờ nói gì cá, chỉ mỉm cười. Ngày đó, chúng tôi gọi cụ Hoài Thanh bằng "cụ", mặc dầu cụ cũng chưa già gì cho lắm, ngay cả bà chị tôi học cụ, cũng gọi cụ bằng cụ. Ngày đó, ai nấy đều nhiệt tình cả, cả thầy giáo lẫn học trò. Tôi cảm thấy điều đó, khi thấy một hôm cụ Hoài Thanh đang cơn sốt nặng, mặt mũi đỏ gay, người rét run, mà vẫn đến lớp dạy, làm chúng tôi rất cảm động.

Thế rồi một hôm, cũng vào giờ giảng văn, nhưng là văn chương hiện đại, chúng tôi được ông Nguyễn Hữu Đang giảng cho nghe bài thơ "*Tự trường*", của Huy Cận.

Tôi còn nhớ mãi dáng vẻ rất trẻ trung, năng động, của ông ngày ấy, trong bộ quần áo kaki, với nét mặt nghiêm nghị, hơi khắc khổ, nhưng dù sao cũng khác xa với tấm hình chụp vào những năm 70, sau thời gian dài bị tù đày.

Thơ mới, câu chữ đơn giản, lại không có điển tích gì rắc rối, nên ông chỉ đọc đi đọc lại nhiều lần cho chúng tôi nghe, dường như để cho chúng tôi tâm đắc và cảm nhận được thẩm thú cái đẹp của ngôn từ, và của nhịp điệu bài thơ. Tôi còn nhớ mãi những câu :

[...]

Tự trường đó lòng tôi vừa bắt gặp
Nổi xông xao thắm lặng ở trong rương

*Của chàng trai mười lăm tuổi vào trường
Mắt tin cậy và tóc vừa dưỡng rẽ...
(Huy Cận, Tựa trường)*

Điều kỳ diệu, là một con người hiếu động như Nguyễn Hữu Đang vào thời kỳ đó, với những trách nhiệm rất đa dạng và bận rộn trong chính phủ lâm thời, mà đã dành được thì giờ và giữ được tâm trí đủ rảnh rang để đến giảng thơ cho bầy trẻ chúng tôi nghe !

Nhân tin Nguyễn Hữu Đang vừa từ trần, Diễn Đàn lại nhắc tới nhà thơ Phùng Quán, một người bạn cố tri của cụ Đang. Năm xưa, có dịp gặp hai người ở một căn nhà nhỏ cạnh Hồ Tây, tôi được nghe PQ đọc bài thơ "Đêm Nghi Tàm đọc Đỗ Phủ cho vợ nghe", lòng trào cảm xúc. Nhắc tới Phùng Quán, tưởng không thể quên bài thơ này. Đã đi với nhân dân / Thì thơ không thể khác / Dân máu lệ khôn cùng/ Thơ chết áo đắp mặt !

Đêm Nghi Tàm đọc Đỗ Phủ cho vợ nghe Phùng Quán

Ngoài trời trắng như tuyết
Trắng lạnh đến thấu xương
Trong nhà vách trống toang
Gió ra vào thoải thích...

Hồ khuya sượng tĩnh mịch
Trộn nước lẫn cùng trời
Con dế chân bờ dậu
Nỉ non hoài không thôi...

Tựa lưng ghé cảnh ối
Vai khoác áo bông sòn
Tôi ngồi đọc Đỗ Phủ
Vợ vừa nghe vừa đan...
Đỗ Phủ tự Tử Mỹ
Thường xưng già Thiếu Lăng
Sinh ở miền đất Cửng
Cách ta hơn ngàn năm
Thơ viết chùng vụn trang
Chín nghìn trang thất lạc
Người đời sau thu nhặt
Còn được hơn ngàn bài

Chỉ hơn ngàn bài thôi
Nỗi đau đã Thái Sơn
Nếu còn đủ vụn trang
Trái đất này e chật !...

Thơ ai như thơ ông
Lặng im mà gầm thét

Trang trang đều xé lòng
Câu câu đều đẫm huyết...
Thơ ai như thơ ông
Mỗi chữ đều như róc
Từ xương thịt cuộc đời
Từ bi thương phần uất
Thơ ai như thơ ông
Kể chuyện mái nhà tốc
Vác củi làm chuồng gà...
Đọc lên trào nước mắt !

Giữa tuyết trong đò con
Đỗ Phủ nằm chết đói
Đắp mặt áo bông sồn
Kéo hoài không kín gói.

Ngàn năm nay sông Tương
Sóng còn nức nở mãi
Khóc chuyện áo bông sồn
Đắp mặt thơ chết đói !...

Giật mình trên tay vợ
Bống nảy một hạt sương
Hạt nữa rồi hạt nữa
Tôi ghen dưng giữa trang.

Kéo áo bông che vai
Ngồi lặng nghe sương rơi
Con đế chân bờ dậu
Nỉ non hoài không thôi !...

Vụng về...tôi dỡ vợ:
Em ơi đừng buồn nữa
Qua rồi chuyện ngàn năm
Bao nhiêu nước sông Tương...

Miệng nói nhưng lòng nghĩ:
Ồi thân phận nhà thơ
Khác nào thép không rỉ
Ngàn năm cũng thế thôi !...

Đã đi với nhân dân
Thì thơ không thể khác
Dân máu lệ khốn cùng
Thơ chết áo đắp mặt !

Em ơi, nếu Đỗ Phủ
Vai khoác áo lông cừu
Bụng no đến muốn mửa
Viết sao nổi câu thơ
Ngàn năm cháy như lửa:

Cửa son rượu thịt ôi
Ngoài đường xương chết buốt

Em ơi, nếu Tử Mỹ
Nhà ở rộng mười gian
Rào sắt với cổng son
Thềm cao đá hoa lát
Chắc ông không thể làm
Mưa thu mái nhà tốc

Em ơi, nếu Thiếu Lăng
Cặp kè vợ béo nứt
Một bước là ngựa xe
Đứng đi quân hầu chặt
Đời nào ông lắng nghe
Tiếng gào và tiếng nấc
Bà cụ xóm Thạch Hào
Gái quê tân hôn biệt...

Đã đi với nhân dân
Thì thơ không thể khác
Dân máu lệ khốn cùng
Thơ chết áo đắp mặt !

Chính vì thế em ơi
Nhân loại ngàn năm qua
Máu chảy như sông xiết
Cũng là để cho Thơ
Sẽ không còn phải viết
Những Hành qua Bành Nha
Vô gia Thuỳ Lão biệt...
Cũng là để cho Thơ
Sẽ không còn phải chết
Giữa tuyết, trong đò con...
Đắp mặt áo bông sờn.

Đừng buồn nữa em ơi
Chuyện ngàn năm...ngàn năm

Nguyễn Hữu Đang và Lê Công Định
Tưởng Năng Tiến



Nguyễn Hữu Đang và LS Lê Công Định.

Nguồn: photobucket.com

Vào những năm đầu của thập niên tám chục, lúc vừa bắt đầu cuộc đời tị nạn, khi sắp bước vào tuổi 30, tôi được nhiều vị trưởng thượng ở hải ngoại coi như là một mầm non – có rất nhiều triển vọng sẽ tiến (rất) xa trong tương lai – trong cả hai giới người: cầm chai và cầm bút.

Gần ba mươi năm đã trôi qua, cả dòng nước sông (cũng như nước suối) đã ào ạt chảy qua cầu và qua cống. Tôi đã không “tiền xa” và trở thành một... nhà văn, như mong đợi. Lề văn, chòi văn hay túp văn cũng đẹp luôn.

Tôi quả có làm cho một số người (trong giới cầm bút) thất vọng. Tuy nhiên – nói tình ngay, và nói cho nó công bằng – tôi cũng đã khiến cho không ít vị thuộc giới cầm chai lấy làm (vô cùng) hãnh diện.

Tôi cầm viết bữa đực bữa cái nhưng cầm ly thì đều như bắp, chưa sót bữa nào. Đã vậy, nhiều bữa còn mãi cầm ly mà quên cầm đĩa nên... quá chén đều đều. Đến cuối đời, tôi chỉ mong được là một thường dân nhưng cũng không xong. Thay vào đó, tôi trở nên một thằng nát rượu.

Lỗi, tất nhiên, không phải tại tôi.

Tôi không có cái may mắn sinh ra trong một gia đình có truyền thống văn học. Từ đời nọ đến đời kia, cả dòng họ của tôi chưa từng có ai cầm bút. Họ chỉ cầm ly. Riêng bên ngoại không mấy khi có người tỉnh táo. Ngoại tôi và mẹ tôi đều uống và đều xỉn dài dài.

Con hư tại mẹ. Cháu hư tại bà. Tôi hư là phải (giá). Ngay từ lúc ấu thơ, tôi đã suốt ngày loanh quanh bên những tiệc rượu. Do đó, những giai thoại về văn chương thơ phú thì tui mù tịt chớ chuyện quanh bàn nhậu thì (ôi thôi) tui biết nhiều vô số. Đang rảnh nên xin kể (một) nghe chơi.

Cuối thập niên sáu mươi, khi mà chế độ Đệ I Cộng hoà ở miền Nam bắt đầu có tai tiếng về tính chất độc tài thì dân làng nhậu hay truyền tai chuyện (tiểu lâm) này:

Có một ông lớn hằm hằm chạy vô ty cảnh sát Lê Văn Ken, lòi một phụ nữ ra khỏi xe, nói như hét:

“Mấy anh điều tra vụ này liền cho tui.”

Vài tiếng sau, ông nhận được điện thoại. Đầu dây bên kia, giọng một nhân viên cảnh sát (nghe) có vẻ rụt rè:

“Dạ thưa ông con mẹ nhận tội rồi.”

“Tội gì?”

“Cộng sản nằm vùng.”

“Ý trời, tui biểu mấy anh điều tra về vụ khác. Nó ở nhà tui, và vợ tui mới mất cái hột xoàn, tìm hoài không ra, hiểu chưa?”

Chuyện giễu này được kể ở tất cả các quán nhậu của miền Nam, và nghe xong thì dân chúng “ở vùng địch tạm chiếm” đều bò lẩn bò càng ra cười mệt nghỉ. Không ít người cười tới té ghế luôn.

Người Việt quả là thích cười đùa. Điều đáng tiếc là không phải lúc nào (và ở đâu) họ cũng có cơ hội cười cợt thoải mái, hả hê như vậy.

Cùng thời điểm này, ở bên kia vĩ tuyến cũng có một chuyện giễu cợt hơn nhiều nhưng tuyệt nhiên không nghe thấy tiếng ai cười, cười thâm hay cười lén (chắc) cũng không luôn. Và câu chuyện này – thay vì chỉ để kể quanh bàn nhậu, cho vui – đã được báo chí miền Bắc đồng loạt loan tin (“vụ xử án gián điệp ở Tòa án Nhân dân Hà Nội”) cùng với những lời kết án vừa hàm hồ, vừa đanh thép, nghe cứ y như thiệt vậy. Xin chậm chậm, lật lại vài trang (*) báo cũ – đã úa vàng và phủ bụi thời gian:

Báo *Thủ đô Hà Nội* (21/01/1960):

“Tên Nguyễn Hữu Đang thú nhận: ‘Báo *Nhân văn* có tính chất chính trị ngay từ số 1’. Mục đích của tờ báo là kích động quần chúng cùng với chúng tôi chống lại lãnh đạo’. Để đạt mục đích ấy, – đây vẫn là lời của tên Đang – chúng tôi đã dùng lối bịa đặt, vu khống, xuyên tạc, các bài báo của chúng tôi không đúng sự thật, cứ viết bừa nói bừa, chuyện không nói có và nói toàn những vấn đề quan trọng để gây những tác hại lớn.”

Báo *Quân đội nhân dân* (21/01/1960):

“Ta hãy nghe Đang cung khai trước Tòa án: Tôi đã gây hoài nghi đối với sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ. Tôi đã cổ động cho những xu hướng chính trị phản động. Tôi đã thổi phồng hoặc xuyên tạc bịa đặt ra những khuyết điểm để nói xấu Chính phủ và những cơ quan Nhà nước”.

Báo *Nhân dân* (21/01/1960):

“Trước tòa án, với những bằng chứng đầy đủ, bọn gián điệp nói trên đã nhận hết tội lỗi của chúng. Sau khi luật sư Đỗ Xuân Sảng bào chữa cho các tội phạm, căn cứ vào chính sách xét xử và trừng trị của Tòa án nhân dân là nghiêm trị bọn chủ mưu và bọn ngoan cố, khoan hồng với những người lầm đường, bị lừa gạt đã biết hối cải ...”

Báo *Văn học* (05/02/1960):

” Nguyễn Hữu Đang thú nhận: “ Tư tưởng của chúng tôi là phản động nên chúng tôi ra tờ báo *Nhân văn* để chống đối lãnh đạo, kích động quần chúng làm áp lực đấu tranh”. Ngoài báo *Nhân văn*, Nguyễn Hữu Đang còn dùng nhà xuất bản Minh Đức làm một công cụ để chống cách mạng. Y cung khai: “Tôi đã biến nhà xuất bản Minh Đức thành một công cụ chống lãnh đạo.”

Báo *Thời Mới* (21/01/1960):

“NĂM TÊN GIÁN ĐIỆP PHẢN CÁCH MẠNG, PHÁ HOẠI HIỆN HÀNH CÚI ĐẦU NHẬN TỘI
Nguyễn Hữu Đang và Thụy An, đầu sỏ chủ mưu, bị phạt giam 15 năm và mất quyền công dân 5 năm sau khi hết hạn giam”.

Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Minh Đức ... đang “nhận tội”. Nguồn: talawas
Mười lăm năm sau, sau khi mãn hạn tù, không biết Thụy An và những nhân vật khác trôi dạt về đâu, riêng Nguyễn Hữu Đang thì lủi thủi trở lại làng quê ở Thái Bình:

... *Gót nhọc men về thung cũ*

Quì dưới chân quê

Trăm sự cúi đầu

Xin quê rộng lượng

Chút thổ phần bò xéo cuối thôn
(“Ăn năn” – Phùng Cung)

Nguyễn Hữu Đang sống gần hết quãng đời còn lại nhờ vào... côn trùng và cóc rần! Ông cũng đã chọn sẵn chỗ nằm trong “... một bụi tre gần cuối xóm, độc giữa cánh đồng..., dưới chân bụi tre ấy có một chỗ trũng nhưng bằng phẳng, phủ đầy lá tre rụng, rất vừa người ... Tôi sẽ nằm ở đó chết để khỏi phiền ai ... Tôi đã chọn con đường ngắn nhất để có thể bò kịp đến đó, trước khi nhắm mắt xuôi tay” (Phùng Quán, “Ngày Cuối Năm Tìm Thăm Người Dựng Lễ Đài Tuyên Ngôn Độc Lập.” *Ba Phút Sự Thực*, 2nd ed. Nhà Xuất Bản Văn Nghệ Sài Gòn: 2007, 137).

Xử thế nhục đại mộng. Mười lăm năm tù, và mười lăm năm sống vất vưởng bên lề xã hội (kể như) chỉ là ... một giấc ngủ trưa – chắc chắn với rất nhiều ác mộng!

Cho đến khi ông nhắm mắt lia đời, tội danh gián điệp mới được “châm chước” (chút đỉnh) thành “**mắc sai lầm tham gia nhóm Nhân văn-Giai phẩm.**”

Thiệt là mừng muốn chết!

Cớ sao mà “cách mạng” lại “chiều cổ” đến Nguyễn Hữu Đang tận tình (và tuyệt tình) tới cỡ đó ? Một trong những nguyên do, có thể nhìn thấy được, là vì ông đã không chịu chấp nhận điều mà ông gọi là sự “xộc xệch” trong hiến pháp của nước CHXHCNVN.

Trên **Nhân văn số 4**, số ra ngày 5.11.1956, Nguyễn Hữu Đang còn (trót đại) lật cái mặt nạ đang đeo của Đảng CSVN:

“Hoà bình lập lại đã hai năm, dù cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất đất nước có phức tạp, gay go thế nào thì cũng không thể coi miền Bắc như ở một hoàn cảnh bất thường để duy trì mãi tình trạng thiếu một nền pháp trị hẳn hoi...”

“Do pháp trị thiếu sót mà Cải cách Ruộng đất hồng to đến thế. Do pháp trị thiếu sót mà quân đội chưa có chế độ binh dịch hợp lý, công an hỏi giấy giá thú đôi vợ chồng ngồi ngắm cảnh trăng lên ở bờ hồ, hộ khẩu rình bên cửa sổ khiến người ta mất ăn, mất ngủ, cán bộ thuế tự tiện vào khám nhà người kinh doanh, ở khu phố có chuyện đuổi nhà lung tung hoặc ép buộc người ở rộng phải nhường lại một phần nhà cho cán bộ hay cơ quan ở. Do pháp trị thiếu sót mà nhiều cơ quan bóc xem thư của nhân viên và một ngành rất quan trọng nọ đòi thông qua những bài báo nói đến mình, làm như một bộ phận của Nhà nước lại có quyền phục hồi chế độ kiểm duyệt mà chính Nhà nước đã bãi bỏ. Do pháp trị thiếu sót, người ta đã làm những việc vu cáo và đe dọa chính trị trắng trợn...”

Ông đã bị mang đi chôn (sống) bằng bản án mười lăm năm tù, và vùi dập cho đến chết chỉ vì lên tiếng đòi hỏi một thể chế pháp trị “chính qui” như vậy.

Năm mươi năm sau, khi ‘Bàn Về Chính Danh Trong Thể Chế Pháp Trị’ (qua **BBC, ngày 4 tháng 7 năm 2006**) một công dân Việt Nam khác – ông Lê Công Định – cũng đã phải một lỗi lầm (chí tử) tương tự khi đã chỉ ra cho mọi người thấy “mặt thật” của những kẻ đang nắm quyền bính tại xứ sở này:

“Không cần phải chờ đến kết quả ‘bầu cử’ vào ngày 26 và 27 tháng 6/2006 vừa qua tại Quốc hội, ngay từ lúc bế mạc Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X, ai cũng biết Ủy viên Bộ Chính trị nào sẽ đảm nhận những chức vụ Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Nước và Thủ tướng Chính phủ.”

“Dư luận không hề ngạc nhiên khi biết các ông Nguyễn Phú Trọng, Nguyễn Minh Triết và Nguyễn Tấn Dũng lần lượt được ‘tán phong’ vào những vị trí then chốt đó.”

...

“Việc điều hành hệ thống quản lý nhà nước với cơ chế thông qua những quyết sách quan trọng và bầu chọn nguyên thủ quốc gia, mà trên thực tế do một đảng chính trị quyết định, dù là đảng cầm quyền, một lần nữa cho thấy Đảng, chứ không phải nhà nước, đang cai trị

quốc gia. Thể chế chính trị như vậy, trong ngành chính trị học, được định danh là ‘đảng trị’, chứ không phải ‘pháp trị’.

Lê Công Định đã bị bắt giữ. Tất cả các cơ quan truyền thông của nước CHXHCNVN đều đồng loạt đưa tin là ông đã... nhận tội (rồi) cùng với những lời kết án vừa hàm hồ, vừa đanh thép – như họ đã từng dùng để nhục mạ Nguyễn Hữu Đang, năm mươi năm trước.

Trí nhớ của những người làm báo ở Việt Nam, xem chừng, không được tốt; hoặc giả, tâm địa của họ hơi bị xấu. Còn giới lãnh đạo của xứ sở này thì rõ ràng là kém cỏi cả hai: về tâm địa cũng như kỹ ức.

Với tất cả quyền lực trong tay thì có khó khăn gì trong chuyện bắt một người đem giam, ép họ phải nhận tội để xin khoan hồng, rồi mang rêu rao (một cách hể hả) trên mọi phương tiện truyền thông.

Tôi chưa bao giờ có dịp đặt chân đến Hà Nội. Cứ theo lời kể của một nhà thơ (ông **Phùng Quán**) thì đây là nơi :

Chín người – mười cuộc đời rạn vỡ

Bị ruồng bỏ và bị lưu đày...

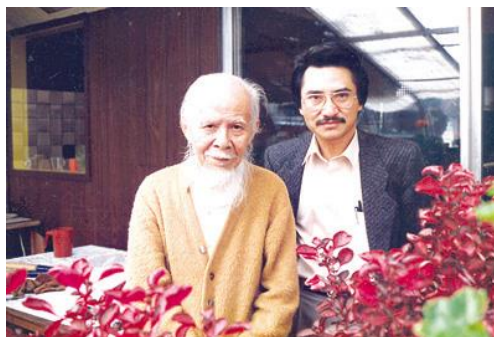
Nguyễn Hữu Đang chỉ là một trong vô số những nạn nhân mà “cuộc đời rạn vỡ,” trong thời gian hơn năm mươi mà những người cộng sản nắm được quyền bính ở Việt Nam. Xin đừng ai ảo tưởng rằng nhà đương cuộc Hà Nội lại sẽ có thể tiếp tục gây những tội ác tương tự lên cuộc đời của Lê Công Định.

Thời thế đã đổi. Gió đã chuyển rồi. Hãy để dành “những lời thú tội” và “xin khoan hồng” cho những phiên toà sắp tới, khi mà những kẻ tội phạm đích thực (của cả dân tộc Việt) sẽ bị mang ra xét xử – trong tương lai (rất) gần thôi.

(*) Tất cả các bản tin về phiên toà xử *Nhân Văn – Giai Phẩm*, do Lại Nguyên Ân sưu tầm, đều có thể đọc được ở [talawas](#).

Học giả Hoàng Văn Chí, người phát giác vụ ‘Nhân Văn - Giai Phẩm’ cuối thập niên '50 Viên Linh

Trong sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam hơn nửa thế kỷ nay, từ 1959 tới nay, 2010, bảy chữ Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc, nhan đề của cuốn sách, hay cụm từ Vụ Nhân Văn - Giai Phẩm, luôn luôn là đề tài nóng hổi của sách báo, của truyền thông các giới, vì nó không những bao hàm cuộc tranh đấu sinh tử - nhiều kẻ chết và nhiều kẻ tự tử - và hàng trăm gia đình văn nghệ sĩ trí thức bị tù đày, hành hạ; nó còn kéo dài tới các thế hệ sau bằng những cuốn hồi ký, tự phê, thật bẽ bàng cho nhân phẩm, đáng xấu hổ cho giới văn hóa liên hệ Những chữ ấy đều hiện ra lần đầu tiên và tồn tại, từ cuốn sách của học giả Hoàng Văn Chí xuất bản tại Sài Gòn cuối thập niên '50.



Học giả “Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc” Hoàng Văn Chí (trái) và tác giả Viên Linh tại Hoàng Môn, Maryland, vài năm trước khi cụ Hoàng từ trần, 6 tháng 7. 1988. Ảnh do Nguyễn Hữu Hiệu chụp.

Tiểu truyện Hoàng Văn Chí

Cuối thập niên '70 tại vùng tam biên Washington, D.C. - Maryland - Virginia, nổi bật hình ảnh hai lão trượng râu bạc như cước, mảnh mai, điềm nhiên thanh thản, người lúc nào cũng cầm trong tay một cái tẩu thuốc màu gụ, kẻ tươi cười hỏi han các thanh niên, phụ nữ dù quen thuộc hay không; đó là học giả Hoàng Văn Chí còn đang làm việc tại bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, và nhà thơ họa sĩ Trương Cam Khải, cư ngụ trong ngôi nhà có vườn tược xanh um, thoai thoải từ sân trước xuống thấp dần vào thung lũng sân sau. Hội hè nào có hai bóng dáng ấy là hiện ra vẻ văn hiến và phong thái của một cộng đồng lễ nghi trật tự hiếm hoi trong những năm đầu của di tản, của tị nạn cộng sản. Đằm ám hơn nữa, lễ nghi hơn nữa khi có thêm những nhân vật văn hóa khác, như các cụ Trần Công Kiên và nữ sĩ Song Khê, em ruột bà Trương Phố, ông Trần Văn Kiện, dòng dõi học giả dịch giả Trần Văn Giáp, tác giả “Lược Truyện Các Tác Gia Việt Nam.” Ấy là không kể tới những quan lại của các triều đình cũ từng phục vụ tại Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa ở thủ đô Hoa Kỳ, còn sinh sống trong vùng nhiệm sở.

Khi được gặp tác giả “Trăm Hoa,” cũng như của “Từ Thực Dân đến Cộng Sản” đã được dịch ra 12 thứ tiếng, kẻ hậu sinh nào không ngưỡng mộ? Không những thế, từ con người ấy toát ra một phong thái uyên áo, những nhận xét sắc bén kèm theo các thí dụ cụ thể. Được gặp cụ đôi lần, sau này đi định cư xa thì cụ nhắn “khi nào về thăm vùng D.C., ông nhớ ghé tôi.” Tôi có ghé thăm cụ trong ngôi nhà Hoàng Môn ở Maryland, dường như chỉ hai hay ba năm trước khi cụ qua đời, tháng 7, 1988. Ngôi nhà mơn mớn hoa đào hồng phấn, một thứ hoa mà Nguyễn Hữu Hiệu nói rằng không ở đâu có: “Lá thì đỏ, hoa màu phấn hồng.” Hiệu từng được cụ ghi lời cảm ơn trên sách, cùng vài người khác, vì Hiệu đã giúp cụ dịch Phạm ngữ (Sankrit) trong cuốn “Duy Văn Sử Quan” xuất bản sau này; hay trên những văn bản khác. Hồng Phấn, tên đọc lên nghe tựa tựa khuê danh của cụ bà, Hằng Phấn. Cụ bà không bệnh tật gì, đã lẳng lẳng theo chồng nghe nói trong vòng năm bảy tháng. Tôi cũng được gặp hai cụ đôi ba lần trước khi dời qua California.

Nhắc đến học giả Hoàng Văn Chí, người ta có nhiều điều để chiêm nghiệm, nhiều điều để kể cho nhau nghe; ngay cả về cụ bà, [* một trong ba con gái của danh sĩ Sở Cuồng Lê Dư, chiến sĩ Đông Du qua Nhật năm 1905 và sau đó và qua Tàu, ông cùng hoạt động với Nguyễn Bá Trác, bình bút các báo Nam Phong, Hữu Thanh. Hai bà kia một người có làm thơ ký tên thật là Hằng Phấn, vợ của nhà phê bình Vũ Ngọc Phan, một lấy Tướng Nguyễn Sơn, do Hữu Loan mai mối.] Điều cụ Hoàng làm tôi phải lắng nghe chăm chú lần thứ nhất là khi cụ nói về “giới truyền thông Hoa Kỳ, tay sai của Do Thái.” Lúc ấy khoảng 1980.

Cụ Hoàng Văn Chí nói, tôi không thể nào nhớ hết và nhớ đúng từng chữ, đã 30 năm qua: “Tuyên thông Mỹ, các đài ABC, nằm trong tay Do Thái. Tài phiệt Do Thái chi phối dư luận theo quyền lợi của họ.” Lúc ấy nghe thế, người nào không ngạc nhiên. “Mấy tờ nhật báo lớn ở Mỹ nằm trong tay Do Thái. The New York Times của Do Thái. The Washington Post của Do Thái. Ba anh lính ở Do Thái bị Ả Rập bắn chết nó đăng 3 cột, hàng trăm người Việt vượt biên chết đuối ngoài biển họ không loan một dòng.” Điều này khiến tôi như bưng tỉnh. Quả thật khi nghe tin hải tặc Biển Đông chặn tàu vượt biển, cướp bóc hãm hiếp đồng bào phụ nữ

ta, tôi đã cố tìm tin ấy trên tờ Washington Post; không thấy một dòng. Đành chỉ căn cứ vào tin báo Việt, vào tin loan truyền trong đám dân tị nạn như mình.

“Nhân loại khổ vì Do Thái, cụ Hoàng Văn Chí nói. Không phải là không có những người Do Thái tốt, như ông Jê-Su là Do Thái, ông rao giảng thuyết bác ái cho loài người từ gần hai ngàn năm nay. Nhưng Karx Marc là Do Thái, thuyết Duy Vật của lão đã giết hại hàng trăm triệu người qua chủ nghĩa Mac-xít. Marx đã sinh ra Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Pol Pot Bọn này đã giết biết bao người vô tội?”

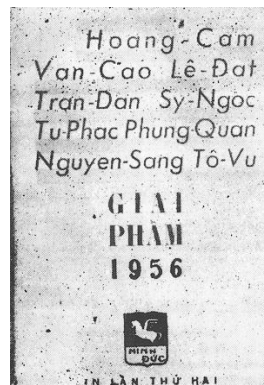
Lúc ở Sài Gòn, tôi đã có cuốn Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc của cụ, bản giấy láng, khổ lớn, do Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa (hình như do ông Lý Trung Dung đứng đầu?) tái bản. Bản in lần đầu nhỏ hơn, ký tên Mạc Đình. Nay trực tiếp gặp tác giả, nghe chuyện tác giả, tôi đã tìm hiểu về tác giả Hoàng Văn Chí nhiều hơn.

Ông Hoàng Văn Chí sinh ngày 1 tháng 10, 1913 tại Thanh Hóa; khi ra Hà Nội học trường Trung Học Albert Sarraut (1928-1935), và đậu Cử nhân Khoa Học tại Đại Học Đông Dương (1940). Bút hiệu Mạc Đình. Năm 1940 kết hôn với bà Lê Hằng Phần, ái nữ Sở Cường Lê Dư, có ba người con: một trai hai gái.

Lúc còn niên thiếu đã tham gia bãi khóa (1926), vào phong trào “Le Travail” (1936); hoạt động trong đảng Xã Hội SF10 (1937-39). Tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp từ 1946, chính thức hoạt động với chính quyền Việt Minh (1949-53) với tư cách chuyên viên phụ trách đúc tiền, làm giấy in bạc, chế tạo hóa chất cho quốc phòng, thiết lập hệ thống thủy điện. Năm 1954 ông bỏ kháng chiến trở về thành.

Sau Hiệp Định Genève chia đôi đất nước, ông di cư vào Nam (1955); cộng tác với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, làm phó lãnh sự tại Tân Đê Li Ấn Độ (1959-60). Tự ý rời khỏi Ấn Độ (tháng 2, 1960) qua Âu Châu lưu trú tại Pháp (1960-65) bắt đầu viết sách và hoạt động văn hóa. Sang Mỹ từ năm 1965, theo lời mời của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Tác giả các cuốn sách: “Phật Roi Lệ,” 1956 - “Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc,” 1959 - “The New Class in North Vietnam” - “The Nhân Văn Affair” - “From Colonialism to Communism” (1964). Đóng góp tài liệu hoặc bài viết trong các cuốn sách: “North Vietnam Today”, “Vietnam Seen From East and West.”

Nghiên cứu và sưu khảo các tài liệu về chính trị, văn hóa, triết lý cổ kim, Đông Tây với tham vọng đưa ra trong một cuốn sách, tổng nhận định về bước tiến hóa của nhân loại, dẫn đến một học thuyết mới, khả dĩ hướng dẫn được chúng ta trong tiến trình kiến quốc và hưng quốc. Cuốn sách này được thực hiện mang tựa đề: “Duy Văn Sử Quan” với chương XXI đang viết dở dang 1988, thì tác giả từ trần. Công việc đã từng làm: Biên tập viên Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA) chuyên bình luận về Bắc Việt (1965-69), Giảng viên về Văn hóa và Triết học cho cơ quan Phát Triển Quốc Tế (USAID), cho các lớp huấn luyện ngoại giao, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, và một số trường đại học Hoa Kỳ (1970-79). Thuyết trình với các giới thanh niên dưới hình thức thuyết giảng, hội đàm, mạn đàm về các đề tài văn hóa, giáo dục tại nhiều nơi ở Mỹ, Gia Nã Đại, Úc Đại Lợi trong nhiều năm liên tiếp. Thuyết trình trước “Hội nghị bàn về vấn đề hòa đàm Paris 1973 về Việt Nam” tại Paris, Pháp (1987). Từ trần ngày 6 tháng 7 năm 1988 tại Maryland Hoa Kỳ, thọ 75 tuổi.



Bìa một tờ Giai Phẩm.

“Trăm hoa đua nở trên đất Bắc”

Cuốn sách này được in đi in lại nhiều lần, song không lần nào được hoàn chỉnh bằng lần in thứ nhất tại Sài Gòn, khổ lớn, giấy mịn, dày gần 400 trang. Nội dung cuốn sách là lịch sử cuộc nổi dậy của trí thức văn nghệ sĩ Việt Nam ở miền Bắc vĩ tuyến 17 chống chính sách chỉ huy văn nghệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Khi đề cập tới một nhà văn, một nhà thơ hay một nghệ sĩ sáng tác ca khúc, hội họa, nhà biên khảo Hoàng Văn Chí đều cung cấp một tiểu sử tuy ngắn gọn nhưng chính xác. Kèm theo là hình ảnh, hoặc tờ báo, hoặc bìa sách, hoặc chân dung người được nói đến. Trang báo này không đủ để nói về cuốn sách, nhưng xin in lại những đoạn hay nhất trong Lời Tựa. Chỉ trong vài trăm chữ, chúng ta đã có thể biết phẩm chất của công việc mà học giả Hoàng Văn Chí thực hiện, ít ra là cho cuốn sách đang được nói đến:

“Trăm hoa đua nở, Trăm nhà (1) đua tiếng” là dịch nôm câu chữ Hán: “Bách hoa tề phóng, Bách gia tranh minh,” trong cổ văn. Đây là một câu mà học giả đời Hán đặt ra để vừa ca tụng vừa tỏ ý luyến tiếc nền văn học cổ điển Trung Quốc, sáng ngời trong mấy thế kỷ trước, về thời Đông Chu.

Văn học Trung Hoa về thời Đông Chu quả thật xứng đáng cho các thế hệ sau ca ngợi, vì trong vòng ba thế kỷ (từ thế kỷ thứ VI đến thế kỷ thứ III trước Tây lịch kỷ nguyên), các học giả thời Đông Chu đã đưa nền văn học Trung Quốc từ chỗ thấp nhất đến chỗ cao nhất mà hai nghìn năm sau, không tài nào vươn tới.

Gần như cùng một lúc, Lão học, Khổng học, Mặc học đua nhau ra đời, tiếp theo là những học thuyết uyên thâm của Mạnh Tử, Tuân Tử và Dương Chu. Có thể nói được rằng hầu hết các lý thuyết hiện nay còn đương tranh giành ảnh hưởng trong nhân loại, như chủ nghĩa dân chủ, lãng mạn, vô chính phủ, duy vật, xã hội, quân chủ chuyên chế, quân chủ lập hiến, phát xít, v.v... đều đã có đại diện từ thời bấy giờ. Tính theo thời gian thì nền văn học Trung Quốc đã bỏ xa nền văn học Âu Châu vào khoảng 20 thế kỷ.

Vì vậy nên ngày nay, những học giả nghiên cứu lịch sử văn hóa Á Đông đều phải thắc mắc về một điểm: Tại sao một nền văn hóa đương phát triển một cách tốt đẹp như vậy lại bỗng nhiên đứng dừng lại, khiến trong suốt hai nghìn năm về sau, Trung Quốc chỉ có lùi mà không có tiến về phương diện tư tưởng?

Ông Tibor Mende, một nhà học giả Tây phương, chuyên nghiên cứu về các vấn đề Á Đông, đã ví nền văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ như hai con sông lớn, đã mang sinh lực tưới khắp miền Đông Nam Á, bỗng dưng bị cạn hết nước. Nguyên nhân gì đã làm tịt ngòi? Ông nêu ra câu hỏi mà không trả lời. (2)

Nói một cách rõ ràng hơn thì: Tại sao về thời Đông Chu lại có Khổng, Mạnh, Lão, Mặc mà hai nghìn năm sau không có vị thánh hiền nào cả? Hoặc dùng một hình ảnh tượng trưng thì: Tại sao trong một thời đại loạn ly như thời Xuân Thu, Chiến Quốc, Trăm Hoa lại Đua Nở, mà từ thời ấy về sau hoa lại không nở?

Chúng tôi nghĩ rằng nếu ôn lại lịch sử chính trị Trung Quốc, chúng ta có thể tìm ra câu giải đáp.

Chú thích:

[] Từ ngày ông Mao Trạch Đông lên kế nghiệp Tần Thủy Hoàng, ông đã giết Hồ Phong, và nhiều học giả khác, nhưng gần đây ông lại tuyên bố cho phép “Trăm hoa đua nở, Trăm nhà đua tiếng.” Không ai biết rõ chủ định của ông Mao như thế nào, nhưng mọi người đều nhận thấy rằng trên toàn cõi Trung Cộng hiện nay, không có thứ hoa nào khác là hoa Mác-Xít. Tóm lại dù là chuyên chế kiểu quân chủ hay kiểu Cộng Sản, chế độ tập quyền vẫn tiêu diệt tự do tư tưởng. Ngày nay cũng như suốt hai nghìn năm về trước, trí thức Trung Hoa vẫn bị bịt mồm, bịt miệng.*

Từ ngày Bắc Việt trở thành một “vệ tinh” của khối Cộng Sản, trí thức ở Bắc Việt cũng lâm vào tình trạng chung của đồng bạn ở khắp trong bức màn sắt.”

(1) Nhà hoặç gia nghĩa là một học phái.

(2) Trong cuốn L'Asie Du Sud-East Entre Deux Mondes của Tibor Mende, bản dịch tiếng Pháp của René Guyonnet, trang 17, Edition du Seuil Paris 1954.

Saigon, tháng 1, 1959

Hoàng Văn Chí

Trưởng ban biên tập của

Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa